

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

Ảnh bìa 1: Đại biểu tham dự Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V

Trong số này

* Thư Tòa soạn

1. TIÊU ĐIỂM

- Hội nghị chuyên đề PGNT Khmer - HT. T. Thiện Nhơn
- Tham luận của PGNT Khmer - HT. Thạch Sốc Xane
- Bài phát biểu của Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Phạm Dũng
- Nhà Phật với Giáo dục - Nguyễn Khắc Thuần
- Tính chất Hòa bình của Phật giáo - Thích Phước Sơn
- PGNT Kinh và Khmer ở Việt Nam - TT. Thích Bửu Chánh
- Lễ cầu nguyện Hòa bình Thế giới - HT. T. Thiện Tâm

2. KINH TẠNG

- Kinh Tư Lượng - HT. Thích Minh Châu

3. LUẬT TẠNG

- Giới luật của người xuất gia - Nguyệt Thiên

4. THIỀN HỌC

- Thiền Định là gì? - Hoàng Phong

5. LUẬN TẠNG

- Lộ trình sắc Pháp - TK. Pasādo

6. VĂN HÓA

- Con số 7 kỳ diệu - Ái Minh
- Phật giáo vẫn đang hồi sinh - Cherry Thein
- Sự khác biệt giữa - TTTS. Bửu Chánh
- Tết cổ truyền các dân tộc - Bách Khoa toàn thư

7. SUY NGẪM

- Điều đáng sợ nhất - Duy Thiện

03

04

07

09

11

13

15

17

8. VĂN THƠ

- Tìm hiểu Ấn đức Pháp - ĐĐ. Thiện Minh 37
- Mùa Đản sanh điều ngự - Ngàn Thương 40
- Tâm gương nhiệm mầu - HT. Thích Giác Toàn 40
- Tình huynh nghĩa đệ - Đình Văn Sơn 41
- Bóng tà - Tâm Uyên 41

9. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- Tôn giáo giúp giới trẻ - Pháp Luân online 42
- Bài học - BS. Nguyễn Tối Thiện 44

25

10. PHẬT GIÁO BỐN PHƯƠNG

- Phật giáo Tích Lan - Duy Nhật 47
- Quá trình phục hoạt giáo đoàn - Trần Như Mai 49

27

29

31

34

11. VĂN HỌC PĀLI

- PG và truyền thống Chú giải - Nguyễn Cửu Long 52

12. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- 10 lợi ích của trái Xoài - Huyền Trang 54

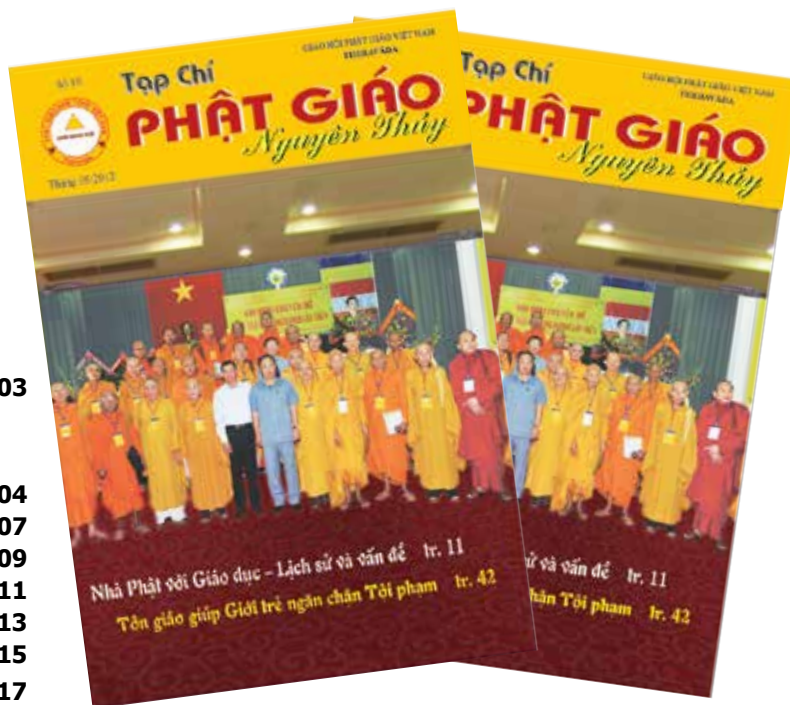
36

13. PHÁP LUẬT

- Luật bảo vệ tài sản - Lâm Thị Mai 55

14. THEO DÒNG

56





Thư Tòa Soạn

Về mặt văn hóa, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 4 tạp chí và 1 tờ báo giác ngộ. Năm địa chỉ trên chuyển tải lời dạy của đấng Giác ngộ đến với Tăng Ni, đồng bào Phật tử, quý độc giả trong và ngoài nước trong thời gian qua khá đầy đủ kiến thức tu học, thông tin tư tưởng nhà Phật phong phú, đa dạng. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy tuy ra đời muộn nhưng cũng gây một sự chú ý không nhỏ trong giới độc giả, vì nội dung giúp cho người đọc phương pháp tu theo chánh pháp kinh điển Nguyên thủy, có nhiều thể loại, giúp độc giả hưởng thức tạp chí ở nhiều góc cạnh khác nhau. Trong thời gian qua, Giáo hội ta trong những tháng đầu năm 2012 đã diễn tiến nhiều công tác Phật sự khá quan trọng.

Trong nước, đã và đang đại hội các quận huyện trong tỉnh thành, cũng như đại hội đại biểu các tỉnh trong cả nước để chuẩn bị tiến đến đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ 2012- 2017 vào cuối năm 2012; Tổ chức thành công Đại lễ Phật đản Phật lịch 2556 trên toàn quốc, đặc biệt năm nay có nhiều xe hoa diễu hành trên các đường phố, trao nhiều nhà tình thương, ủng hộ quỹ người nghèo trong dịp đại lễ Phật đản; Giới Phật giáo Nam tông tham dự lễ hội tết cổ truyền các dân tộc tại hội trường Liên hiệp Hữu nghị do lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, trong buổi lễ có khóa kinh chúc phúc cho các dân tộc Thái, Lào, Campuchia, Miến Điện; Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam Tông Khơme lần thứ V tại tỉnh Trà Vinh thành công, có nhiều bài tham luận của các tỉnh thành, phản ánh tâm tư nguyện vọng và những đề xuất chính đáng đến Giáo hội và Ban tôn giáo chánh phủ; Hội thảo Giáo dục ở thủ đô Hà Nội khá long trọng, nhằm vạch định nền giáo dục Phật giáo Việt Nam trong tương lai mang tính thống nhất và đồng bộ.

Ngoài nước, Hòa thượng Thích Thiện Tâm đại diện Giáo hội tham dự Đại lễ cầu nguyện Hòa bình cho thế giới tổ chức tại Tích Lan nhân dịp Phật lịch 2556.

Sắp tới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiến hành tổ chức tu chỉnh hiến chương và nội quy ban tăng sự. Nhằm định hướng cho hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII của Giáo hội phát triển tốt đẹp hơn nữa. Vì hiến chương và nội quy tăng sự được xem như là luật hành trì của Phật giáo trong thời đại hiện nay. Nên việc tu chỉnh hiến chương được xem như là một điều hệ trọng, quy tụ chư tôn giáo phẩm trong Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, Ban ngành viện trung ương và Chư tôn giáo phẩm đại diện các tỉnh thành trong cả nước. Khi tu chỉnh hiến chương xong, Tạp chí Phật Giáo Nguyên Thủy sẽ trích đăng giới thiệu Nội quy ban Tăng sự và Hiến chương của Giáo hội đến quý độc giả.

Để tạp chí phát triển lâu dài, chúng tôi rất mong sự cộng tác của Chư tôn đức Tăng Ni và Quý Phật tử trí thức xa gần hoan hỷ cộng tác viết bài cho tạp chí, đồng thời rất mong sự ủng hộ của quý Phật tử độc giả trong cũng như nước ngoài đến tạp chí. Phương thức ủng hộ: Đăng quảng cáo công ty trên tạp chí, ủng hộ tặng và mua tạp chí mỗi số.

Cuối cùng, Tạp chí PGNT kính chúc Chư tôn giáo phẩm luôn an lạc, Phật sự viên thành. Kính chúc toàn thể quý Phật tử độc giả luôn an lạc trong chánh pháp của đức từ bi.

Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam Tông Khmer Lần thứ V tại Trà Vinh

HT. Thích Thiện Nhơn
Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký GHPGVN

Vào lúc 8 giờ ngày 8 tháng 5 năm 2012, tại Hội trường Tỉnh ủy tỉnh Trà Vinh, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ban Tôn giáo Chính phủ trọng thể tổ chức Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V.

Đến chứng minh và tham dự có HT. Dương Nhơn – Phó Pháp chủ HĐCM, Phó Chủ tịch HĐTS; HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; HT. Thích Thiện Pháp – Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 TWGH; HT. Thạch Sốc Xane – UV. Thường trực HĐTS, Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Trà Vinh; chư Tôn giáo phẩm HĐTS, Ban Trị sự các tỉnh, thành có Phật giáo Nam tông Khmer sinh hoạt và gần 200 sư sãi đại diện cho các chùa Phật giáo Nam tông Khmer.

Đến tham dự Hội nghị có ông Phạm Dũng – Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ; ông Thạch Hel – Phó Bí thư Thường trực tỉnh ủy Trà Vinh, ông Trần Khiếu – Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh; ông Phạm Văn Tám – Chủ tịch UBND TP. Trà Vinh; quý ông, bà đại diện các Bộ ngành Trung ương, tỉnh Trà Vinh, các tỉnh, thành có Phật giáo Nam tông Khmer sinh hoạt.

Hôm nay trong không khí đoàn kết hòa hợp, thắm tình đạo vị của các thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đồng vân tập về thành phố Trà Vinh để tham dự Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V. Thay mặt ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Tổ chức Hội nghị, tôi xin gửi đến chư vị khách quý đại diện Đảng, Nhà nước, ban Tôn giáo Chính phủ, ban Chỉ đạo Tây Nam bộ; Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các Sở, ngành tỉnh Trà Vinh, thành phố Trà Vinh; đại diện Sở Nội vụ - Ban Tôn giáo, chư Tôn giáo phẩm Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam bộ; chư



HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS phát biểu khai mạc Hội nghị



HT. Thích Giác Toàn Thay mặt Lãnh đạo GHPGVN tặng hoa chúc mừng Hội nghị

Tôn đức Đại biểu Phật giáo Nam tông Khmer, Phật giáo Nam tông Kinh và chư vị khách quý lời chúc mừng trân trọng nhất. Kính chúc Quý Đại biểu thân tâm an lạc, cát tường như ý. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Thưa Quý Đại biểu,

Kể từ năm 1981 đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trải qua hơn 30 năm hình thành, phát triển và đồng hành cùng dân tộc, đã tự khẳng định vị thế

của mình trong lòng dân tộc và cộng đồng thế giới. Sự thành tựu các hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời gian qua chính là nhờ vào tinh thần đoàn kết, hòa hợp của người con Phật và sự đóng góp trí tuệ tập thể, tập trung dân chủ, phát huy tiềm năng và cơ cấu tổ chức từ cấp lãnh đạo ở Trung ương đến các Ban Trị sự Phật giáo địa phương, thông qua các Ban, Viện Trung ương và các Ban Ngành Phật giáo cơ sở chính là sự thống nhất trong đa dạng và đồng thuận trong các Phật sự của từng thành viên trong đại gia đình Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các truyền thống, pháp môn và phương tiện tu hành đúng Chánh pháp của các hệ phái luôn được Giáo hội tôn trọng, duy trì theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã qui định.

Với những thành quả đạt được của các cấp Giáo hội trong suốt thời gian qua, trong đó có sự đóng góp của một khối lượng gần 9.000 vị tu sĩ, trên một triệu năm trăm nghìn tín đồ Phật tử Phật giáo Nam tông Khmer. Qua đó, cho thấy tính thống nhất về mặt tổ chức, lãnh đạo trong toàn Giáo hội, tính đoàn kết hòa hợp của dân tộc Việt Nam nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng đã có từ hơn 2000 năm nay trên đất nước Việt Nam thân yêu này được nâng lên ở tầm cao thời đại. Ngày nay, trong xu thế phát triển bền vững và hội nhập, tinh thần đoàn kết hòa hợp cần được phát huy để tạo thành sức mạnh tổng hợp của Dân tộc và của GHPGVN để hoàn thành mục tiêu xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bằng niềm tự tin, lòng tự hào khảng định ấy, chúng ta cùng nhìn lại một vài khía cạnh hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là đối với Phật giáo Nam tông Khmer trong thời gian qua, kể từ Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ I tại Sóc Trăng đến nay đã được 4 lần Hội nghị. Với sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước và các cấp Giáo hội, cho đến nay Phật giáo Nam tông Khmer đã có những hoạt động tích cực, cụ thể, nâng cao hiệu quả các mặt hoạt động Phật sự. Điển hình như: Ban Tôn giáo Chính phủ và Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã hỗ trợ công tác in ấn và phát hành hàng vạn quyển Kinh sách Phật giáo bằng chữ Khmer; khắc và trao con dấu cho các chùa Phật giáo Nam tông Khmer; hợp thức hóa và bổ nhiệm trụ trì, bổ nhiệm Ban Quản trị các chùa Phật giáo Nam tông Khmer; hỗ trợ kinh phí cho việc tổ chức các Lớp học Sơ cấp Pali, Vini; Học viện Phật giáo Nam tông Khmer đã hoàn tất công tác giảng dạy khóa I với 58 chư Tăng tốt nghiệp Cử nhân Phật học và tiếp tục khai giảng khóa II (2011 - 2015) với 36 chư Tăng theo học; tham dự hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế; cử đoàn Đại biểu Phật giáo Nam tông Khmer sang Campuchia thỉnh

một số đầu kinh sách nguyên bản tiếng Khmer; tham dự Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh An Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Tây Ninh, Bình Phước, Kiên Giang nhiệm kỳ 2012 - 2017, tham dự Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc tại Bangkok - Thái Lan; tham dự Hội nghị Phật giáo toàn cầu tại Ấn Độ; tham dự Đại lễ Kỷ niệm và hội thảo 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Về công tác trùng tu, xây dựng chùa cảnh trang nghiêm đã được tiến hành tại một số cơ sở. Đặc biệt, để nâng cao các hoạt động của Phật giáo Nam tông Khmer, theo đề nghị của chư Tôn đức Giáo phẩm Phật giáo Nam tông Khmer, Trung ương Giáo hội đã ra quyết định chuẩn y thành phần nhân sự Phân ban Tăng sự thuộc Ban Tăng sự Trung ương và Phân ban Văn hóa thuộc Ban Văn hóa Trung ương; Công cử nhân sự để đôn đốc Phật sự các tỉnh miền Đông Nam bộ; Việc cơ cấu nhân sự Ban Trị sự các Tỉnh, Thành hội Phật giáo nhiệm kỳ 2012 - 2017 tại các tỉnh đã Đại hội như An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, Bình Phước và Tây Ninh, một số chư Tôn đức giáo phẩm Phật giáo Nam tông Khmer được cơ cấu vào Ban Trị sự với các chức vụ như Trưởng ban, Phó Trưởng ban Thường trực, Phó ban, các Trưởng ban chuyên ngành và các ủy viên, tạo sự hài hòa giữa Phật giáo Nam tông và Phật giáo Bắc tông; đồng thời tại các kỳ Hội nghị thường niên của Trung ương Giáo hội đều có tấn phong chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer lên hàng giáo phẩm Hòa thượng, Thượng tọa theo đề nghị của Quý Ban Trị sự.

Tuy nhiên, do những yếu tố chủ quan và khách quan, nên một số công tác được đề ra tại Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ IV chưa triển khai thực hiện một cách trọn vẹn như:

1. Công tác đo đạc, cấp quyền sử dụng đất cho Học viện Phật giáo Nam tông Khmer chưa thực hiện.
2. Việc thành lập Trường Trung cấp Phật học Nam tông Khmer tại Trà Vinh có tiến hành, nhưng còn chậm nên chưa có kết quả.
3. Công tác cấp giấy chứng nhận tu sĩ còn khó khăn, do có nhiều ý kiến khác nhau và chưa thống nhất phương thức thực hiện, dù Trung ương Giáo hội đã có kế hoạch và cấp được một số giấy chứng nhận tu sĩ trong thời gian qua.
4. Vấn đề biên soạn chương trình học các cấp cho các Trường, Học viện chưa thực hiện, dù Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương đã có cố gắng phác họa, gợi ý thực hiện bước đầu.
5. Công tác thẩm định tái bản một số đầu kinh

sách Phật giáo Nam tông bằng chữ Khmer đã in sai đến nay chỉ hoàn tất 10/34 đầu sách, do đó việc in ấn có phần đình đốn, không được hanh thông theo kế hoạch đã định.

6. Công tác đo đạc, công nhận các chùa là di tích lịch sử văn hóa, hay chùa có công với cách mạng đến nay vẫn chưa thực hiện, vì Phân Ban Văn hóa Phật giáo Nam tông Khmer mới bắt đầu hoạt động vào đầu năm nay.

7. Việc truy tìm danh sách, thông tin chư Tôn đức Phật giáo Nam tông Khmer có nhiều công đức đối với Đạo pháp và Dân tộc để in thành tập Danh Tăng Phật giáo Nam tông Khmer chưa thực hiện được, dù Ban Văn hóa Trung ương đã lập kế hoạch.

Nhưng nhìn chung, Trung ương Giáo hội, Ban Tôn giáo Chính phủ và các ngành chức năng đã dành rất nhiều sự quan tâm đặc biệt đối với sự phát triển của Phật giáo Nam tông Khmer.

Kính thưa Quý Đại biểu,

Theo chương trình hoạt động, hai năm một lần, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Tôn giáo Chính phủ đồng phối hợp tổ chức Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer để đánh giá công tác triển khai Nghị quyết của Hội nghị, đề ra công tác cho 02 năm sau. Qua đó, Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V tại Trà Vinh lần này với mục đích: Tiếp tục thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự hỗ trợ của các cấp Giáo hội về các mặt Giáo dục, Văn hóa, tổ chức quản lý, sinh hoạt của chư Tăng, Tự viện để Phật giáo Nam tông Khmer phát triển một cách đồng bộ, về chiều rộng lẫn chiều sâu trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đồng thời vừa mang tính đặc thù của Hệ phái, vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Khmer; đánh giá các hoạt động đạt được từ sau Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ IV; đóng góp ý kiến cho việc tu chỉnh Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ V và các hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012 - 2017) của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tiến đến Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII vào khoảng tháng 11 năm 2012 tại Thủ đô Hà Nội.

Giáo hội tin chắc rằng, với tinh thần trách nhiệm, tuân thủ các nguyên tắc đã định, vì tiền đồ và tương lai Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer nói riêng, tại Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V này, Quý Đại biểu sẽ tham gia nhiều ý kiến phát biểu bổ sung có ý nghĩa thiết thực, mang tính xây dựng để Giáo hội Phật giáo



Quý Đại biểu tham dự hội nghị

Việt Nam đề ra những định hướng và chương trình sinh hoạt Phật sự cụ thể theo tinh thần hỗ trợ để Phật giáo Nam tông Khmer ngày càng phát triển vững mạnh trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, góp phần trang nghiêm Giáo hội trong lòng dân tộc, thực hiện hữu hiệu phương châm hoạt động của Giáo hội “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội”.

Hôm nay dưới sự gia bị của chư Phật, trong tinh thần lạc quan, tin tưởng và hòa hợp, hội họp trong đoàn kết, thảo luận trong đoàn kết và kết thúc trong đoàn kết của tất cả chúng ta, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, tôi xin long trọng tuyên bố khai mạc Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V tại thành phố Trà Vinh”. ■

THỐNG KÊ CHƯ TĂNG VÀ TỰ VIỆN PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER NĂM 2012

STT	Khu vực	Chư Tăng	Tự viện
01	TP. Hồ Chí Minh	55	02
02	Tỉnh Trà Vinh	3.265	141
03	Tỉnh Vĩnh Long	250	13
04	TP. Cần Thơ	87	12
05	Tỉnh Sóc Trăng	1.834	92
06	Tỉnh Bạc Liêu	307	26
07	Tỉnh Cà Mau	32	07
08	Tỉnh Kiên Giang	1.014	75
09	Tỉnh Hậu Giang	64	15
10	Tỉnh An Giang	580	65
11	Tỉnh Tây Ninh	22	05
12	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	24	01
13	Tỉnh Đồng Nai	06	01
14	Tỉnh Bình Phước	04	07
	Tổng cộng	7.544	462

Trích Tham luận của Phật giáo Nam Tông Khmer tỉnh Trà Vinh trong Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam Tông Khmer lần thứ V tại tỉnh Trà Vinh

HT. Thạch Sóc Xane

Ủy viên Thường trực HĐTS GHPGVN
Trưởng ban Trị sự PG tỉnh Trà Vinh

Hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V được tổ chức tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, vùng đất địa linh nhân kiệt, có ngôi đền thờ Bác Hồ kính yêu, có hàng cây sao, cây dầu dù cổ thụ hàng trăm năm, thắng cảnh Ao Bà Om làm nao nức lòng người. Là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long được thiên nhiên ưu đãi bởi hai nguồn phù sa của hai dòng sông lớn là sông Tiền và sông Hậu, tỉnh có truyền thống đoàn kết đấu tranh Cách mạng hào hùng của ba dân tộc Kinh – Khmer – Hoa trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

Hôm nay, Hội nghị được diễn ra trong lúc tỉnh Trà Vinh vừa tổ chức xong kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh, 37 năm ngày giải phóng miền Nam và 122 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong khung cảnh trang nghiêm đoàn kết, tràn đầy nhiệt huyết với tinh thần hoà hợp và phục vụ vì lợi ích ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, vì sự phát triển Phật giáo Nam tông Khmer.

Chúng tôi vô cùng hoan hỷ, cảm thấy vinh hạnh và tự hào vì Hội nghị kỳ V này được tổ chức tại tỉnh nhà, đây là ước mơ và cũng là hoài bão của Phật giáo Trà Vinh được hội ngộ và thể hiện lòng hiếu khách của mình, được cung nghinh Chư Tôn đức hàng giáo phẩm Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cùng quý vị đại diện ban ngành Trung ương và các Tỉnh, Thành bạn. Thay mặt Tăng tín đồ Phật tử Phật giáo Nam tông Khmer Trà Vinh, tôi xin kính chúc quý Ngài, quý vị đại biểu dồi dào sức khoẻ, vô lượng an lạc, vạn sự kiết tường như ý. Chúc hội nghị thành tựu viên mãn.



HT. Thạch Sóc Xane - UV. Thường trực HĐTS, Trưởng ban Trị sự Phật giáo tỉnh Trà Vinh

Kính thưa quý vị đại biểu.

Ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer là trung tâm sinh hoạt tôn giáo và xã hội, là nơi bảo tồn những tinh hoa kinh điển, giáo lý, sách báo, tác phẩm, văn hoá nghệ thuật Khmer và còn là trường đào tạo nguồn nhân lực nữa. Từng ngôi chùa là từng tụ điểm dạy học, là từng trung tâm văn hoá – giáo dục của cộng đồng dân tộc Khmer. Cũng từ nơi đây, người Khmer được lớn lên và trưởng thành trong nếp sống văn hoá – đạo đức Phật giáo.

Qua 4 kỳ hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer, nhất là Hội nghị kỳ 4 tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, các tỉnh thành khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đều có đề cập đến vấn đề bảo tồn, duy trì, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Việc học Pāli – giáo lý trong giới chư tăng Khmer vẫn còn bất cập, chưa đồng đều về kiến thức cũng như chương trình học. Muốn làm được việc này cần phải có sự hỗ trợ, của các ngành chức năng và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nhất là sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương, để chương trình Phật học Nam tông Khmer từ Sơ cấp đến Trung cấp được

hoàn thiện và thống nhất chung cho cả khu vực. Từ đó, việc học của chư tăng Khmer mới có trình độ, kiến thức đồng đều nhau cả về Phật học lẫn phổ thông từ sơ cấp đến bậc Trung cấp và đi vào bậc cao hơn không bị lúng túng, hụt hẫng.

Chúng ta cũng đã xác định rằng, việc dạy và học của chư Tăng Khmer từ xưa đến nay là đem kiến thức của mình cả về Phật học lẫn thế học để phục vụ cho xã hội, trong đó, có đồng bào dân tộc Khmer, góp phần đưa đời sống của đồng bào Phật tử đến với sự an lạc hạnh phúc trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Nhân Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V tại tỉnh Trà Vinh, chúng tôi có vài ý kiến tham luận kính trình lên Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Đảng và chính quyền các cấp như sau:

1. Đối với các chùa đã trên trăm năm tuổi, nhất là những ngôi Chánh điện và Sala tean và những công trình khác được xây cất bằng gỗ quý và kiến trúc cổ, thì cần phải được quan tâm đúng mức. Sở và bộ Văn hoá – Thể thao – Du lịch cùng với Ban Trị sự của các tỉnh thành có kế hoạch phối hợp với nhà chùa, thường xuyên xuống khảo sát xem xét và xếp loại di tích lịch sử cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh. Có kinh phí trùng tu sửa chữa kịp thời để gìn giữ, bảo tồn văn hoá nghệ thuật kiến trúc và phát huy những giá trị lối kiến trúc cổ cho hậu thế nghiên cứu học tập. Vì hiện nay, nhiều chùa có xu hướng chạy theo lối kiến trúc mới và bỏ quên cái giá trị cổ mà các bậc tiền nhân đã để lại.

2. Tiếp tục hỗ trợ dàn nhạc ngũ âm và dàn nhạc cổ dân tộc, bộ trống Chhay dam, Rô bam cho một số chùa không có điều kiện mua sắm và mở trường lớp dạy nhạc cụ cho thanh thiếu niên được học nhạc cụ, nhằm duy trì nét văn hoá truyền thống của dân tộc.

3. Nhà nước đã có kế hoạch xây nhà hòa táng cho chùa, hay cụm dân cư có đông đồng bào Khmer sinh sống. Nhưng việc thực hiện còn chậm trễ, rất mong nhà nước sớm hoàn thiện chương trình xây dựng nhà hòa táng.

4. Kính đề nghị Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ban Tôn giáo Chính phủ sớm xúc tiến việc xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer như điểm đã được chọn và đã có quyết định phê duyệt.

5. Kính đề nghị Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nhất là ban Giáo dục Tăng Ni trung ương và các ban ngành hữu quan hỗ trợ và giúp đỡ Phật giáo Nam tông Khmer, tổ chức cuộc hội thảo để xây dựng hoàn chỉnh chương trình Phật học Nam tông Khmer từ bậc Sơ cấp và Trung cấp, được thống nhất chung

cho cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tạo điều kiện, hỗ trợ và giúp đỡ được giao lưu với các trường Sơ cấp và Trung cấp, Học viện Phật giáo Việt Nam trong nước cũng như ở các nước có nền giáo dục Phật giáo.

6. Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, về quy chế tuyển Tăng sinh cần phải đạt chuẩn trình độ nhất định: Đã học hết Trung cấp Phật học và Trung học phổ thông hoặc tương đương. Trước khi miễn khoá học cần phải có kế hoạch tuyển sinh thật sớm, thông báo cho các tỉnh thành biết trước để có hướng chuẩn bị được tốt. Tránh tình trạng hụt hẫng như hiện nay.

7. Ban Trị sự các tỉnh thành cần quan tâm và hướng dẫn các chùa Nam tông Khmer có kinh Satra Slâk Rich cần phải biết gìn giữ, bảo tồn, duy trì và phát huy giá trị loại hình kinh điển này cho thật tốt và cần thiết thì đưa vào chương trình học hoặc thuyết giảng cho Phật tử bằng loại hình này.

Những phần trình bày và đề nghị trong phần tham luận trên đây là ý kiến chủ quan không sao tránh khỏi những điều chưa thực sự phù hợp, kính mong quý chư Tôn đức và quý vị Đại biểu niệm tình lượng thứ.

Trước khi dứt lời, một lần nữa thay mặt chư Tôn giáo phẩm, Ban Trị sự, Tăng tín đồ Phật tử Khmer tỉnh Trà Vinh kính chúc chư Tôn giáo phẩm, chư Tôn đức Tăng Ni, quý vị đại biểu được hưởng trọn vẹn 5 pháp lành của Đức Phật là: Sống lâu, sắc tốt, an vui, sức khoẻ và trí tuệ.

Kính chúc Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V thành công tốt đẹp.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. ■



Trích bài phát biểu của Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ Tại hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ V

Phạm Dũng

Thứ trưởng bộ Nội vụ - Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ

Trà Vinh, ngày 8/5/2012

Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành (1981 – 2012), với phương châm “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội” đã quy tụ, tập hợp, đoàn kết Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước, thực hiện xây dựng Giáo hội và tích cực góp phần xây dựng đất nước. Từ khi thành lập cho tới nay, trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sư sãi, tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer cùng với Tăng Ni, Phật tử cả nước đã có nhiều hoạt động để ổn định sinh hoạt Phật giáo, giúp cho việc phát huy truyền thống yêu nước gần bó đồng hành cùng dân tộc và tiếp tục khẳng định vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) trong xây dựng cuộc sống mới, tham gia tích cực vào phong trào thi đua yêu nước đánh giá cao đối với đất nước, Nhà nước đã quan tâm giúp đỡ một số hoạt động của GHPGVN nói chung và của hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer nói riêng như: Việc hỗ trợ dạy chữ Pāli, đào tạo tăng tài, in kinh Phật bằng tiếng Khmer cho đồng bào Khmer...

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung hỗ trợ cho hoạt động của Phật giáo Nam tông Khmer, trong thời gian 8 năm qua (2004 – 2012) với sự chủ động của GHPGVN (Văn phòng 2), sự phấn khởi, nỗ lực của sư sãi, tín đồ Phật giáo Nam tông, sự giúp đỡ có trách nhiệm cao của các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương, nhiều nội dung đã được thực hiện tốt như việc khắc dấu chùa Khmer: 452/452 chùa đã được khắc dấu theo mẫu thống nhất và đã đưa vào sử dụng. Về in kinh sách: tính đến nay, thông qua GHPGVN đã in và gửi xuống các chùa Phật giáo Nam tông Khmer được 36 đầu kinh sách thường tụng, với tổng số 182.468 cuốn, đang tiếp tục in 52 đầu kinh sách thường tụng, với số lượng 320.000 cuốn; riêng đối với việc in Đại tạng Kinh bằng chữ Khmer, đã có 188/452 chùa nhập trọn bộ, theo đề nghị của các vị giáo phẩm cao cấp Phật giáo Nam tông Khmer và Trung ương GHPGVN xin không in đại tạng kinh nữa, mà dành kinh phí in ấn để hỗ trợ một phần in kinh sách thường tụng và một phần hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, các điều kiện cần thiết phục vụ việc học và dạy cho Tăng sinh của Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; hỗ trợ kinh phí cho 50 lớp học trong chùa cho các chùa ở các tỉnh



Ông Phạm Dũng – Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ

Đồng bằng sông Cửu Long (Trà Vinh: 20 lớp; Vĩnh Long: 07 lớp; Cần Thơ: 04 lớp; An Giang: 03 lớp; Sóc Trăng: 10 lớp; Bạc Liêu: 03 lớp; Cà Mau: 03 lớp), số còn lại tiếp tục hỗ trợ qua ngân sách địa phương; Học viện Phật giáo Nam tông Khmer (tại Cần Thơ) đã đào tạo xong khoá đầu tiên với 63 tăng sinh tốt nghiệp và đang đào tạo khoá 2...

Những việc làm đó đã có ảnh hưởng tốt trong GHPGVN và trong Phật giáo Nam tông Khmer, tạo nên sự tin tưởng vào chính sách của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, tỏ rõ sự đoàn kết trong GHPGVN, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vì sự ổn định và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, những kết quả đáng khích lệ đó mới chỉ là bước đầu và còn những nội dung cần phải rút kinh nghiệm và sớm điều chỉnh để việc triển khai tiếp tục có hiệu quả hơn như hoạt động của Ban hỗ trợ xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; vấn đề hỗ trợ và dạy học của Tăng Ni sinh Học viện...

Tại hội nghị này, chúng ta đánh giá và khẳng định những đóng góp tích cực của GHPGVN, ban Trị sự Phật giáo, ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố có Phật giáo Nam tông Khmer và sự hưởng ứng của sư sãi, tín đồ của Phật giáo Khmer để thực hiện tốt phương châm hành đạo của GHPGVN “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội”, tạo nên sự ổn định và phát triển của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, góp phần vào sự ổn định và phát triển đất nước.

Qua hội nghị này, tôi cũng mong muốn quý vị đại biểu tiếp tục có những ý kiến đóng góp thiết thực để cùng nhau tìm ra những giải pháp tốt nhất, thực hiện có hiệu quả những nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

Chúc quý vị chức sắc, giáo phẩm, các vị đại biểu sức khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp! ■



1. Có một thực tế tốt đẹp không thể phủ nhận được là ngay từ khi mới truyền bá tới Việt Nam, Phật giáo đã lập tức tiến hành một quá trình nhập thể lâu dài, tích cực và đầy hiệu quả. Sư không chen chân chốn lăm của đông người mà tự nguyện và ân cần đến với dân, chốn núi cao hay rừng thẳm, nơi trung du hay đồng bằng, vùng duyên hải hay ngoài hải đảo, bất luận nơi nào có dân là ở đó sớm muộn thế nào cũng sẽ có các nhà sư. Sư tận tình chỉ dạy cho dân đi khai khẩn đất đai, biến nhiều vùng hoang vu thành ruộng đồng tươi tốt, thành xóm làng trù mật. Sư tìm cách tập hợp và tổ chức dân làng chống thú dữ, tạo sự an lành cho thiên hạ. Sư cần mẫn tìm thuốc chữa bệnh cho dân, vui niềm vui trăm họ khỏe mạnh. Sư tận tâm truyền dạy đại đạo làm người và chân thành mong mỗi bầu khí các gia đình được trong trẻo. Sư nêu gương bảo vệ kỷ cương, khát khao trăm họ luôn biết kính trên nhường dưới, nền nếp gia phong ngày một đàng hoàng. Sư chỉ dẫn dân lành cách tôn vinh điều tốt và cách tránh xa việc xấu. Dân luôn yêu quý và tin cậy các nhà sư, chủ yếu là bởi tâm nguyện và phép ứng xử rất đáng kính ấy. Chứng như sức thuyết phục mãnh liệt của Phật giáo bắt đầu từ những hành vi thiết thực và phong thái siêu phàm của các nhà sư chứ không phải bắt đầu từ những nội dung triết lý cao siêu.

Nhờ nhập thể tích cực, sư đã nhanh chóng trở thành chỗ dựa tin cậy và vững chắc của muôn dân. Nhờ nhập thể tích cực, sư gần dân, hiểu dân và biết cách nhẹ nhàng chuyển tải những giá trị to lớn của đức nghiệp nhà Phật đến với dân. Nhờ nhập thể tích cực, trước khi dựng chùa, các nhà sư đã tạo lập được vị thế rất tôn nghiêm trong đức tin của xã hội.

2. Một trong những triết lý lớn của Phật giáo là duy tuệ thị nghiệp. Với triết lý rất giàu chất nhân bản và nhân văn này, nhà Phật đã vươn tới ba mục tiêu rất quan trọng. **Một** là tôn vinh vai trò đặc biệt cao quý của trí tuệ đối với lý tưởng sống của xã hội loài người. **Hai** là xác định năng lực phi phạm của trí tuệ đối với toàn bộ quá trình xây dựng sự nghiệp của bất cứ ai, bất cứ dạng thức hay quy mô nào. **Ba** là vừa khuyến cáo, vừa tạo cơ hội cho tất cả mọi người tiếp cận với trí tuệ để rồi sau đó sẽ từng bước làm chủ trí tuệ.

Với mục tiêu thứ nhất, điểm tương đồng giữa nhà Phật với các nền giáo dục khác là

Nhà Phật

Với Giáo dục – Lịch sử và Văn đề

Nguyễn Khắc Thuần

Phó Phân Hiệu trưởng

Phân hiệu KHXH & NV

Trưởng khoa Việt Nam Học

Trường Đại học Bình Dương

luôn đề cao tri thức, luôn đề cao sự hiểu biết đa dạng và đa sắc màu, luôn đề cao sự hình thành, phát triển và ảnh hưởng tích cực của hệ thống những kỹ năng sống rất cần có đối với chúng sinh. Nhưng, nhà Phật không bao giờ câu nệ, không bao giờ tự giới hạn tri thức trong một khuôn khổ duy nhất là học vị chính quy từ thấp lên cao như nhà Nho và như một số nền giáo dục sau này. Chữ tuệ theo quan niệm của nhà Phật rất gọn gàng nhưng cũng rất hàm súc, ở đó có tuệ căn⁽¹⁾, có tuệ lực⁽²⁾, có tuệ mệnh⁽³⁾, có tuệ kiến⁽⁴⁾ và có cả tuệ nhãn⁽⁵⁾. Với các nhà tôn sùng chủ nghĩa chính quy hiện đại, có thể điều này khiến cho họ cảm thấy không an lòng nhưng nếu lấy mục tiêu tối thượng của tri thức là khả năng ứng dụng để xem xét thì tiếc thay, chưa bao giờ hệ thống bằng cấp lại chặt chẽ như hiện nay mà cũng chưa bao giờ năng lực giải quyết những vấn đề lớn của thực tiễn sinh động lại yếu kém như hiện nay.

Với mục tiêu thứ hai, do xác định rõ năng lực phi phạm của trí tuệ nên nhà Phật luôn bày tỏ từ tâm và đặc biệt là sự tin cậy đối với người học. Thực tế cho thấy rằng người thầy kém cỏi nhất chính là người thầy không bao giờ tin tưởng ở học trò của mình. Trí tuệ thu được trong quá trình học tập sẽ giúp các thế hệ học biết cách tự điều tiết mọi hành vi ứng xử sao cho phù hợp với cộng đồng, sao cho xứng đáng với niềm tin yêu của xã hội. Học để biết mà sống và làm việc chứ không phải học để dùng

bằng cấp tạo thành bậc thang đi lên cho hoạn lộ của mình. Trong quá khứ, có một nền giáo dục chưa bao giờ vấp phải vấn nạn bằng cấp giả, đó chính là giáo dục Phật giáo. Người học chỉ làm những gì mà tuệ nghiệp của chính họ xét thấy cần làm và có thể làm được chứ không phải cứ vô tư nhận việc theo bằng cấp, bất kể mình có làm được hay không. Ở đâu, mà trình độ hiểu biết với hệ thống học vị không chịu song hành với nhau, ở đó, chưa thể có xã hội văn minh theo đúng nghĩa chặt chẽ của từ này. Hóa ra, thoát trông cứ ngỡ giáo dục nhà Phật thuở xưa có vẻ như lỏng lẻo nhưng thực chất lại không phải vậy.

Với mục tiêu thứ ba, có lẽ chính nhà Phật là lực lượng đi tiên phong trong toàn bộ quá trình mà ngày nay chúng ta gọi là giáo dục mở. Tuổi tác nào muốn học cũng đều được chấp thuận mà không chút câu nệ. Dù nam hay nữ, hễ có tâm nguyện mở mang kiến thức cũng đều có thể học, không khắt khe phân biệt và cấm đoán đàn bà, con gái tới trường như nhà Nho. Chẳng có ai điểm danh, chẳng có ai kiểm soát và cũng chẳng có ai áp đặt nội quy... giáo dục nhà Phật xưa là vậy. Khi người học cảm thấy việc học là cần thiết, tự họ sẽ biết họ cần phải làm gì và làm như thế nào cho phải phép. Khi thầy là nhà sư, người vừa tận tình chuyển tải tri thức vừa quảng bá tâm đức có thật của chính bản thân họ, người học sẽ vì cảm phục mà theo đến cùng. Ở đời, ai khiến cho thiên hạ sợ mà theo thì thiên hạ có thể theo rất nhanh nhưng ngay vừa mới theo đã bắt đầu nhen nhúm lửa phản trắc. Nhưng cũng ở đời, ai khiến cho xã hội rộng lớn vì cảm phục mà theo, có thể họ

1. Nghĩa là sinh ra đã có bẩm tính sáng suốt hơn người.

2. Nghĩa là có thể đủ sức để chứng minh được các pháp.

3. Nghĩa là có thể dùng trí tuệ để bảo vệ thân mệnh hoặc làm thay đổi ít nhất cũng là một phần của bản mệnh.

4. Nghĩa là có thể dùng trí tuệ để tẩy sạch bụi trần và duyên trần.

5. Nghĩa là mắt có thể nhìn thấu tỏ cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

sẽ theo chậm hơn nhưng phàm đã theo là vui theo mãi mãi. Theo khi thầy còn tại thế. Theo cả khi thầy đã viên tịch. Đôi khi chỉ nghe âm hưởng tốt đẹp phảng phất trong lời truyền tụng của người xưa cũng đủ để họ kính thờ.

3. Ra đời sớm nhất trong lịch sử giáo dục Việt Nam chính là giáo dục truyền nghề và giáo dục võ nghiệp. Hậu thế trân trọng ghi nhận cống hiến của hai nền giáo dục này nhưng công bằng mà nói, giáo dục truyền nghề và giáo dục võ nghiệp cũng chỉ mới dừng lại ở quy mô nhỏ, phân bố rải rác và nhất là xét về quy trình đào tạo, cả hai đều chưa có sự đồng nhất. Xuất hiện muộn hơn chút ít so với hai nền giáo dục nói trên là giáo dục Phật giáo nhưng ngay từ đầu, nền giáo dục này đã có những nét riêng khá độc đáo thể hiện qua đội ngũ những người thầy, qua cách tổ chức lớp học và nội dung chương trình.

Về đội ngũ những người thầy, chiếm ưu thế tuyệt đối tất nhiên vẫn là các nhà sư tu hành trong chùa. Các Ưu Bà Tắc Upasaka hay tức đàn ông tu tại gia và các Ưu bà di Upasikâ hay tức đàn bà tu tại gia tuy cũng có tham gia vào quá trình này nhưng xem ra họ cũng chỉ là lực lượng giữ vị thế bổ sung. Trong cách viết Hán tự, chữ sư để chỉ người tu hành cũng chính là chữ dùng để chỉ người thầy giáo. Phàm đã là sư, nhận thức phải thông tuệ, đạo hạnh phải lớn lao, tại thế phải gương mẫu. Như trên đã nói, khi người thầy đã gồm đủ ba tố chất quan trọng này thì xã hội sẽ vì sự kính nể và cảm phục mà theo học đến cùng. Chưa hẳn mọi người đều đồng ý nhưng quả thật là tôi rất thích hai chữ thầy chùa. Sở dĩ gọi là thầy chùa vì thầy đang tu hành trong chùa và quan trọng hơn, vì thầy từ tâm hào hiệp dạy chùa chứ không hề thu một chút kinh phí nào cả. Với ngàn xưa, hình như chỉ có giáo dục Phật giáo và duy nhất giáo dục Phật giáo mới có hiện tượng đặc biệt này. Đây chính là điểm khác biệt dễ thấy nhất giữa giáo dục Nho giáo với giáo dục Phật giáo. Học chữ thánh hiền ai chẳng muốn nhưng không có học phí thì đành ngậm ngùi cam phận đứng ngoài. Không ai lên án thầy đồ thu tiền nhưng dầu sao, việc thu tiền cũng đã khiến cho không ít người tuy bầm sinh rất sáng dạ mà vẫn không được học.

Về tổ chức lớp học, nhà Phật luôn đề cao ý thức tự giác của mọi người chứ không ràng buộc ai bằng bất cứ một hệ thống quy chế cụ thể nào cả. Người người tự giác theo học vì tâm thành hăng ngưỡng mộ đáng chí tôn, vì

sự cảm phục đức tuệ cao dày của sư thầy và vì những lợi ích thiết thân đối với bản thân và gia đình họ. Rất nhiều nội dung triết lý uyên thâm của nhà Phật đã được xã hội hoan hỷ đón nhận và coi là nền tảng căn bản của gia giáo, đức nghiệp lớn lao vĩnh tồn và đáng kính lẫm. Hóa ra có quá nhiều điều tốt đẹp, tuy giáo dục Phật giáo không cần ồn ào kêu gọi bá tánh hãy cố gắng làm mà rốt cuộc, hiệu quả lại rất lớn.

Về nội dung chương trình, sự thoả đáng nhưng hữu ích của giáo dục Phật giáo thuở xưa rất xứng đáng được trân trọng ghi nhận. Ngoài các bộ kinh sách và giáo lý căn bản, những bài giảng còn lại được mỗi chùa thực hiện một cách khác nhau. Bậc cao tăng Già la Đồ lê từng có lời khuyên các sư thầy rằng hãy bắt đầu bằng việc nói cho bá tánh biết những gì họ đang mong muốn biết chứ chưa vội nói với họ tất cả những gì chúng ta biết. Điều mà bá tánh mong muốn biết là phép ứng xử với gia đình và họ tộc, với xóm giềng và cộng đồng gần xa, với môi trường tự nhiên và vạn vật, với tiền tài, quyền uy và tâm linh. Họ có thể đến nghe giảng một lần hoặc rất nhiều lần, họ có thể về nhà suy nghĩ và sau đó chân thành đến chùa xin sư thầy tiếp tục chỉ vẽ thêm. Không ai coi đây là chuẩn mực tuyệt đối và duy nhất của giáo dục nhưng rõ ràng, tính thoả đáng và thiết thực cần được nghiên cứu để kế thừa.

Tóm lại là, trong lịch sử giáo dục Việt Nam, giáo dục Phật giáo đã từng có những cống hiến không nhỏ. Khi nhà chùa là nhà trường, nhà sư là nhà giáo, khi nội dung giảng dạy luôn bám sát nhu cầu sinh động của thực tiễn, hiệu quả đào tạo tốt đẹp sẽ tự nhiên được xã hội trân trọng đón nhận. Điều bất ngờ là không ít nhà sư chẳng hề có bằng cấp nhưng đã trực tiếp đào tạo nên những bậc đại khoa bảng và cũng đã có không ít bậc đại khoa bảng dừng cảm tử bỏ công danh để trở về say mê nghiên ngẫm những giá trị triết lý của nhà Phật⁽⁶⁾. Họ hoàn toàn không phải là đại diện của đội ngũ trí thức tam giáo⁽⁷⁾ mà thực sự là những Nho gia, sau đó tự tìm đến với Phật giáo bởi những lý do chính đáng riêng (còn tiếp).■

6. Xin vui lòng tham khảo thêm Nguyễn Khắc Thuần tiến trình Văn hóa Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XIX (nxb. Giáo Dục. Sách đã được tái bản lần thứ 3) hoặc Nguyễn Khắc Thuần đại cương Lịch sử Văn hóa Việt Nam (trọn bộ 5 tập. nxb. Giáo Dục. Sách đã được tái bản lần thứ 7).

7. Trí thức được đồng thời trang bị hiểu biết cả Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo.

Tính chất hòa bình của Phật giáo

Xuyên qua lịch sử, chúng ta thấy rằng nguyên nhân của các cuộc đấu tranh là do lòng tham dục của con người gây ra, khiến cho gia đình đổ vỡ, xã hội nhiễu nhương và nhân loại đau khổ.

Thích Phước Sơn

Thế giới mà chúng ta đang sống luôn luôn nảy sinh những tranh chấp và bất ổn. Trong quá khứ đã từng xảy ra không biết bao nhiêu cuộc chiến tranh tàn khốc, đẫm máu, làm thiệt hại vô số sinh mạng và tài sản. Hiện nay, tuy tình hình có hơi lắng dịu và hòa hoãn, nhưng chưa phải đã hoàn toàn ổn định. Do thế, hòa bình vẫn là một khát vọng muôn đời của toàn thể nhân loại. Đạo Phật vốn được tiếng là đạo từ bi, cứu khổ; thế thì, trong lĩnh vực hòa bình, Phật giáo có những giải pháp gì được xem là hữu hiệu và khả thi hay không? Đó là điều mà bài viết này muốn gia tâm tìm hiểu.

1. Nguyên nhân của mọi sự tranh chấp

Xuyên qua lịch sử, chúng ta thấy rằng nguyên nhân của các cuộc đấu tranh là do lòng tham dục của con người gây ra, khiến cho gia đình đổ vỡ, xã hội nhiễu nhương và nhân loại đau khổ. Chính điều đó đã được Đức Thế Tôn chứng ngộ và khai thị cho chúng ta:

"Này các Tỷ kheo, do dục vọng làm duyên, nên vua tranh chấp với vua, Sát đế lỵ tranh chấp với Sát đế lỵ, Bà la môn tranh chấp với Bà la môn, gia chủ tranh chấp với gia chủ, cha mẹ, anh em, bè bạn tranh chấp lẫn nhau. Khi chúng đã dẫn thân vào sự tranh chấp, chúng đánh nhau bằng tay, ném nhau bằng đá, đập nhau bằng gậy và chém nhau bằng gươm. Do đó, chúng bị tử thương, hoặc ngắc ngư quẩn quại" (Trung bộ, kinh 13).

Sự tranh chấp sở dĩ xảy ra, nếu không do lòng dục thúc đẩy, thì cũng do sự cuồng tín cố chấp gây nên, như một hôm Đức Phật khuyến cáo một thanh niên Bà la môn:

Người trí giữ gìn chân lý không nên đi đến kết luận: "Chỉ có đây là chân lý, còn mọi điều kiện khác là sai lầm". Một người có lòng tin, nếu y nói: "Đây là lòng tin của tôi". Như thế là y giữ gìn chân lý. Nhưng từ đây y không thể tiến đến kết luận tuyệt đối: "Chỉ có đây là chân lý, ngoài ra đều sai lầm". Rồi Đức Phật dạy tiếp: "Chấp chặt vào một quan điểm và khinh miệt những quan điểm khác cho là thua kém, hành động như thế người trí gọi là mù quáng" (W Rahula, "What the Buddha taught").

Quốc vương xứ Magadha (Ma Kiệt Đà) là Ajatasattu (A Xà Thế) muốn mở mang vương quốc của mình bằng tham vọng chinh phục xứ Vajji (Bạc Kỳ). Vua sai đại thần Vũ Xá đến thỉnh ý Đức Phật về việc chinh phục này. Đức Phật rất tế nhị. Ngài không trả lời câu hỏi trực tiếp của nhà vua, mà Ngài gián tiếp trả lời bằng cách hỏi Tôn giả Ānanda tình hình của xứ Vajji bằng 7 câu hỏi:

"Này Ānanda, dân Vajji có hội họp thường không?

- Dân Vajji có đoàn kết khi hội họp, đoàn kết khi giải tán và đoàn kết khi làm việc không?

- Dân Vajji có sống đúng với truyền thống của dân tộc, và tôn trọng những luật pháp đã được ban hành từ thời xưa không?

- Dân Vajji có tôn kính những bậc trưởng lão trong nước và nghe theo lời dạy của những vị này không?

- Dân Vajji có cưỡng ép những thiếu nữ và phụ nữ bắt họ phải sống chung với mình không?

- Dân Vajji có thường xuyên dâng lễ ở các nơi thờ tự không?

- Dân Vajji có bảo vệ và tôn kính các bậc A la hán khiến các vị ấy tìm đến ở trong xứ để xứ sở được an lạc không?"

Bảy pháp này có thể tóm tắt bằng những danh từ thời đại:

1. Sinh hoạt dân chủ,
2. Tình đoàn kết dân tộc,
3. Nguyên tắc pháp trị,
4. Sự hòa hợp các thể hệ,
5. Tôn trọng phụ nữ,
6. Tôn kính các tín ngưỡng, và
7. Ưu đãi các bậc minh triết.

Đây là 7 nguyên tắc giúp quốc gia hưng thịnh và tránh diệt vong. Sau khi nghe Tôn giả Ānanda trả lời rằng dân Vajji đã thực hiện 7 pháp này rất tốt đẹp, Đức Phật kết luận: "Thế thì dân Vajji sẽ phú cường, không ai có thể chinh phục được".

2. Hậu quả của những sự tranh chấp

Do tham vọng mù quáng thúc đẩy, kẻ có thể lực thường dùng sức mạnh để đàn áp kẻ yếu và bắt họ phải khuất phục. Những kẻ bại trận khổ nhục đã đành mà những người chiến thắng do lửa tham thiêu đốt và oán thù chồng chất cũng chẳng an lạc gì hơn:

*"Chiến thắng gây hận thù,
Thất bại chuốc khổ đau,
Ai từ bỏ thắng bại,
An tịnh liền theo sau".* (Tương Ưng, I-102)

Những kẻ bạo tàn gây đau khổ cho người khác mà mong hưởng được an vui, điều đó không bao giờ có:

*"Ác nghiệp chưa chín muồi,
Kẻ ngu tưởng đường mật.
Ác nghiệp khi chín thật,
Kẻ ngu chuốc khổ đau".* (Pháp Cú, 69)

Vì thế, Đức Phật đã dạy khá rõ, kẻ làm ác dù trốn bất cứ phương trời nào cũng không thể thoát được luật nhân quả:

*"Không trời cao biển rộng,
Không hang động, núi rừng.
Đã tạo nghiệp ác độc,
Trên đời hết chỗ dung".* (Pháp Cú, 127)

Có một kẻ thù nguy hiểm hơn bất cứ kẻ thù nào khác trên đời này, đó là tâm niệm ác của ta. Những kẻ thù ở bên ngoài, chúng ta còn có hy vọng tránh

được, chứ chính ta đã gây nên tội ác thì không sao tránh khỏi quả báo:

*"Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Còn thua tâm niệm ác,
Do chính ta hại ta".* (Pháp Cú, 42)

Thế nên chỉ có ta mới cứu được ta:

*"Mẹ cha hay bà con,
Không làm gì được cả.
Chính nhờ tâm nguyện lành,
Đưa ta lên cao cả".* (Pháp Cú, 43)

Luật nhân quả có vay có trả, rất công bằng, không thiên vị bất cứ người nào:

*"Giết người bị người giết,
Thắng người, bị người thắng.
Mắng người, bị người mắng.
Hại người bị người hại,
Do nghiệp lực dẫn tiến,
Hại người, thành hại mình".* (Tương Ưng, I - 103)

Do vậy, những ai muốn sống an lạc tránh mọi sợ hãi, và khổ đau, hãy theo lời Phật dạy, từ bỏ sát sanh:

"Này gia chủ do nguyên nhân sát sanh mà gây ra sợ hãi, hận thù ngay trong hiện tại, và sợ hãi, hận thù trong tương lai, khiến cho tâm cảm thụ khổ ưu. Từ bỏ sát sanh là chấm dứt sợ hãi, hận thù trong hiện tại, chấm dứt sợ hãi, hận thù trong tương lai, khiến cho tâm không còn cảm thọ khổ ưu. Do đó, ai từ bỏ sát sanh, người ấy thoát khỏi mọi sợ hãi và hận thù". (Tăng Chi IIIB. 176).

3. Cần phải từ bỏ hận thù và tàn bạo

Trong cuộc đời này, muốn sống được an vui người ta phải từ bỏ hận thù. Bởi vì chúng ta không bao giờ có thể dùng hận thù để tiêu diệt hận thù, mà chỉ có thể dùng đức độ khoan dung mới tiêu diệt được hận thù:

*"Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó hại tôi, cướp tôi,
Ai ôm niệm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi".* (Pháp Cú 3)

*"Hận thù tiêu diệt hận thù
Đời này không thể cố,
Từ bỏ diệt hận thù,
Là định luật nghìn thu".* (Pháp Cú 5)

Đem tình thương đáp lại hận thù, đó là một việc làm khó khăn vô cùng (xem tiếp trang 26).

Phật giáo Nam Tông **Kinh** và Nam Tông **Khmer** ở Việt Nam

TTTS. Thích Bửu Chánh

A. DẪN NHẬP

Phật giáo Nam tông ở Việt Nam có nguồn gốc du nhập từ Ấn Độ, Sri Lanka, Thái Lan, Campuchia

Ở Việt Nam có nhiều hệ phái Phật giáo cùng sinh hoạt trong ngôi nhà chung là Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong đó có hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh và Phật giáo Nam tông Khmer. Hai hệ phái này có cùng một mẫu số chung đó là Phật giáo Nam tông, tuy nhiên một bên là dân tộc Khmer và một bên là dân tộc Kinh. Sau đây chúng tôi xin trình bày một số đặc điểm của hai hệ phái Phật giáo nói trên.

B. NỘI DUNG

I. Về Tăng sự:

Phật giáo Nam tông Khmer hiện có trên 10.000 sư sãi, chiếm ¼ số lượng tăng ni Phật giáo ở Việt Nam. Có khoảng 450 ngôi chùa ở trên 14 tỉnh thành trong cả nước, chủ yếu là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, phục vụ cho chư tăng và Phật tử dân tộc Khmer

Phật giáo Nam tông Kinh có trên 70 ngôi chùa phân bố đều khắp ở các tỉnh Thừa

Thiên – Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Thuận, Lâm Đồng, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ v.v... chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tín ngưỡng của tăng ni và Phật tử theo Phật giáo Nguyên thủy Theravāda.

Các vị giáo phẩm Phật giáo Nam tông (PGNT) Khmer và Nam tông Kinh ngay từ khi thành lập GHPGVN đã được suy cử vào thành viên Hội đồng Chứng minh, Ủy viên HĐTS, có những vị được thỉnh cử vào các chức vụ quan trọng như Phó Pháp chủ HĐCM, Phó Chủ tịch HĐTS, Ủy viên Thường trực, Ủy viên HĐTS. Có những vị giáo phẩm hai hệ phái trên được cử đảm nhiệm các chức vụ như Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam, Phó Trưởng ban các ban chuyên ngành trực thuộc TW GHPGVN.

II. Về lãnh vực giáo dục:

Phật giáo Nam tông Khmer ở các tỉnh miền Tây Nam bộ đã thành lập được các lớp Sơ cấp Phật học Pāli, có nơi thành lập được trường Trung cấp Phật học Pāli, đặc biệt tại Cần Thơ, Chính phủ đã cho phép thành lập được Học viện PGNT Khmer cách đây 4 năm để đào tạo các nhà sư có trình độ đại học Phật giáo, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Đồng thời, hằng năm có nhiều chư tăng Khmer được cử đi du học ở Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ, Campuchia và các trường đại học trong nước. Bên cạnh đó, các lớp học dạy tiếng Khmer, Pāli, Dhammavini ở các chùa Khmer vẫn được duy trì và phát triển.

Các chùa hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh có tổ chức đào tạo trình độ Phật học sơ cấp Pāli cho chư tăng và tu nữ. Ở tỉnh Thừa Thiên – Huế có phân hiệu Trung cấp Phật học Nam tông đặt tại chùa Huyền Không. Các chư tăng và tu nữ hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh tham gia học tập tại các Học viện Phật giáo Việt Nam đặc biệt là Học viện

Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh có khoa Pāli, chuyên đào tạo về kinh điển Phật giáo Nam truyền có chư tăng và tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh tham gia học tập. Bên cạnh đó, hệ phái Phật giáo Nam tông Kinh cũng đã cử một số chư tăng tu nữ du học ở một số nước như Ấn Độ, Tích Lan, Thái Lan, Myanmar. Có vị đã tốt nghiệp Tiến sĩ, Thạc sĩ và đang phục vụ cho GHPGVN.

III. Về lãnh vực văn hóa:

Hệ phái PGNT Kinh đã được Bộ Thông tin Truyền thông cho phép xuất bản Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy mỗi tháng 1 số, hiện nay đã đến số thứ 18. Tạp chí phản ánh các hoạt động Phật sự của hệ phái PGNT Kinh, Nam tông Khmer, là cơ quan truyền bá hệ tư tưởng Phật giáo Nguyên thủy, Tạp chí cũng là cầu nối giữa hệ phái PGNT Kinh, Khmer và GHPGVN. Nhiều ngôi chùa của hai hệ phái Phật giáo đã được trùng tu sửa chữa khang trang có nét kiến trúc đặc thù của PGNT Kinh, Khmer. Việc thực hiện in ấn kinh sách để nhằm phục vụ hệ thống giáo dục Phật giáo, đáp ứng yêu cầu đọc tụng, nghiên cứu, học tập của chư tăng và Phật tử Khmer luôn được chính quyền các cấp quan tâm. Dưới sự hỗ trợ của GHPGVN, Nhà nước Việt Nam từ năm 2004 đến nay PGNT Khmer đã xuất bản được trên 50 đầu kinh sách bằng tiếng Khmer, tiếng Pāli. Hầu hết các chùa đã có bộ Đại tạng Kinh bằng tiếng Khmer. PGNT Kinh cũng đã xuất bản được nhiều đầu kinh sách để phục vụ cho nhu cầu tu học của tăng, ni Phật tử Việt Nam.

IV. Về hoạt động từ thiện xã hội:

Sư sãi và Phật tử PGNT Khmer có mối quan hệ gắn bó với nhau nên hoạt động từ thiện của chùa là việc làm thường xuyên. Chùa Khmer là nơi cứu mang các em học sinh, sinh viên, là nơi giúp đỡ những người già neo đơn. PGNT Kinh cũng tham gia hoạt động từ thiện xã hội như hiến đất xây trường học, tặng nhà tình thương tình nghĩa, phát quà từ thiện, tặng học bổng cho các học sinh nghèo khó khăn.

V. Về hoạt động nghi lễ:

Các sinh hoạt lễ nghi của PGNT Kinh và PGNT Khmer đa phần giống nhau như các khóa lễ đều đọc kinh bằng tiếng Pāli, lễ dâng y Kathina, lễ tự tứ, thời gian an cư kiết hạ và các nghi lễ thuộc về Tăng sự PGNT Khmer và Nam tông Kinh cũng như các nước PGNT khác đều giống nhau về phần căn bản. Các hoạt động nghi lễ của các chùa PGNT Khmer đều có thỉnh mời các chư tăng Nam tông Kinh tham dự và ngược lại.

VI. Về lãnh vực hoằng pháp:

Các chư tăng PGNT Kinh và Nam tông Khmer đều có các hoạt động về thuyết giảng Phật Pháp cho đồng bào Phật tử vào các ngày sám hối hằng tháng là các ngày 14, 15 và 30, 1 âl. Các chư Tăng Nam tông Kinh và Nam tông Khmer đều có quan hệ mật thiết, thân thiện và đoàn kết trong ngôi nhà chung GHPGVN, một số vị chư tăng Nam tông Kinh có trình độ trên đại học đã được Học viện PGNT Khmer mời đến giảng dạy cho chư tăng Khmer về các môn học như Luận tạng Pāli, lịch sử Phật giáo Việt Nam, hướng dẫn làm luận văn tốt nghiệp.

C. KẾT LUẬN

Những thành tựu hoạt động Phật sự của PGNT Kinh và PGNT Khmer có được chính là nhờ vào trí tuệ tập thể, sự phát tâm phục vụ đạo Pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội của chư tôn đức lãnh đạo hai hệ phái Phật giáo nói trên cũng như sự trợ duyên kịp thời và hữu hiệu của TW GHPGVN, BTS các tỉnh, thành hội Phật giáo trên cả nước cũng như sự ủng hộ về nhiều phương diện của Đảng, Chính quyền, Mặt trận từ Trung ương đến địa phương. Hệ phái PGNT Khmer và PGNT Kinh đã cùng với các hệ phái Phật giáo trong ngôi nhà chung GHPGVN cùng nhau viết lên những trang sử vàng son của Phật giáo Việt Nam trong thời hiện đại tích cực xây dựng ngôi nhà GHPGVN ngày càng trang nghiêm thanh tịnh phát triển bền vững trên mọi phương diện trong lòng dân tộc. ■

Lễ Cầu nguyện

Hoà Bình Thế Giới tại Sri Lanka

HT. Thích Thiện Tâm

Đáp lời mời của Ban Tổ chức thông qua Đại sứ quán Sri Lanka tại thủ đô Hà Nội, phái đoàn Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Thiện Tâm Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự, Phó Trưởng ban Phật giáo Quốc tế và Thượng tọa Tăng Định, Ủy viên ban Nghi lễ Trung ương GHPGVN hướng dẫn trên 30 tăng ni Phật tử Việt Nam tham dự Lễ Cầu nguyện Hoà bình Thế giới tại Sri Lanka do Giáo hội Phật giáo Sri Lanka phối hợp với Chính quyền Sri Lanka và Hội đồng Tăng già Phật giáo Thế giới do Hòa thượng Liao Chung tổ chức nhân dịp lễ Kỷ niệm 2600 năm Phật Thành đạo - Vesak 2556.

Vào lúc 8 giờ ngày 08 tháng 5, tại hội trường sân khấu nghệ thuật Pokuna Nelum Mahinda Rajapaksa thủ đô Colombo, Sri Lanka, diễn ra trọng thể lễ Cầu nguyện Hoà bình Thế giới nhân dịp lễ Kỷ niệm 2600 năm Phật Thành đạo vesak 20556. Có nhiều vị tôn đức lãnh đạo Phật giáo, Tổng thống Mahinda Rajapaksa và nhiều quan chức cấp cao của Chính quyền và trên 500 đại biểu khách mời gồm chư tôn đức lãnh đạo các truyền thống Phật giáo, khách quý, tăng ni Phật tử từ 30 Quốc gia về tham dự như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Lào, Anh, Mỹ, Úc, Tân Tây Lan, Bangladesh, Malaysia... Có trên 800 tăng ni và Phật tử Sri Lanka cùng tham dự.



Nghi thức đón rước các phái đoàn

Tại lễ cầu nguyện, Hòa thượng Bellanwila Wimalarathana Trưởng Ban tổ chức đã phát biểu: "Đây là sự kiện đặc biệt quan trọng đối với Phật giáo thế giới vì tại đây, đã có tiếng nói chung về bức thông điệp hòa bình của Phật giáo nhân kỷ niệm 2600 năm Thành đạo của Đức Phật". Tiếp theo, Hòa thượng GS.TS Dhammakosajarn Viện trưởng Trường Đại học Mahachulalongkorn Thái Lan được mời phát biểu. Hòa thượng nhấn mạnh đến bốn nhiệm vụ quan trọng của người đệ tử Phật cần thực hiện là: Nhiệm vụ học chánh Pháp, nhiệm vụ hành trì đúng chánh Pháp, nhiệm vụ truyền bá chánh Pháp và nhiệm vụ bảo vệ chánh Pháp.

Chư tăng ni một số phái đoàn được mời lên lễ đài cử hành lễ Cầu nguyện Hoà bình cho thế giới (Paritta) theo nghi thức đặc thù của các tông phái Phật giáo như: Nguyên thủy, Đại thừa, Kim cương thừa... Trong danh sách các đoàn được mời có Việt Nam.

Cuộc lễ có phụ diễn một số tiết mục văn nghệ rất đặc sắc, góp phần giúp cho buổi lễ thêm phần hoan hỷ.

Lúc 9 giờ 45 phút ngày 9 tháng 5 tại Phủ tổng thống, Tổng thống Tích Lan đã tổ chức trọng thể lễ dâng tặng phần thưởng cao quý cho khoảng 30 vị



Quang cảnh buổi lễ cầu nguyện Hoà Bình Thế giới

lãnh đạo Phật giáo các nước đến dự lễ.

Ngoài chương trình chính thức lễ cầu nguyện hòa bình thế giới, tất cả đại biểu còn được BTC đưa đến tham quan một số thắng tích quan trọng của Phật giáo Sri Lanka như: thăm Bảo tàng Văn hóa Hữu nghị Phật giáo Quốc tế, (tại đây có phòng trưng bày của Phật giáo Việt Nam), viếng Trung tâm Thiền định Phật giáo thế giới, thăm viếng đánh lễ hai Hòa thượng Tăng Trưởng hai hệ phái Phật giáo lớn như HT. Udagama Buddhakkhitta Mahanayaka Thero, HT Tibbotuwawe Sri Siddhartha Sumangala Mahanayaka Thero, chiêm bái Xá Lợi Răng của Đức Phật tại Kandy. Mỗi nơi đều có cử hành khóa lễ Cầu nguyện chung (Ashirvada Pirith) khiến cho mọi người vô cùng hoan hỷ.

Đặc biệt trong khóa lễ cầu nguyện tại cây Bồ Đề thiêng với trên 2300 tuổi thọ (Sri Maha Bodhi) ở Anuradhapura có Hòa thượng Pallegama và đông đảo tăng ni Phật tử địa phương tham dự, về phía Chính quyền có thủ tướng D.M Jayarathna, Bộ trưởng CB Ratnayake Jagath Pushpakumara, Thứ trưởng MKDS Gunawardena và thư ký của Tổng thống Weeratunga Lalith cũng đến dự, đón tiếp, và tham dự lễ cầu nguyện cùng các phái đoàn. Cuộc lễ tại đây, mặc dù diễn ra vào lúc giữa trưa trời nắng nóng oi bức, nhưng mọi người ai nấy đều tỏ ra hoan hỷ vì được tận mắt chứng kiến một cây bồ đề đã tồn tại trên 2300 năm do Ngài Mahinda vị Thánh tăng đầu tiên đã cùng với tỳ kheu ni Sangha mitta con Vua A Dục đã truyền Phật giáo, và mang cây bồ đề từ cây bồ đề tạo Bodhigaya Ấn Độ đến trồng tại đây. Đến nay, đã trên 23 thế kỷ vẫn sum xuê tỏa rộng bóng mát, mang ý nghĩa thiêng liêng cao quý che mát cho biết bao triệu khách hành hương, qua nhiều thế hệ đã có duyên đến xứ thánh địa Sri Lanka, xứng đáng là một trong những cái nôi quan trọng đầu tiên của Phật giáo các nước trong khu vực, và là nguồn phước lạc vô biên cho Phật giáo thế giới.

Sự kiện được đến tận mắt chiêm bái Xá Lợi Răng của Đức Phật tại Kandy, và lễ bái cội đại bồ đề do Ngài Thánh tăng Mahinda trồng tại cổ đô Anuradhapura, có thể nói, đây là một sự kiện vô cùng thiêng liêng hy hữu và đem lại phước báu, hỉ lạc lớn lao cho tất cả thành viên trong các phái đoàn.

Diễm phúc thay cho những ai trong đời đã một lần được về đây, để được cảm nhận sự che mát tâm linh trong cuộc đời đầy nóng bức, bất an và phiền phức này!

Mọi người từ già Sri Lanka trở về nước ai cũng có cảm giác an vui khó tả.!



Lễ Cầu nguyện Hòa Bình của Chư tăng Sri Lanka



Lễ bái cây bồ đề tại cổ đô Anuradhapura



Tổng thống Sri Lanka đang tặng quà đến HT Thiện Tâm



Phái đoàn Việt Nam chụp hình lưu niệm



Kinh Tư Lượng

HT. Thích Minh Châu



Kinh này do Tôn giả Mục Kiền Liên giảng cho các Tỷ kheo. Tôn giả nói có Tỷ kheo muốn chư Tăng nói chuyện với mình nhưng vị ấy là người khó nói, nghĩa là có 16 ác pháp, nên chúng Tăng không muốn nói. Trái lại, Tỷ kheo dù không có muốn chư Tăng nói chuyện với mình, nhưng nếu là người dễ nói, không có 16 ác pháp, thời chúng Tăng vui vẻ nói chuyện.

Rồi Tôn giả khuyên các Tỷ kheo nên tư lượng, suy luận (anuminitabham) và nên tư sát (paccavekkhatabham), tự ngã với tự ngã. Nếu người khác có một trong 16 ác pháp, mình không ưa thích người ấy, thời nếu mình có một trong 16 ác pháp, thời người khác không ưa thích mình. Vì vậy, mình cần phải phát tâm từ bỏ 16 ác pháp. Vị Tỷ kheo cần phải tư sát tự mình có 16 ác pháp hay không. Nếu có 16 ác pháp, thời phải tinh tấn đoạn trừ, nếu không có, thời sống với niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp.

16 ác pháp được liệt kê như sau:

1. Bị ác dục chi phối,
2. Khen mình chê người,
3. Có phần nộ,
4. Hiềm hận,
5. Cố chấp,
6. Nói những lời phần nộ,
7. Bị buộc tội, chống đối vị buộc tội,
8. Bị buộc tội, trở lại buộc tội vị đã buộc tội mình,
9. Bị buộc tội, trở lại chất vấn người buộc tội mình,
10. Bị buộc tội, tránh vấn đề với một vấn đề khác,
11. Bị buộc tội, không giải thích thỏa mãn hành động của mình cho người buộc tội,
12. Gièm pha và náo hại,
13. Tật đổ và xan tham,
14. Man trá và lừa đảo,
15. Ngoan cố và quá mạn,
16. Chấp trước thế tục, cố chấp tri kiến, tánh khó hành xả. ■





GIỚI LUẬT CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Tk. Indachanda- Nguyệt Thiên (dịch)

Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

Nếu phòng có rác rến, nên quét phòng. Nếu cổng có rác rến, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác rến, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác rến, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác rến, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

Nếu sự không hoan hỷ sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu mỗi nghi ngờ sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng Pháp cho vị thầy. Nếu thầy dạy học bị phạm tội nặng xứng đáng hành phạt parivāsa, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt parivāsa cho thầy dạy học?" Nếu thầy dạy học xứng đáng (thực hành) trở lại từ đầu, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể cho thầy dạy học (thực hành) trở lại từ đầu?" Nếu thầy dạy học xứng đáng hành phạt mānatta, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hành phạt mānatta cho thầy dạy học?" Nếu thầy

dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy dạy học?" Nếu hội chúng có ý định thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể không thực thi hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đối thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực thi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bốn phạm một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, và hội chúng có thể thấu hồi hành sự này?"

Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được giặt?" Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?" Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cạo người khác. Không nên bảo người khác kỳ cạo. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm thị giả người khác. Không nên

nhận người khác làm thị giả. Không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác. Không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời hoặc chờ đến khi vị thầy khỏe lại.

Này các tỳ khưu, đây là phạm sự đối với các vị thầy dạy học của những người học trò, những người học trò đối với các vị thầy dạy học, nên thực hành đúng đắn theo như thế.

14. PHẠM SỰ ĐỐI VỚI HỌC TRÒ (ANTEVĀSIKA):

Vào lúc bấy giờ, các vị thầy dạy học không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các người học trò (antevāsikā). Các tỳ khưu ít ham muốn, ...(như trên)..., các vị ấy phân nản, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các vị thầy dạy học lại không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các người học trò?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và hỏi các tỳ khưu rằng:

- Này các tỳ khưu, nghe nói các vị thầy dạy học không thực hành phạm sự đúng đắn đối với các người học trò, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

...(như trên)... Sau khi khiển trách, Ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạm sự đối với các người học trò cho các vị thầy dạy học, các vị thầy dạy học đối với các người học trò nên thực hành đúng đắn theo như thế.

Này các tỳ khưu, vị thầy dạy học nên thực hành phạm sự đúng đắn đối với người học trò. Đây là phạm sự đúng đắn trong trường hợp này:

Này các tỳ khưu, thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự chỉ dạy. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?" Nếu thầy dạy học có y và người

học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?" Nếu thầy dạy học có vật dụng, và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đến người học trò, hoặc nên nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?"

Nếu người học trò bị bệnh, (vị thầy dạy học) nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gối chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi nên đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, rồi đem cất. Khi người học trò đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu người học trò có ý muốn đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong (khác từ vị ấy), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp gọn gàng rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đầy nước sau khi đã rửa sạch. (Nghĩ rằng): "Đến lúc vị ấy sắp trở về," nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra nhận y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên phơi y ở chỗ nắng quá lâu. Nên gấp y lại. Khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khất thực và người học trò có ý muốn ăn thì nên trao nước (rửa) và nên đem đồ ăn khất thực để gần bên. Nên đưa cho học trò nước uống. Khi người học trò ăn xong nên trao nước (rửa). Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, nên làm ráo nước rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát ở chỗ nắng quá lâu. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra. Khi người học trò đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy (còn tiếp).■



Thiền định là gì?

Hoàng Phong chuyển ngữ

Hỡi những ai mong muốn bảo vệ tâm thức mình!

Với đôi bàn tay chắp lại, tôi xin được khuyên họ một lời này: Hãy cố gắng, giữ cho sự chú tâm và cảnh giác luôn thật mạnh, bằng tất cả nghị lực của chính mình.

Tịch Thiên (Shantideva)

Lời giới thiệu của người dịch:

Tác giả Fabrice Midal là một nhà sư người Pháp, đồ tiến sĩ triết học tại đại học Sorbonne Paris. Ông có một cách hành văn rất chính xác, thiết thực, thế nhưng cũng thật sâu sắc và uyên bác. Ông không viết với ngòi bút phân tích của một học giả Phật giáo mà bằng con tim mở rộng của một vị thiền sư.

Trong một quyển sách nhỏ mang tựa đề "Phật Giáo Nhập Môn" (ABC du Bouddhisme, nhà xuất bản Grancher, 2008), sau khi trình bày về hiện trạng ngày nay của Phật giáo tại phương Tây trong chương I, thì tiếp theo đó trong chương II ông đã đề cập ngay đến một chủ đề thật then chốt trong Phật giáo là thiền định. Thật thế, một tôn giáo muốn được xem là toàn vẹn cần phải có một nền móng vững vàng về cả hai mặt: Trước hết là một cấu trúc chặt chẽ về tín ngưỡng, và sau đó, là một phương pháp tu tập thích nghi. Thiết nghĩ, ngoài phần giáo lý siêu việt thì Phật giáo còn cống hiến một phương pháp tu tập thật khoa học, thiết thực và vô cùng sâu sắc. Dưới đây là phần chuyển ngữ toàn bộ chương II của tập sách nói về thiền định.

Cũng xin mạn phép lưu ý người đọc là diễn tả một thể dạng tâm linh bằng lời nói hay bằng chữ viết mang tính cách công thức, quy ước và "thô thiển" đã là một việc khó, thế nhưng dịch thuật đôi khi cũng phải đối đầu với các khó khăn khác nữa, đây là phải làm thế nào để chuyển đạt một cách trung thực được ý nghĩa đã được diễn tả bằng một ngôn ngữ khác. Nhằm mục đích tránh bớt phần nào các khó khăn này người dịch xin mạn phép ghép thêm vào nguyên bản một vài lời ghi chú nếu thấy cần, nhằm giúp người đọc dễ theo dõi hơn. Các lời ghi chú này, sẽ được trình bày bằng chữ nghiêng, đặt giữa hai dấu ngoặc, nhằm để dễ nhận biết và nhất là để kính trọng sự toàn vẹn của nguyên bản.





Đức Phật Campuchia (Angkor Thom, cuối thế kỷ XII)
Sa thạch, bảo tàng viện Guimet, Paris

Luyện tập thiền định là gì ?

Lợi ích mang lại từ sự chú tâm là một trong những khám phá kỳ diệu nhất của Đức Phật. Sự chú tâm là một phương thuốc nhằm điều trị mọi thứ bệnh tật của chúng ta. Đây là chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa của Giác Ngộ.

Thiền trong Phật giáo không có nghĩa là suy tư về một thứ gì hay mổ xẻ một chủ đề nào cả, mà đúng hơn là cách giúp chúng ta quán thấy ý nghĩa của thực tại trong sự toàn vẹn của nó. Lời khuyên sau đây thật hết sức giản dị : "Hãy sử dụng tâm thức mình để quan sát tâm thức của chính mình". Đây cũng chính là sức mạnh mầu nhiệm nhất của sự chú tâm. Nếu giữ được sự cảnh giác trước các biến cố xảy ra thì chúng ta cũng sẽ vượt thoát khỏi sự chi phối của chúng để dàng hơn. Mỗi khi cảm thấy bức dọc thì không nên tìm cách để lẩn tránh nó, cũng không nuôi dưỡng nó hay ra sức để mà tìm hiểu nó. Tốt hơn là chỉ nên chú tâm theo dõi xem nó xuất hiện, tồn tại và biến mất như thế nào. Đây là cách giúp chúng ta thâm nhập vào bản chất sâu kín nhất của nó để biến cải nó.

Quả thật không mấy khi khái niệm về sự chú tâm được nêu lên trong thế giới Tây Phương, ngoại trừ bởi vài học giả thật hiếm hoi chẳng hạn như nữ triết gia

Simone Weil. Theo bà thì chúng ta không hề nhìn thấy vai trò đích thật của ý chí trong sự hiện hữu của chính mình, mà chỉ xem đây như là một thứ nỗ lực, một sự cố gắng gần như là máy móc để chủ động hiện thực: "Nếu chỉ biết gồng mình, căng răng lại cho thật chặt để thực thi đạo đức, để làm thơ hay là để tìm kiếm một giải pháp nhằm gỡ rối cho một vấn đề nào đó, thì quả thật chẳng có gì lại có thể ngu ngốc hơn thế được? Sự chú tâm nào có dính dáng gì đến các thứ ấy".

Tại nơi thâm sâu nhất của sự chú tâm đã có tiềm ẩn sẵn một sự chấp nhận nào đó mang tính cách mặc nhiên giúp chúng ta tiếp cận trực tiếp với những gì hiển hiện ra và không thắc mắc gì cả (sự chú tâm giúp chúng ta chấp nhận hiện thực hiển hiện ra như thế một cách thật "tự nhiên" và "hợp lý").

Tìm cách để hiểu biết thì cũng chẳng khác gì là một sự tránh né (tìm hiểu tức có nghĩa là phân tích một thứ gì thuộc bên ngoài chúng ta và khác với chúng ta). Một hình thức tự tránh ra xa. Con đường thì trái lại là một phương tiện giúp chúng ta đạt được một sự tiếp cận nào đó. Trở thành người Phật giáo là một chuyện thật hết sức đơn giản: chỉ cần biết tiếp cận với những gì hiển hiện ra như thế, không tìm cách loại bỏ chúng và cũng không cố gắng nắm bắt lấy chúng (trở về với chính mình và hòa nhập với hiện thực là cách giúp mình trở thành một người Phật giáo).

Tại sao lại luyện tập thiền định, nó mang lại cho ta những lợi ích gì ?

Thiền định mang lại sự an lạc, chữa lành các bệnh tật của tâm thức và điều dưỡng cho thân xác.

Thiền định đưa chúng ta trở về với thực tại, giúp chúng ta hòa nhập trong từng giây phút một với các kinh nghiệm cảm nhận của chính mình trong cuộc sống. Đây cũng là cách giúp chúng ta thoát ra khỏi sự kiềm tỏa của các phản ứng tự động và máy móc của tư duy, luôn liên kết với nhau để trói buộc chúng ta. Sự sống của chúng ta thật ra chỉ là một sự sinh tồn máy móc, điều khiển bởi các phản ứng tự động (sự sống ấy thật ra chỉ là một chuỗi dài các phản ứng tự động, chi phối bởi bản năng và các xu hướng sẵn có - tức là nghiệp - khiến cho chúng ta không còn kịp suy nghĩ hay xét đoán gì nữa cả mà chỉ biết giao phó cho các phản ứng quy ước và hời hợt của tư duy điều khiển mình một cách máy móc); thiền định trái lại tập cho chúng ta biết trở về với thực tại và những gì mà chúng ta cảm nhận được. Sự trở về với chính mình sẽ mang lại cho ta một niềm an lạc vô biên. Chúng ta sẽ khám phá ra được một thể dạng thật đơn sơ, một thể dạng tự nhiên là như thế, nó không cần phải dựa vào bất cứ gì để mà hình thành (nào có gì lại có thể hiển hiện ra một cách giản dị và đơn sơ hơn hiện thực được: nó chỉ là như thế!).

Rất nhiều y sĩ và khoa học gia đã chứng minh cho thấy là thiền định có khả năng làm nhẹ bớt đi các

chúng căng thẳng thần kinh và lo âu quá đáng và chữa lành được nhiều thứ bệnh phát sinh từ tình trạng trầm cảm.

Thiền định giúp mình tự biến cải một cách tích cực, nhìn thấy được nỗi khổ đau riêng tư và vượt lên trên những nhảm lẫn của chính mình.

Thiền định là cách giúp chúng ta trực tiếp quan sát các kinh nghiệm cảm nhận của chính mình. Nhờ đó, chúng ta sẽ khám phá ra là các kinh nghiệm cảm nhận ấy luôn biến động, khi thì rất mù mờ, thế nhưng cũng có lúc thì khá minh bạch. Thật thế, khi thì chúng ta nổi nóng, khi lại ganh tị, lại cũng có lúc chúng ta tập trung được sự chú tâm. Tuy nhiên, thông thường thì chúng ta nào có để ý làm gì đến các thứ mà chúng ta đang cảm nhận được hay đang suy nghĩ đâu. Tư duy và các kinh nghiệm cảm nhận cứ thế mà sinh ra, tồn tại được một lúc rồi biến mất.

Theo quan điểm của Phật giáo thì tư duy được hình thành một cách rất công thức dựa vào các ngôn từ hiển hiện ra trong đầu mình, để mà buộc chặt mình với chúng (tư duy được công thức hóa xuyên qua các ngôn từ quy ước, chúng điều khiển các hành động của chúng ta một cách máy móc); chúng liên tục hiển hiện và che khuất tâm thức của chúng ta khiến chúng ta không còn nhìn thấy thế giới một cách minh bạch được nữa (nhìn thế giới xuyên qua các tư duy đã được công thức hóa). Đây chỉ là các thứ tư duy không được đúng thật bởi vì tư duy đúng thật luôn mang tính cách trực tiếp và tự phát (có nghĩa là không bị, hoặc trước khi bị công thức hóa), biểu lộ qua một cử chỉ, một ngôn từ nào đó. Nói cách khác, thì Phật giáo xem tư duy đúng thật chính là thực tại, tư duy ấy khác hẳn với các tư duy khác (luôn bị chi phối bởi quy ước và điều khiển bởi bản năng) chỉ nhằm tách rời chúng ta ra khỏi hiện thực.

Đôi khi, chúng ta cũng mang trong trí những thứ tư duy thật dai dẳng tương tự như một sự ám ảnh, thí dụ: "Chẳng ai hiểu tôi cả"; "Tất cả mọi sự cứ theo nhau mà xảy đến với tôi thật tệ hại"; "Tôi chỉ là một tên vô dụng"; "Tôi chán ghét tôi vô cùng"; "Tôi chỉ là một đứa vô tích sự"; "Hắn là một tên quá hung ác và tôi thì chỉ muốn tìm cách làm thế nào để trả thù"... Thiền định chính là cách tập cho chúng ta biết quay trở về với thể dạng tâm thức không tự nhận diện mình qua các thứ tư duy đại loại như trên đây. Chẳng hạn như thay vì cho là mình đang bị sự giận dữ đầy dọa khiến cho mình trở nên hung dữ thì chỉ nên đơn giản (đứng ra xa để mà) quan sát nó thế thôi (tức theo dõi và quan sát sự giận dữ và không hề xem sự giận dữ là của mình hay là chính mình).

Thiền định giúp chúng ta mở rộng lòng mình để đón nhận một thể dạng tâm linh đích thật và để tận hưởng các kinh nghiệm cảm nhận về thực tại cũng như một tình thương yêu vô điều kiện.

Thiền định cũng là một con đường tu tập tâm linh. Mục đích của nó là giúp chúng ta buông bỏ tham vọng muốn chủ động được mọi thứ, hầu giúp chúng ta biết mở rộng lòng mình để đón nhận một thực tại to rộng hơn so với cái tôi nhỏ bé và đầy lo âu của chính mình. Đây cũng chính là cách giúp chúng ta buông bỏ quyết tâm chỉ biết nghiền ngẫm về các tham vọng riêng tư của mình, hầu giúp mình có thể tìm thấy được sự thanh thản trong một không gian rộng mở đầy sinh khí và nhiệt tình.

Tất cả các vị thánh nhân và các nhân vật thần bí dù thuộc vào bất cứ một dân tộc nào, nếu muốn nâng cao giá trị của mình lên thì cũng đều phải dựa vào một sự hậu thuẫn liên quan đến thiền định. Sự hậu thuẫn ấy không nhất thiết chỉ thuộc vào bối cảnh cá biệt của Phật giáo. Nó cũng đã được học phái Sufi (sufisme / sufism hay Ahl al-soufa) của Hồi giáo và một số học phái Ki-tô giáo cũng như một số bộ tộc thổ dân của lục địa Mỹ Châu thực hành. Căn bản thiền định ấy chỉ đơn giản là như thế. Thế nhưng, thật ra đây lại là một cách khám phá ra không gian rộng mở của tình thương yêu, giúp chúng ta vượt lên trên mọi sự trôi buột.

Nếu nhìn từ khía cạnh đó và một khi thiền định được giảng dạy thật đầy đủ và đúng đắn thì đây sẽ là một phương tiện giúp trực tiếp mang lại cho chúng ta một cuộc sống tâm linh đúng nghĩa của nó. Con đường ấy đòi hỏi chúng ta phải có một sự quyết tâm nào đó nhằm tháo gỡ cái mặt nạ của chính mình và loại bỏ mọi thứ ảo giác, hầu giúp chúng ta đối đầu với mọi chướng ngại có thể cản trở sự mở rộng của tâm hồn mình.

Vậy sự chú tâm là gì?

Sự chú tâm là một luồng ánh sáng soi rõ những gì mà nó rơi vào. Khi chúng ta chú tâm vào hơi thở thì tình trạng xao lãng thường chi phối chúng ta cũng sẽ tan biến hết, hơi thở theo đó cũng trở nên êm dịu khiến chúng ta cảm thấy thanh thản hơn.

Mục đích của thiền định là nhằm phát huy sự chú tâm và giữ cho sự chú tâm đó không rời khỏi đối tượng được quan sát. Thí dụ tôi không nhìn vào hơi thở của tôi mà tôi trở thành hơi thở của chính tôi.

Thiền định không phải là một sức mạnh cá biệt của tâm thức mà đúng hơn là bản chất của chính tâm thức. Tâm thức là một khả năng giúp chúng ta hợp nhất với những gì mà chúng ta quán xét. Tôi cần một miếng táo. Sự chú tâm của tôi hòa nhập tôi với hương vị của miếng táo.

Tính cách nhị nguyên mà chúng ta thường tạo dựng ra như là một thứ ranh giới nhằm phân cách người quan sát và vật thể được quan sát - tức giữa chủ thể và đối tượng, hay là giữa ta và người khác sẽ biến mất khi chúng ta phát động được sự chú tâm (còn tiếp). ■



LỘ TRÌNH SẮC PHÁP

Tk. Pasādo

I/ Sự hiện hành của sắc Pháp kể từ thời Tái tục.

(Trong khoảng thời gian tổng hợp mạng cữu vẫn chưa sanh – xem trong bản chính phương thứ 1).

1/ Kammajarūpa – Sắc Nghiệp: Là sắc được sanh vào sát na sanh của tâm tái tục và tiếp nối sanh liên tục trong từng mỗi sát na của tâm.

Tức là từng mỗi sát na Đại của Tâm thường luôn có ba sát na tiểu (sanh, trụ, diệt) và cả ba sát na tiểu của tâm thì sắc nghiệp lại khởi sanh lần nữa ở từng mỗi sát na và trong từng mỗi sắc vừa mới sanh khởi thường có tuổi thọ lâu dài bằng với tuổi thọ của 17 sát na đại hoặc bằng với 51 sát na tiểu của tâm mới diệt mất.

Một trường hợp khác, sắc nghiệp tiền khởi câu sanh với sát na sanh của tâm tái tục khởi đi, đối với nhóm thai sanh (chủ ý về nhân loại) ngay khi sanh khởi lần đầu tiên thì thường có ba tổng hợp sanh khởi là: (1) Tổng hợp thân thập, (2) Tổng hợp tính thập, (3) Tổng hợp vật thập.

Với những nhân quả như đã được trình bày, thì có được ba tổng hợp Sắc nghiệp sanh khởi trong sát na sanh của tâm Tái tục, và khi đến sát na trụ của tâm Tái tục thì có ba tổng hợp sắc nghiệp lại khởi sanh lần nữa, hội tụ với ba tổng hợp sắc nghiệp ban đầu đã sanh khởi vào sát na sanh và vẫn chưa có diệt mất, như thế, có được sáu tổng hợp sắc nghiệp. Và khi đến sát na diệt của tâm Tái tục thì có ba tổng hợp sắc nghiệp lại sanh khởi lần nữa, hội tụ với sáu tổng hợp sanh trước và vẫn chưa diệt mất, như thế, tập hợp lại thành chín tổng hợp sắc nghiệp hiện diện ở trong sát na diệt của tâm Tái tục.

Thể theo phương thức này, sắc nghiệp được tăng số lượng lên liên tục, như là ở tâm hữu phần thứ 1 (Pathamabhavanga) sanh khởi thì trong sát na sanh, trụ, diệt của Tâm này có được số lượng theo thứ tự là 12, 15, 18 tổng hợp sắc nghiệp sanh khởi và hiện diện. Và như thế cứ tăng lên liên tục cho đến sát na tâm hữu phần thứ 14 thì trong sát

Cả bốn loại tổng hợp Sắc thường hiện hữu ở ba thể loại sau:

- 1/ Tổng hợp Sắc đang sanh,
- 2/ Tổng hợp Sắc đang diệt,
- 3/ Tổng hợp Sắc đang hiện diện.

1/ Trong tất cả ba thể loại Tổng hợp Sắc này, tính kể từ Tâm Tái Tục v.v, cho đến sát na Trụ của Tâm Hữu phần thứ 16 thì có tổng hợp Nghiệp đang sanh và đang trụ, vẫn chưa có tổng hợp Sắc đang diệt.

Tính kể từ sát na Diệt của Tâm Hữu Phần thứ 16 trở đi thì tổng hợp Nghiệp có đủ cả ba loại là Sanh, Hiện Diện và Diệt.

2/ Tính kể từ sát na Sanh của Tâm Hữu phần thứ 1 trở đi cho đến sát na Trụ của tâm Khai ý môn thì chỉ có tổng hợp Tâm đang sanh (trừ sát na trụ và diệt) và đang Hiện diện, vẫn chưa diệt.

Tính kể từ sát na diệt của tâm Khai ý môn trở đi thì bắt đầu có tổng hợp Tâm đang diệt mất.

3/ Tính kể từ sát na trụ của Tâm tái tục trở đi cho đến sát na diệt của tâm hữu phần thứ 16 đó, thì có được tổng hợp quý tiết đang sanh và đang hiện diện, vẫn chưa có diệt mất.

Tính kể từ sát na sanh của tâm Khai ý môn trở đi thì bắt đầu có tổng hợp Quý tiết đang diệt mất.



na sanh, trụ, diệt của tâm này sẽ có số lượng theo thứ tự là 129, 132, 135 tổng hợp sắc nghiệp sanh khởi và hiện diện.

Tiếp theo đó, Tâm sẽ thay đổi thực tính thành một sát na tâm hữu phần rúng động và một sát na tâm hữu phần dứt dòng, còn sắc nghiệp thì vẫn cứ thế sanh khởi vào từng mỗi sát na của tâm như cũ, do đó, trong sát na sanh, trụ, diệt của tâm hữu phần dứt dòng sẽ có được số lượng theo thứ tự là 147, 150, 153 tổng hợp sắc nghiệp sanh khởi và hiện diện.

Tuy nhiên, khi đến sát na diệt của tâm hữu phần dứt dòng thì sắc nghiệp mà đã sanh khởi từ sát na sanh của tâm tái tục sẽ diệt mất. Dù vậy, trong sát na diệt của tâm hữu phần dứt dòng cũng vẫn phải tính sắc nghiệp mà đã sanh khởi từ sát na sanh của tâm tái tục vào, vì lẽ vừa tròn đủ 51 sát na tuổi thọ và thích hợp diệt mất vào sát na diệt của tâm này.

Chính với phương thức này, ở sát na diệt của tâm hữu phần dứt dòng có được ba tổng hợp sắc nghiệp đang diệt, cùng với 147 tổng hợp sắc nghiệp đang hiện diện và ba tổng hợp sắc nghiệp đã sanh, do đó, có được 153 tổng hợp sắc nghiệp.

tiếp theo đó, tâm hữu phần dứt dòng diệt mất và sát na tâm mới sanh khởi lại thay đổi thực tính, trở thành tâm khai ý môn thì sắc nghiệp mà đã sanh khởi từ lúc sát na sanh của tâm tái tục mới tuyệt diệt mất.

cũng chính với phương thức này, mà có 153 tổng hợp sắc nghiệp được hiện hữu vào sát na diệt của tâm hữu phần dứt dòng. và khi đến sát na sanh của tâm khai ý môn sẽ chỉ còn lại hiện hữu là 150 tổng hợp sắc nghiệp, tuy nhiên ngay sát na sanh của tâm khai ý môn thì sắc nghiệp lại khởi sanh mới thêm với ba tổng hợp sắc nghiệp, do đó, trong sát na sanh của tâm khai ý môn lại hội đủ 153 tổng hợp sắc nghiệp sanh khởi và hiện diện bằng như cũ.

Như thế, trong từng mỗi sát na tiếp nối theo sau sẽ có ba tổng hợp sắc nghiệp đang diệt và rồi lại khởi sanh mới ba tổng hợp sắc nghiệp, như vậy, diễn tiến liên tục. Do đó, sắc nghiệp này, trước khi sẽ có tổng hợp mạng cứu hoặc là các sắc nghiệp khác sanh khởi thì sẽ có thể hiện hữu suốt trọn là 153 tổng hợp sắc nghiệp (còn tiếp).■

(tiếp theo trang 14)

Cho nên, người nào làm được như vậy sẽ được nhân loại cúi đầu khâm phục: hơn thế nữa người nào tự thắng được mình, đó mới là kẻ chiến thắng tối thượng:

*"Dù tại bãi chiến trường,
Thắng nghìn nghìn quân địch,
Không bằng tự thắng mình,
Chiến công ấy vô địch".* (Pháp Cú, 103)

Tự thắng mình có nghĩa là tự nhiếp phục cái tâm tham dục, ti tiện, hận thù hay gây ác nghiệp của chính mình. Người nào tâm không nghĩ ác, thân không làm ác, thì người ấy sẽ không bị ác nghiệp hoành hành:

*"Bàn tay không thương tích,
Cầm thuốc độc không sao,
Người không làm việc ác,
Không bị ác nhiễm vào".* (Pháp Cú, 124)

Muốn sống an vui, hạnh phúc phải biết quý trọng mạng sống của mình, mà quý mạng sống của mình thì không được sát sanh và tán trợ sát sanh:

*"Hình phạt ai cũng kinh,
Sinh mệnh ai cũng tiếc,
Lấy ta suy ra người,
Chớ giết, chớ bảo giết".* (Pháp Cú, 130)

Chẳng những không sát hại sanh linh mà còn phải bao dung độ lượng đối với những kẻ thù của mình; làm được như vậy, chúng ta mới hưởng được niềm an vui thanh thản:

*"Lành thay chúng ta sống
Từ ái giữa hận thù!
Giữa bao kẻ hận thù
Ta sống không hận thù!".* (Pháp Cú, 197)

Im lặng và tha thứ đời sống sẽ trở nên êm đẹp biết bao!

*"Nếu tự mình im lặng,
Như chuông nứt nhiều đường,
Người ấy chứng Niết bàn,
Hận thù không còn nữa".* (Pháp Cú, 134)

Nhưng trên đời này hạng người im lặng ít nói, khiêm tốn thật là hiếm hoi:

*"Hiếm thấy ai ở đời,
Biết tự chế khiêm tốn,
Tránh mọi lời thương tổn,
Như ngựa hiền tránh roi".* (Pháp Cú, 143)
(còn tiếp).■

Con Số 7 Kỳ Diệu Và Huyền Thoại Trong Kiếp Chót Đức Phật Gotama

Ái Minh (sưu tầm)

1. Bồ tát Sĩ Đạt Ta vừa sanh ra đi 7 bước, có 7 đóa hoa sen đỡ dưới chân

* Bước thứ 7 dừng lại tay chỉ trời, tay chỉ đất và thốt lên:

*Khắp trong các cõi sa bà
Chỉ ta quý báu hơn là nhân thiên
Kiếp này đoạn tuyệt nhân duyên
Thoát vòng sanh tử triền miên luân hồi.*

* Hoa sen có 7 công dụng: lá để gói đồ, hạt làm thực phẩm, nụ làm dược phẩm, hoa để cúng Phật, rễ (ngó sen và củ sen) dùng làm thực phẩm, vỏ gương sen làm trà trị bệnh chảy máu cam, thân dùng hun khói xua muỗi.

2. Trước khi Bồ Tát nhập thai bào, Hoàng hậu Maya vui lễ hội long trọng tại kinh thành Ca Tỳ La Vệ suốt 7 ngày và sau khi sanh Bồ tát được 7 ngày thì Hoàng hậu thăng hà (vì Phật mẫu không thể sống đời tình dục như thường nhân).

3. Có 7 nhân vật đồng sinh: Cây Bồ Đề, Ngựa Kiền Trắc, Công chúa Da Du Đà La, Xa Nặc, Ananda, quan cận thần Kāludāyī và bốn hăm châu báu.

4. Chúng sơ thiên lúc 7 tuổi trong buổi lễ hạ điền, quan quân và cung nữ mãi mê vui chơi, riêng Ngài tìm bóng mát dưới gốc cây trâm suy tư và thiên định.

5. Nàng Sujātā dâng cơm sữa ghana, vào sáng ngày trăng tròn tháng Vesākha bà cho người đến vắt sữa từ 8 con bò sữa, và có 7 hiện tượng lạ kì diệu xảy ra, làm cho bà Sujātā tự tay nấu cơm sữa ghana:

- 8 con bê được sinh ra từ 8 con bò sữa này sáng hôm ấy đồng loạt không đến bú sữa mẹ như thường lệ và những bình sữa vừa đặt dưới vú những con bò sữa này lập tức sữa tuôn đầy bình không cần đến tay người vắt sữa.

- Khi cơm sữa sôi thì những bong bóng lớn nổi lên, rồi quay tròn theo chiều kim đồng hồ, nhưng không có một bong bóng nào rơi ra ngoài nổi.

- Không có khói bốc lên từ lò lửa nấu cơm ghana.

- Tứ Đại Vương đến canh giữ 4 góc lò nên không có con vật nào di chuyển qua lại trong khi bà Sujātā nấu cơm sữa.



Nàng Sujātā dâng cơm sữa ghana

- Đại Phạm Thiên cầm lọng đứng che bên trên "khu vực" nồi cơm sữa ghana, nên chung quanh trở nên mát rượi, không có chút "hơi nóng của lửa".

- Đức Đế Thích sắp củi bằng phẳng và chụm lửa, ngọn lửa cháy đều và đồng thời tro bụi không rơi ra khỏi lò.

- Chư Thiên mang dưỡng tố từ bốn châu và cõi trời đến đổ vào nồi, đó là những tinh chất của dưỡng tố, tựa như người lấy mật từ tổ ong (chỉ 2 lần Chư Thiên mang dưỡng tố bỏ vào nồi nấu đó là bữa cơm trước khi Bồ Tát đắc quả Chánh Đẳng Chánh Giác, và bữa cơm cuối cùng Phật dùng rồi viên tịch).

Trông thấy những hiện tượng kì diệu này bà Sujātā vô cùng hoan hỷ (bà chính là thân mẫu của ngài Yasa: vị Alahan thứ 6 sau 5 Ngài Kiều Trần Như)

* Gọi là sữa ghana (ghana = gom lại, đông đặc lại) vì được thành tựu phải trải qua 7 giai đoạn: trước tiên nàng Sujātā cho 1000 con bò sữa đến ăn ở rừng cam thảo;

- Lấy sữa 1000 con bò sữa này nuôi 500 con bò sữa

- Lấy sữa 500 con bò sữa này nuôi 250 con bò sữa

- Lấy sữa 250 con bò sữa này nuôi 125 con bò sữa

- Lấy sữa 125 con bò sữa này nuôi 64 con bò sữa

- Lấy sữa 64 con bò sữa này nuôi 32 con bò sữa

- Lấy sữa 32 con bò sữa này nuôi 16 con bò sữa

- Lấy sữa 16 con bò sữa này nuôi 8 con bò sữa

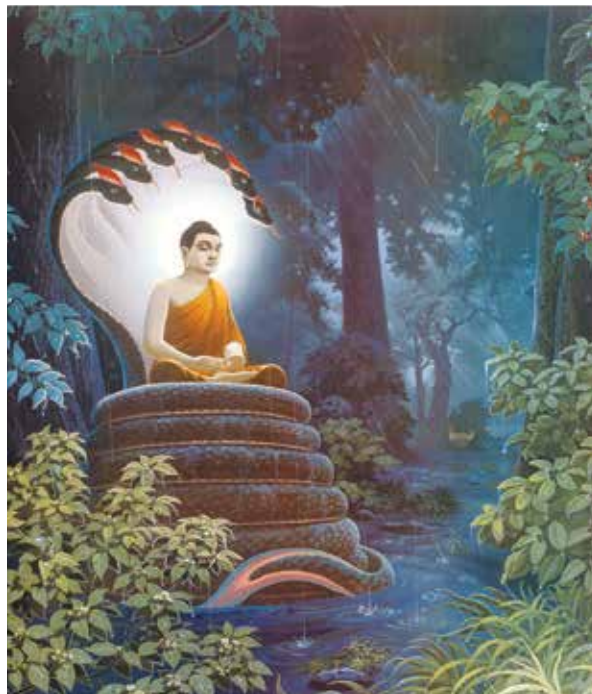
Sữa của 8 con bò sau cùng gọi là sữa ghana

* Bồ Tát đã thọ nhận cơm sữa ghana và vắt thành 49 vắt (mỗi vắt bằng quả trứng gà như nhau, không dư không thiếu, và Ngài đã no lòng suốt 7 tuần lễ).

6. Khi chứng đắc quả Vô Thượng Chánh Giác, Ngài hưởng hưởng vị giải thoát suốt 7 tuần tại 7 nơi, mỗi nơi 7 ngày.

7. Mưa lớn suốt 7 ngày và Long vương 7 đầu dùng thân che cho Ngài, không một hạt mưa nào rơi được trên thân Ngài.

8. Từ khi lìa hoàng cung ra đi tìm đường xuất gia đúng 7



Long vương 7 đầu dùng thân che cho Đức Phật

năm Ngài mới quay về kinh thành Ca Tỳ La Vệ để tế độ quyến thuộc.

9. Vị Sadi đệ tử của Ngài Tissa chứng đắc Thánh quả Alahan khi dao cạo vừa chạm đầu và lúc 7 tuổi (vị này bị ngài Tissa vô tình gõ cán quạt trúng mắt gây hỏng một mắt, nhưng Ngài không trách phiền mà vẫn giữ bốn phận người đệ tử hầu hạ vị Thầy, biết được sự việc, vị Thầy ăn năn sám hối, Ngài nói rằng: "Thưa Thầy! Không phải tại Thầy, cũng không phải tại con, mà do luân hồi".

- Ngài Ra Hầu La chứng đắc Tu Đà Huần lúc 7 tuổi

- Tín nữ Visakhà đắc Tu Đà Huần lúc 7 tuổi.

- Có 7 vị chứng Đắc A Na Hàm sanh về cõi Vô Phiền Thiên.

10. Thời kỳ này cũng có:

- 7 loại cây sống đến hết tuổi thọ quả Đất.

- 7 hồ nước lớn nằm sâu trong núi Tu Di.

- Các tòa lâu đài của vua, quan và các vị trưởng giả cao tối đa là 7 lầu.

- Niêm luật của vị Phật Chánh Giác là trước khi chứng quả vị tối thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải trải qua giai đoạn thực hành khổ hạnh tối thiểu là 7 ngày và tối đa là 7 năm.

* Đặc biệt, kiếp Bồ tát Vesantara, Ngài bố thí 7 lần, 700 ngàn người nhận thí, quả địa cầu rung chuyển 7 lần. ■

Phật giáo vẫn đang hồi sinh tại Campuchia

Cherry Thein

Sau buổi thiền tập cùng nhóm vào ngày chúa nhật tại chùa Langka trên đại lộ Sihanouk ở Phnom Penh, một tu sĩ Phật giáo tiếp cận tôi và đưa cho tôi một cuốn sách photocopy của ngài Hòa



Thượng tọa Yos Hut Khemacara

thượng Mahasi Sayadaw. Tôi nghĩ lớp bột phấn trắng (thanaka) trên đôi má của tôi đã khiến ông mạnh dạn đặt câu hỏi: “Có phải cô là người Miến không?”

Nhà sư tự giới thiệu mình là Thượng tọa Yos Hut Khemacara, thuộc Hội Phật giáo và Giảng sư Khmer (Khmer Buddhist Foundation and Dhammaduta). Sư nói rằng mặc dù chỉ có một số ít người Campuchia hành thiền Vipassana, con số dường như tăng lên mỗi năm. Sư nói: “Chúng tôi muốn tổ chức những khóa thiền chuyên sâu hơn trong tương lai khi có đủ số người muốn học và có đủ thiền sư để đáp ứng cho những khóa thiền đó. Theo như tôi biết, từ trước đến nay, chưa có một ngôi chùa nào có đủ khả năng mở những khóa thiền Vipassana chuyên sâu. Nếu các tu sĩ hoặc cư sĩ nào muốn tìm hiểu thêm về Giáo pháp của Đức Phật cũng như việc thiền tập, tôi luôn đề nghị họ sang Myanmar.”

Thượng tọa Yos Hut Khemacara mở một buổi thiền ba giờ vào các buổi sáng chúa nhật và các buổi thiền một giờ vào các tối thứ hai, thứ năm và thứ bảy. Sư nói rằng các nhà sư sống gần ngôi chùa giúp sư với việc hướng dẫn hành thiền.

Tuy nhiên, con số các nhà sư có trình độ học vấn tại Campuchia rất ít. Nhiều người đã bị Khmer đỏ giết hại trong thời gian cầm quyền tại đất nước này từ 1975-1979. Chế độ này đã phá hủy nhiều học viện của Phật giáo và cố gắng xóa bỏ tôn giáo khỏi ý thức của người dân Campuchia. Ngày nay, trong khi hầu hết người dân Campuchia tự nhận mình là Phật tử theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, Phật giáo vẫn đóng một vai trò khiêm tốn trong đời sống của đa số người dân ở đây. Có lẽ minh chứng cho việc này là sự thật, là các ngôi chùa chủ yếu đóng vai trò thực tế hơn là tâm linh trong xã hội ở đây.

Thượng tọa Yos Hut Khemacara nói: “Hầu hết các ngôi chùa ở đây đều bận rộn với công việc ma chay. Tang sự tùy vào khả năng tài chánh của gia đình người chết. Các nhà sư phải giúp đỡ Phật tử lo tang lễ và sau đó nhận cúng dường từ gia đình người chết, khoản cúng dường này sẽ được dùng để bảo dưỡng ngôi chùa.”

Việc này kéo dài cho đến cuối năm ngoái, khi chính quyền địa phương đưa ra một đạo luật gây tranh cãi. Đạo luật này cấm không cho tổ chức việc hỏa táng trong chùa, bề nổi là để giảm ô nhiễm không khí.

Ông Sorn Sunsopheak, ký giả của tờ nhật báo song ngữ Khmer - Anh The Phnom Penh Post, tòa soạn đóng tại Phnom Penh, nói rằng việc cấm hỏa táng có hiệu lực từ tháng mười năm ngoái. Ông Sorn Sunsopheak nói: “ Vì dân số sống tại đây đang tăng, việc quan trọng là phải giữ cho không khí trong lành càng nhiều càng tốt. Điều này rất khó khi việc hỏa táng cứ diễn ra mỗi ngày. Có hơn 2 triệu người dân trong thành phố này.”

Ông Sorn Sunsopheak trước đây đã từng là một



Nhà sư ăn trưa tại Wat Langka

tu sĩ tại chùa Presput Manbun, gần sân vận động Olympic. Ông nói rằng ông ủng hộ luật cấm vì ông tin rằng vai trò chính của một ngôi chùa là làm nơi để hành thiền. Ông nói: “Khi tôi còn là nhà sư, tôi thường hoãn công việc lại vì mùi hỏa thiêu. Tôi đã từng tự nghĩ rằng thiền viện phải được giữ yên tĩnh để sử dụng cho việc hành thiền thay vì dùng để phục vụ cho những nghi lễ như vậy.”

Một công ty tư nhân, dưới sự hướng dẫn của chính quyền địa phương, nay đang đảm nhận việc hỏa thiêu tại một địa điểm nằm ngoài thành phố. Một số người vẫn tiếp tục cúng dường tiền cho chùa khi gia đình họ có đám tang, nhưng họ cũng phải trả phí cho công ty hỏa thiêu.

Bất chấp khả năng thu nhập có thể giảm mạnh, thượng tọa Yos Hut Khemacara nói rằng luật cấm có những mặt tích cực, đặc biệt đối với các tu sĩ trong các thiền viện gần các ngôi chùa. Ông nói rằng tổ chức đám tang và lễ hỏa thiêu tại các ngôi chùa là một truyền thống địa phương hơn là Phật giáo, và nó chủ yếu là dịch vụ từ thiện dành cho người nghèo, những người không đủ khả năng trả chi phí cho một đám tang thông thường.

“Chúng tôi (các nhà sư) sống quá gần các ngôi chùa và phải chịu đựng mùi hỏa thiêu mỗi ngày. Ông cũng cho biết thêm rằng một ngôi chùa thường thiêu ba lần mỗi ngày. Chúng tôi cũng chẳng thể làm gì hơn vì đây là một phần của nền văn hóa lâu đời của người Khmer. Chúng tôi cũng nghĩ rằng nếu chúng tôi không thực hiện dịch vụ này, chẳng còn ai sẽ đến chùa. Tuy nhiên, tôi rất vui nói rằng người ta hiện nay đang đến các ngôi chùa để hành thiền.”

U Than Zaw, một người quốc tịch Miến sống tại Campuchia, làm việc tại Trung tâm giáo dục Australia, nói rằng ông có một người bạn cũng là người Miến được hỏa thiêu tại chùa Langka, một trong những ngôi chùa nổi tiếng của Phnom Penh. Ông nói: “Một trong những người bạn của tôi đã được hỏa thiêu tại chùa Langka cách đây không lâu, và họ chẳng lấy của chúng tôi đồng bạc nào cả, nhưng chúng tôi cúng dường tiền cho chùa. Nó là một dịch vụ tốt đối với người nghèo, nhưng nhiều khói và mùi rất khó chịu”. ■

Ngài tự mình tìm đến rừng sâu núi thẳm hành trì khổ hạnh, và cũng chính tự mình bỏ con đường khổ hạnh để theo con đường trung đạo và cuối cùng Ngài tận diệt được tham sân si nguồn gốc của đau khổ trần thế. Rồi sau đó Ngài cũng tự mình và các hàng môn đệ xuất gia hoằng khai giáo pháp cao tuyệt này. Sau đó Ngài cũng như bao nhiêu chúng sanh khác bỏ lại xác thân tứ đại này nhưng Ngài khác hơn người thường là không còn trở lại đời sống này nữa “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa⁽¹⁾”.

Nhìn qua lịch sử của Ngài, ta thấy rằng Đức Phật không phải là thượng đế. Phật tiếng Pāli gọi là Buddha, từ căn Buddh⁽²⁾ có nghĩa là sáng suốt, trí tuệ, giác ngộ, tỉnh giác, tỉnh thức. Người nào giác ngộ như Đức Phật đều gọi là Phật. Như vậy, trước và sau Đức Phật Thích Ca có rất nhiều vị Phật ra đời. Đạo Phật chủ trương các pháp do nhiều duyên sinh không có cái ban đầu.

2. NHỮNG LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT LỊCH SỬ (trích)

Đức Thế Tôn, Bậc Đạo Sư đã nương vào sự tự lực để tâm cầu học đạo, đặc đạo cho nên trong suốt 45 năm truyền bá chánh pháp, những lời dạy vàng ngọc của Ngài cũng xoay quanh tinh thần tự lực tự tri, tự mình chứng ngộ, Ngài đã dạy: “Vậy nên này Ānanda hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa một gì khác. Dùng chánh Pháp làm ngọn đèn, dùng chánh Pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Đây Ānanda, thế nào là vị tỷ kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, không y tựa một gì khác, dùng chánh Pháp làm ngọn đèn, dùng chánh Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?”

“Đây Ānanda ở đời vị tỷ kheo đối với thân quán thân, tinh cần chánh niệm tỉnh giác để nhiếp phục tham ưu ở đời, đối với cảm thọ, đối với tâm, đối với các pháp, quán pháp tinh cần chánh niệm tỉnh giác để nhiếp phục mọi tham ái ưu bi trên đời.

Như vậy này Ānanda vị tỷ kheo tự mình

1. HT.Thích Minh Châu – Trung Bộ Kinh I. DH.Vạn Hạnh Sài Gòn 1973, tr.249.

2. Rhys Davids – Pali – English dictionary – The Pali-text.

Sự Khác Biệt Giữa

ĐỨC PHẬT HẠT LỊCH SỬ VÀ ĐỨC PHẬT HẠT TÔN GIÁO

TTTS. Thích Bửu Chánh

(tiếp theo)

là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, không y tựa một gì khác, dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ y tựa, không nương tựa một gì khác”.

Này Ānanda, những ai sau khi ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, không y tựa một gì khác, dùng chánh Pháp làm ngọn đèn, dùng chánh Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác, những vị ấy, này Ānanda là những vị tối thượng trong hàng tỷ kheo của ta nếu những vị ấy tha thiết học hỏi⁽³⁾.

Đức Phật dạy rằng cầu xin, ước vọng là không có kết quả, không mang lại lợi ích gì cho công việc thực hành chánh Pháp cũng như trong việc mưu cầu hạnh phúc thế gian.

Đức Phật dạy cho thôn trưởng Asipandhakaputa rằng: Một người làm 10 ác hạnh dù cho có cầu xin cũng không thể nào sanh vào thiện thú, thiên giới, ...

“Này thôn trưởng nhà người nghĩ thế nào? ở đây một người sát sanh lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, tà kiến. Rồi một quần chúng đông đảo tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn, tán dương, chấp tay đi cùng khắp nói rằng: “Mong người này sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này”. Nhà người nghĩ thế nào thôn trưởng? Người ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy, hay do nhân tán dương hay do nhân chấp tay đi cùng

khắp sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới cõi đời này”.

“Thưa không bạch Thế Tôn”.

“Vì như này thôn trưởng, có người lấy một tảng đá lớn ném xuống một hồ nước sâu. Rồi một quần chúng đông đảo tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn tán dương, chấp tay đi cùng khắp và nói: “Hãy đứng lên tảng đá lớn! Hãy nổi lên tảng đá lớn! Hãy trôi vào bờ này tảng đá lớn!” Nhà người nghĩ thế nào này thôn trưởng: tảng đá lớn ấy do nhân cầu khẩn của đại quần chúng ấy hay do nhân tán dương, hay cho nhân chấp tay đi cùng khắp, có thể trôi lên hay nổi lên hay trôi dạt vào bờ không?”

“Thưa không bạch Thế Tôn”.

“Cũng vậy này thôn trưởng, người nào sát sanh lấy của không cho, sống theo tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, theo tà kiến. Rồi quần chúng đông đảo tụ tập, tụ họp lại, cầu khẩn tán dương, chấp tay đi cùng khắp nói rằng: “Mong rằng người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú thiên giới, cõi đời này” “Nhưng người ấy sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục”.

“Nhà người nghĩ thế nào, này thôn trưởng? Ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục vọng, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân tâm, có chánh tri kiến.

Rồi một quần chúng đông đảo tụ tập, tụ họp

3. HT. Thích Minh Châu – Trường Bộ Kinh III. Tu thư Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1972, trang 101; Tương Ưng Kinh V Tu thư Đại Học Vạn Hạnh 1982, trang 170.

lại, cầu khẩn tán dương chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: “Mong rằng người này sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục” nhà người nghĩ thế nào này thôn trưởng? Người ấy do nhân cầu khẩn của quần chúng đông đảo ấy, hay do nhân tán dương, hay do nhân đi cùng khắp, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục không?

“Thưa không bạch Thế Tôn”.

“Ví như này thôn trưởng, có người nhận chìm một ghè sữa đông hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu, rồi đập bể ghè ấy. Ở đây ghè ấy trở thành từng miếng vụn hay từng mảnh vụn và chìm xuống nước còn sữa bơ hay dầu thì nổi lên trên. Rồi một quần chúng đông đảo, tụ họp lại cầu khẩn tán dương chấp tay đi cùng khắp và nói rằng: “Hãy chìm xuống này sữa bơ và dầu. Hãy xuống tận đáy này sữa bơ và dầu” Nhà người nghĩ thế nào này thôn trưởng, sữa bơ ấy, dầu ấy, có do nhân cầu khẩn của đám quần chúng đông đảo ấy, do nhân tán dương, do nhân chấp tay đi cùng khắp, chìm xuống hay chìm sâu xuống, hay đi tận cùng xuống đáy không?”

“Thưa không bạch Thế Tôn”

“Cũng vậy, này thôn trưởng. Có người bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong vật dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham, không có sân tâm, theo chánh kiến. Rồi có quần chúng đông đảo tụ tập tụ họp lại cầu khẩn tán dương chấp tay đi cùng khắp nói rằng: “Mong rằng người này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào cõi dữ ác thú đọa xứ, địa ngục”. Nhưng người này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiên thú thiên giới, cõi đời này⁽⁴⁾”.

Trong một đoạn kinh khác Đức Phật dạy rằng: “Cầu xin không đưa đến giải thoát các lậu hoặc. Ngài dùng ví dụ con gà mái ấp trứng để nói lên quan điểm này:

“Này các tỳ kheo, tỳ kheo không trú tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ”.

“Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập 4 niệm xứ, không có tu tập 4 chánh cần, không có tu tập 4 như ý túc, không có tu tập 5 căn, không có tu tập 5 lực, không có tu tập 7 giác chi, không có tu tập thánh đạo 8 ngành. Ví như tỳ kheo, có 8, 10, hay

12 trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách.

“Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: mong rằng những con gà của ta, với chân, móng và đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng được sanh ra một cách an toàn. Tuy vậy, các con gà con ấy không thể với chân móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ sau khi làm bể vỏ trứng được sanh ra một cách an toàn”.

“Vì có sao? Này các tỳ kheo 8, 10, hay 12 trứng gà mái ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn”.

“Cũng vậy, này các tỳ kheo, tỳ kheo không trú tâm trong sự tu tập, dầu cho có khởi lên ý muốn: Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ”. Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ”.

“Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo”.

“Này các tỳ kheo, tỳ kheo sống trú tâm trong sự tập, dầu cho không khởi lên ước muốn: mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ” Tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ”.

“Vì có sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập 4 niệm xứ, có tu tập 4 chánh cần, có tu tập 4 như ý túc, có tu tập 5 căn, có tu tập 5 lực, có tu tập 7 giác chi, có tu tập con đường thánh 8 ngành”.

“Ví như này các tỳ kheo, có 8, 10 hay 12 trứng gà mái. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn, dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ước muốn: Mong rằng các con gà con của ta với chân móng và đỉnh đầu hay với miệng và mỏ sau khi làm bể vỏ trứng được sanh ra một cách an toàn”. Tuy vậy, các con gà ấy có thể với chân móng và đỉnh đầu, hay với miệng và mỏ sau khi làm bể vỏ trứng được sanh ra một cách an toàn”.

“Vì có sao? Vì rằng này các tỳ kheo, 8, 10 hay 12 trứng gà được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn”. “Cũng vậy này các tỳ kheo, tỳ kheo sống trú tâm tu tập dù cho vị ấy không khởi lên ước muốn mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ”. Tuy vậy, tâm vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ”.

4. HT. Thích Minh Châu – Tương Ưng Bộ Kinh IV. Phật Học Vạn Hạnh TP. HCM 1982, trang 313 - 314 - 315.

“Vì cố sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập, tu tập cái gì? Có tu tập 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, thánh đạo 8 ngành⁽⁵⁾”

Trong một đoạn kinh khác ở Trung Bộ Kinh tập I, trang 303, Đức Phật nhấn mạnh đến sự vô ích của cầu xin.

Nếu hành phạm hạnh không chánh đáng, không làm sao đạt được thánh quả giải thoát. Hành phạm hạnh không chánh đáng có nghĩa là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Vì cố sao? Vì đây không phải là phương pháp để đạt được quả vị. Đức Phật dùng thí dụ người đi tìm dầu để minh họa cho lời dạy trên. Ví như một người đi tìm dầu, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép cát cho ra dầu, thời dầu cho người ấy có ước nguyện tìm cho ra dầu cũng không thể được toại nguyện. Vì cố sao? Vì đây không phải là phương pháp tìm ra dầu. Đức Phật dùng một ví dụ nữa ý nghĩa hơn là một người đi tìm sữa đến một con bò cái, lại nắm lấy cái sừng con bò cái mà vắt sữa, thời dầu có ước nguyện hay không ước nguyện nó cũng không lấy được sữa. Trái lại, nếu có vị sa môn hay bà la môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định dù có ước nguyện hay không ước nguyện, hành phạm hạnh sẽ đạt được quả vị. Vì cố sao? Vì đây là phương pháp đạt được quả vị, ví như một người đi tìm dầu, sau khi để những hột dầu vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép các hột dầu cho ra dầu. Dù người ấy có ước nguyện hay không ước nguyện cũng sẽ lấy được dầu. Cũng ví như người đi tìm sữa đến con bò cái vắt sữa từ nơi vú con bò mới sanh con, thời dù có ước nguyện hay không ước nguyện cũng tìm ra sữa⁽⁶⁾”.

Đối với hạnh phúc thế gian, Đức Phật cũng dạy rằng không phải do cầu xin mà có được mà phải thực hành con đường đưa đến năm điều hạnh phúc thế gian: “Có năm pháp này, này gia chủ khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời, thế nào là 5? Tuổi thọ khả lạc, khả ý, khả hỷ khó tìm được ở đời. Dung sắc, an lạc, tiếng đồn tốt, cõi trời,

“Này gia chủ, năm pháp này khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời. Ta tuyên bố không phải do nhân cầu xin, không phải do nhân ước vọng mà có được”.

“Này gia chủ nếu 5 pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời này do nhân cầu xin do nhân

ước vọng mà có được thời ai ở đời này lại héo mòn về một lẽ gì? Này gia chủ vị thánh đệ tử muốn có thọ mạng không thể do cầu xin thọ mạng hay tán thán để làm nhân đem lại thọ mạng. Vị thánh đệ tử muốn có thọ mạng cần phải thực hành con đường dẫn đến thọ mạng, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thọ mạng, vị ấy nhận lãnh thọ mạng hoặc chư thiên hoặc loài người”.

“Này gia chủ vị thánh đệ tử muốn có dung sắc, không thể do cầu xin dung sắc hay tán thán để làm nhân đem lại dung sắc...”

“Này gia chủ vị thánh đệ tử muốn có an lạc...”

“Này gia chủ, vị thánh đệ tử muốn có tiếng tốt...”

“Này gia chủ vị thánh đệ tử muốn có được thiên giới không có do cầu xin thiên giới hay tán thán để làm nhân đem đến thiên giới. Vị thánh đệ tử muốn có thiên giới cần phải thực hành con đường dẫn đến thiên giới do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thiên giới, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thiên giới. Vị ấy nhận lãnh được thiên giới.”

*Thọ mạng và dung sắc
Tiếng tốt và danh vọng
Thiên giới và quý tộc
Được người đời ngày đêm
Luôn luôn được rộng lớn
Cầu xin và cầu nguyện
Còn bậc hiền tán thán
Không phóng dật phước hành
Bậc hiền không phóng dật
Chứng được hai lợi ích
Lợi ích ngay hiện tại
Và lợi ích đời sau
Vị nào thực hiện được
Lợi ích và mục đích
Vị ấy đáng được gọi
Bậc trí giả hiền giả” (còn tiếp). ■*

5. HT. Minh Châu – Tăng Chi Bộ Kinh III, Quyển A. Tu thư Phật học Vạn Hạnh TPHCM 1981, trang 123-124-125.

6. HT. Minh Châu – Hãy Tự Minh Thập Đuốc Mà Đi, Viện nghiên cứu Phật học VN, TP. HCM – 1990, trang 12.

TẾT CỔ TRUYỀN CÁC DÂN TỘC

Theo Bách Khoa Toàn Thư

(tiếp theo & hết)

* Đêm giao thừa tết Thingyan

Các diễn viên Thangyat trong trang phục tết Thingyan biểu diễn tại thành phố New York

Ngày giao thừa Thingyan, ngày đầu tiên của kỳ lễ, gọi là a-kyo nei, là thời điểm bắt đầu của nhiều hoạt động tôn giáo. Các Phật tử được khuyên là nên tuân theo Bát giới, hơn là Ngũ giới cơ bản, gồm có việc ăn một bữa trước chính Ngọ [2]. Thingyan là thời điểm của ngày Bô Tát (hay Trai Giới), tương tự như ngày Sabbath (ngày Yên Nghỉ) của đạo Chúa. Của bố thí và các mâm lễ vật được dâng lên các nhà sư trong các nơi thờ tự, và một loại lễ vật gồm dừa non và thân dừa còn nguyên vẹn được kết thành vòng tròn và bó trong lá chuối xanh (nga pyaw pwè oun pwè) và các nhánh tha byay hoặc jambul (*Syzygium cumini*) đặt trước các di ảnh của đức Phật Thích Ca; di ảnh này sẽ được đổ nước thơm từ phía trên xuống trong nghi lễ tắm Phật. Thời xa xưa, các vua Miến Điện có tham dự một lễ gội đầu bằng nước tinh khiết lấy từ Gaungsay Kyun (nghĩa là đảo Gội Đầu), là phần đá nhỏ trôi lên mặt biển của một hòn đảo ở vịnh Martaban gần Mawlamyaing.

Trước khi trời tối, những cuộc vui thật sự bắt đầu với âm nhạc, hát múa, các trò hề và các trò bói toán mua vui khác. Ở mọi sảnh nhà hay sân khấu, các đồ gỗ, tre, giấy (được đặt tên lễ) rộn rã suốt đêm. Những nữ địa phương đã luyện tập hàng tuần hoặc hàng năm để tham gia vào các nhóm hát đồng ca, nhảy múa của các sự kiện lớn; các cô gái đều mặc váy áo đồng phục đầy màu sắc, đầu đội vòng hoa và gắn kim tuyến. Họ bơi lên mặt loại phấn thơm thanaka - một loại keo từ vỏ cây *Murraya paniculata*, có công dụng như là một loại kem chống nắng và se lỗ chân lông, và cài hoa giáng hương (tiếng Miến: padauk) vàng có mùi thơm ngọt ngào lên tóc. Hoa giáng hương (*Pterocarpus macrocarpus*) chỉ nở một ngày mỗi năm vào Tết Thingyan nên được gọi là "hoa Thingyan". Đám đông người thấy hội đi bộ, xe đạp, xe máy hoặc ngồi trên các xe buýt, xe jeeps vui vẻ đi dạo quanh, một số còn tự sáng tác nhạc, còn hầu hết các phụ nữ đều bôi thanaka và cài hoa giáng hương. Những chiếc thuyền trôi được thắp sáng và trang trí rạng rỡ, cũng được đặt tên lễ và

chờ một ban nhạc cùng nhiều chàng trai trẻ say đắm trong các điệu nhạc; tại các điểm dừng trên bờ, ở các mandat, họ sẽ đi vòng vòng, hát đối đáp những bài ca dành riêng cho lễ hội, trong đó có nhiều bài truyền thống của Tết Thingyan mà mọi người đều biết, cũng như là trình diễn than gyat (tương tự như đọc rap, nhưng có một người hát chính, và những người khác phụ họa với âm vực cao nhất của giọng để làm trò cười, hoặc châm biếm bất cứ điều gì sai trái trong xã hội ngày nay từ thời trang, chủ nghĩa tiêu dùng, lạm phát siêu mã, tội phạm, thuốc lắc, AIDS, tham nhũng, các chính trị gia thiếu năng lực...) [4]. Đây thật sự là thời gian để tự do thoải mái, một cái van an toàn để xả mọi căng thẳng hay những thứ không hài lòng vốn đã bị kiềm nén từ lâu. Đây cũng là thời điểm tập trung các tai nạn do lái xe khi say xỉn hoặc lái xe khinh suất ở các con đường đông đúc đầy những người thấy hội với đủ mọi loại phương tiện giao thông, cũng như là những vụ say xỉn, cãi lộn mà các nhà chức trách phải chuẩn bị để đối phó. Tuy nhiên, nói chung là sự thân thiện, những lời chúc lành và những hội hè náo nhiệt vẫn lấn át tất cả.

TẾT LÀO

Tết Lào diễn ra từ 13 đến 15/4 hằng năm. Đây là Tết theo Phật lịch vì ở Lào, đạo Phật từ lâu đã trở thành quốc đạo. Người dân tóe nước để cầu may, bình yên cho cả năm. Cũng như người dân Thái Lan và Campuchia, lễ hội Bunpimay mang ý nghĩa đem lại sự mát mẻ, phồn vinh cho vạn vật, ấm no hạnh phúc, thanh khiết hóa cuộc sống của con người. Bunpimay là dịp để nuôi dưỡng và hun đúc nghệ thuật dân tộc.

* Nguồn gốc lễ hội

Theo truyền thống, Tết Lào diễn ra trong suốt tháng thứ năm Phật lịch, bắt đầu từ ngày thứ sáu của tháng thứ năm và kết thúc vào ngày thứ năm của tháng thứ sáu, trong đó ngày lễ chính Wun Salong được tổ chức vào dịp trăng tròn. Hiện nay Tết Lào được tổ chức từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 4 dương lịch hàng năm, khi bầu trời thanh cao, các dòng sông lớn đều dồi dào nước tượng trưng cho một năm mới nhiều lộc.

Tết Bounpimay diễn ra trong ba ngày. Ngày đầu tiên cũng là ngày cuối cùng của năm cũ, người ta lau dọn sạch sẽ trong nhà ngoài ngõ. Ngày thứ hai không được tính đến vì đó là giao thời giữa năm cũ và năm mới. Hội bắt đầu vào ngày cuối cùng với nhiều hoạt động tương bừng khắp nơi. Ngày cuối cũng là ngày kết thúc tuần trăng. Trong ba ngày này người Lào được nghỉ, không làm việc và cũng không có các hoạt động buôn bán.

*** Nguồn gốc ngày Tết Bounpimay**

Đầu tiên Tết Lào được tổ chức vào ngày đầu tiên của tháng Một. Tuy nhiên, thời điểm đó vào mùa đông, không thích hợp cho phong tục tóe nước nên ngày này đã được chuyển sang thời điểm nóng nhất trong năm. Đây cũng là thời gian ngày thường dài hơn đêm, ngày dài nhất có thể đến 14 tiếng 24 phút.

Theo các sử gia Lào, tổ tiên người Lào đến từ phía Nam Trung Quốc và chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ nên lấy ngày, tháng, năm theo Ấn Độ. Riêng Tết Lào là lấy theo người Mon-Phama và người Khmer. Người Ấn Độ coi trọng thời điểm ngày dài hơn đêm và gọi đó là Watthanasagn, có nghĩa là "nhiều bóng râm". Khi đó mặt trời mọc ở phía bắc và bắt đầu mùa mưa, thuận lợi cho trồng trọt hơn các mùa khác trong năm.

Ngoài ra, Tết Lào còn xuất phát từ một truyền thuyết về cuộc đấu trí giữa Thammabane và Kabinlaphom.

Thời xa xưa, từ trước khi Phật giáo ra đời, có một chàng trai con nhà phú nông tên là Thammaphala hay còn gọi là Thammabane rất nhanh trí và hiểu được tiếng chim. Thammabane thường đi khắp nơi để truyền dạy kiến thức.

Thời gian đó người dân vẫn coi Kabinlaphom, thần của bầu trời là người thông thái nhất. Khi biết tin dưới trần gian có Thammabane là một người rất hiểu biết, Kabinlaphom muốn thi tài với Thammabane. Ông ta đặt ra ba câu hỏi để Thammabane trả lời, nếu Thammabane trả lời được thì Kabinlaphom sẽ phải dâng đầu mình và ngược lại.

Ba câu hỏi đó là:

Thần sắc con người tập trung ở đâu vào buổi sáng?

Thần sắc con người tập trung ở đâu vào buổi chiều?

Thần sắc con người tập trung ở đâu vào buổi tối?

Thammabane không thể trả lời ngay, nhưng anh xin Kabinlaphom thêm 9 ngày nữa. Thammabane ra sức suy nghĩ nhưng vẫn không tìm được đáp án. Ba

ngày trôi qua, đã quá mỏi mệt, anh ngủ gật dưới gốc cọ thì nghe hai vợ chồng đại bàng nói chuyện trên đầu mình. Đại bàng vợ hỏi: "Ngày mai chúng ta sẽ ăn gì đây?". Đại bàng chồng trả lời: "Đừng lo, chúng ta sẽ ăn thịt Thammabane, vì anh ta sẽ không thể trả lời được 3 câu hỏi của Kabinlaphom và sẽ bị giết". Khi đại bàng vợ hỏi về câu trả lời, đại bàng chồng đã nói:

Thần sắc con người vào buổi sáng tập trung ở khuôn mặt, vì vậy buổi sáng con người phải rửa mặt.

Thần sắc con người vào buổi chiều tập trung ở ngực, vì vậy con người thường tắm vào buổi chiều.

Thần sắc con người vào buổi tối tập trung ở tay và chân, vì vậy con người thường rửa chân tay trước khi đi ngủ.

Nhờ biết được tiếng chim, Thammabane nghe rõ ba câu trả lời và sau đó trở lại gặp Kabinlaphom. Theo cam kết, Kabinlaphom phải chặt đầu mình. Tuy nhiên, trước khi chặt đầu, Kabinlaphom dặn bảy cô con gái của mình giữ gìn cái đầu cẩn thận, vì nếu đầu ông ta rơi xuống đất sẽ xảy ra hỏa hoạn, ném lên trời sẽ gây ra hạn hán còn ném xuống biển thì biển sẽ khô cạn. Bảy cô con gái của Kabinlaphom đặt đầu cha trên một cái đĩa vàng và thờ ở động Khanthoumali, núi Phoukhaokailat. Hàng năm các cô lần lượt đến đây rửa sạch đầu cha và đặt trở lại vào động.

Tên của bảy cô con gái Kabinlaphom là Thounsathave, Khorakham, Rarksa, Mountha, Kirinee, Kinitha và Manothone. Tất cả bảy cô được gọi chung là Nang Sangkhane.

*** Phóng sinh**

Các loài động vật như rùa, cá, cua, chim, lươn và các con vật nhỏ khác được phóng sinh. Người ta tin rằng trong dịp Tết ngay cả động vật cũng cần được tự do. Một số người phóng sinh động vật với số lượng trùng với tuổi của con vật.

*** Hái hoa tươi**

Vào các buổi chiều, sư trụ trì hướng dẫn các nhà sư, ni cô và dân làng đi hái hoa tươi đem về chùa cúng Phật. Trong khi đi hái hoa người ta chơi trống và các nhạc cụ cổ truyền. Những người khác thì đem nước đến lau rửa hoa.

Ăn món lạp

Trong ngày Tết, người Lào rất chú trọng tới việc ăn món lạp, đặc biệt là các doanh nhân. Theo ngôn ngữ của nước này, lạp có nghĩa lộc. Lạp ở đây thường được làm bằng thịt gà hay thịt bò tươi sau đó đem trộn với gia vị. Đặc biệt, món này mà không có thính (xem tiếp trang 39)

Điều Đáng Sợ Nhất

Duy Thiện (sưu tầm)

Điều đáng sợ nhất trong cuộc sống không phải là cái chết, mà là bị quên lãng ... bị xem là hạt bụi sau những vòng hào quang rực rỡ.

Là khi người bạn yêu dấu nhất ... từ bỏ tấm chân tình của bạn để chạy theo những điều hư ảo.

Là khi bạn bày tỏ nỗi niềm sâu kín nhất với một người và bị cười vào mặt.

Là khi người bạn thân quá bạn rộn với cuộc sống đã không thể an ủi bạn khi bạn cần được nâng đỡ tinh thần.

Là khi dường như không còn ai trên cõi đời quan tâm đến bạn. Cuộc sống vốn luôn đầy ắp những niềm đau, liệu có bao giờ độ lượng hơn. Bao giờ mọi người biết quan tâm đến người khác và nhín chút thời giờ cho những người đang cần giúp đỡ.

Mỗi người chúng ta đều có một vai diễn trên sân diễn của cuộc đời.

Mỗi người chúng ta đều có trách nhiệm với mọi người xung quanh, nói với họ rằng chúng ta yêu mến họ.

Nếu bạn không quan tâm đến người khác, bạn sẽ không bị trừng phạt đâu, đơn giản bạn chỉ bị lãng quên, hững hờ y như bạn đã từng đối với người khác.

Những dòng trên đây được viết bởi một cô gái trẻ đã tự tìm đến cái chết cách đây không lâu.

Vậy từ hôm nay, chúng ta hãy tập thói quen bày tỏ sự quan tâm đến người khác. Đừng mất gì khi chúng ta mỉm một nụ cười, siết chặt một bàn tay, thốt lên một lời khích lệ hoặc đơn giản nói rằng chúng ta muốn lắng nghe. ■

Tìm Hiểu ÂN ĐỨC PHÁP

ĐD. Thiện Minh

Chúng ta quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Kỳ trước chúng tôi đã thuyết pháp về Ân Đức Phật. Có 10 ân đức Phật. Pháp là một trong ba ân đức mà chúng ta quy y.

Pháp là gì? Pháp là do đức Phật ngộ ở dưới cội bồ đề. Pháp là ánh sáng chân lý do Ngài bùng ngộ. Pháp bảo là lời dạy của đức Phật. Tiếng Anh, Pháp bảo là the teachings of the Buddha. Pháp này khi đức Phật ngộ xong, ngài từ cội bồ đề sang đến vườn Lộc Uyển mất 18 do tuần, mỗi do tuần khoảng 16 km, như vậy mất khoảng gần 300 km. Phật đã đi từ cây bồ đề đến Ba la nại, đi bộ, để thuyết pháp cho 5 anh em Kiều Trần Như, hiện nay tại vườn Lộc Uyển vẫn còn nhiều con nai. Cách đây 25 thế kỷ Phật đã thuyết bài pháp đầu tiên là tứ diệu đế cho 5 anh em Kiều Trần Như.

Tứ diệu đế bao gồm: Khổ đế, tập đế, đạo đế, diệt đế.

Trong phần đạo đế có Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo. Đó là những tinh hoa đức Phật giảng cho các vị tỳ kheo.

Ở nơi Phật thuyết pháp bây giờ cũng còn một bảo tháp Maha stupa cách đó khoảng chừng 5 km có chùa Đại Lộc đang xây dựng, đứng nơi đây có thể nhìn thấy bảo tháp này. Tại nơi đây, các đời tổng thống Ấn Độ, trước khi họ bắt đầu nhậm chức đều hành đất nước đều tới đây dâng lễ bảo tháp, như một cách tưởng nhớ đến đại đế Asoka là người đã xây dựng bảo tháp vào thế kỷ thứ III để đánh dấu Đức Phật đã tới đây thuyết pháp độ đời. Và cũng là

tưởng nhớ Đức Phật – một nhân vật lịch sử đã giác ngộ chân lý và chuyển bánh xe pháp đầu tiên tại đây khởi sự cho công cuộc hoằng pháp lợi sinh trong 45 năm.

Ân đức Tam bảo gồm có:

Pháp bảo nằm trong Tứ diệu đế, trong tam tạng, đó là tạng Kinh, tạng Luật, tạng Luận.

Tạng Kinh gồm 5 bộ

Tạng Luật gồm 4 bộ

Tạng Luận gồm 7 bộ

Theo truyền thống Thái Lan và Miến Điện, tam tạng có 45 cuốn chánh tạng và 92 cuốn chú giải. Phật giáo là quốc giáo của đất nước Miến Điện. Do vậy, hằng năm tại Miến Điện, cuộc thi tam tạng kinh điển thu hút rất nhiều nhà sư tham gia. Hiện nay có 4 vị sư thuộc lòng tam tạng kinh điển rất nổi tiếng.

Chữ Pháp bảo là từ chữ dhammo, là pháp chân lý, vi diệu pháp, là khuôn vàng thước ngọc Phật để lại.

Pháp là gì? Cái chi cũng là pháp. Pháp có đặc tính gì? Đặc tính chi cũng là pháp. Pháp bao gồm tục đế và chân đế. Tục đế là định đặt, chế định, Chân đế là bản thể của pháp gồm tâm, sở hữu, sắc pháp, niết bàn. Trong ân đức Pháp, chúng ta thường tụng đọc: Pháp vi diệu cha lành khéo dạy, Là danh ngôn giác

ngộ hiện tiền, Vượt thời gian chứng vô biên, Sát na đại ngộ hoát nhiên liễu tường, Đạo vô thượng đến rồi thấy rõ, Hướng thượng tâm thoát ngũ vọng trần, Trí nhân tự ngộ giả chân, Diệu thường tịch lạc Pháp ân nhiệm mầu.

Pháp (Dhammo) có 7 ân đức:

1. Svakkhato Bhagavata dhammo: nghĩa là Pháp của đức Thế Tôn ngài đã khẩu truyền y theo chánh pháp, là truyền lại y theo pháp của các bậc thánh ngàn xưa, không thêm không bớt, vì chân lý chỉ có một, nên Pháp của Phật được truyền lại y như chư Phật trong quá khứ.

2. Dhammo: nghĩa là pháp của bậc Thánh có 9 hạng: 4 đạo, 4 quả và 1 Niết bàn.

Thế nào gọi là chánh pháp? Là nơi đó có đệ nhất sa môn, đệ nhị sa môn, đệ tam sa môn, đệ tứ sa môn. Lời dạy của Đức Phật gọi là chánh Pháp.

Bốn đạo: Tư đà huân, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán.

Bốn quả: Tư đà huân quả, Tư đà hàm quả, A na hàm quả, A la hán quả.

Nơi đây, chúng ta cần biết thêm: Tư đà huân diệt thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ; Tư đà hàm giảm bớt tham dục, sân hận; A na hàm diệt tham dục, sân hận; A la hán diệt ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

Pháp có khả năng đưa chúng ta đến 4 đạo, 4 quả và niết bàn. Pháp dạy chúng ta biết tha thứ, biết mỉm cười. Cười đúng chỗ, đúng nơi. Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ, Cười không đúng chỗ lỗi mười thang.

3. Sanditthiko: nghĩa là pháp mà các bậc thánh đã tu tập nhiều đời nhiều kiếp chứng đắc được chân lý, không phải do nghe người khác, là pháp do tự tu tự ngộ, bởi nhờ kiến tánh mà chứng ngộ chân lý. Ví dụ khi một người giỏi một nghề, họ có kỹ năng điêu luyện. Người giỏi vi tính, nhìn bàn tay họ lướt trên bàn phím, chúng ta có thể biết họ rành rẽ về vi tính dường nào. Một nghiên cứu sinh bảo vệ luận văn tốt nghiệp, vị giáo sư chỉ cần hỏi vài ba câu có thể biết luận văn đó là do chính họ viết hay họ sao chép hoặc nhờ người khác viết giùm. Nghĩa là cái gì do mình tự học, tự làm, tự tu mà được thì cái đó gọi là thực học, thực chứng mà có.

4. Akaliko: nghĩa là pháp đặc quả không chờ ngày giờ, là khi nào đắc đạo thì đắc quả không chậm trễ. Có người tu nhiều sẽ có lúc bùng ngộ nhờ một câu kệ, câu kinh nào đó. Người ta thường nói hoát nhiên đại ngộ là lúc mà ta bùng sáng chân lý.

5. Ehipassiko: nghĩa là pháp mà chư thánh đắc quả rồi có thể ứng hóa cho kẻ khác biết được.

6. Opanayiko: nghĩa là pháp của chư thánh đã có trong mình do nhờ pháp thiền định. Thiền là gì? Thiền là biết những gì xảy ra trong giờ phút hiện tại, giữ tâm mát mẻ, yên tĩnh. Có yên lặng thì mới phát sinh trí tuệ giúp ta thấy được nhiều vấn đề một cách bao quát, sâu sắc hơn.

7. Paccattam veditabbo vinnuhiti: nghĩa là pháp mà các hàng trí tuệ được biết, được thấy từ nơi tâm. Sự giác ngộ chỉ có được từ nơi tâm vắng lặng.

Trong kinh Phật dạy rằng sự thông minh phát sinh do:

- Trí văn: đọc sách phát sinh trí tuệ.
- Trí tư: nghe, suy nghĩ phát sinh trí tuệ
- Trí tu: hành thiền phát sinh trí tuệ.

Ứng Dụng Pháp Trong Đời Sống

Vạn pháp là vô ngã. Trong đời sống hằng ngày, chúng ta thấy pháp trùng trùng điệp điệp. Trong tứ niệm xứ, có quán pháp, quán pháp vô thường, quán pháp đoạn diệt. Pháp vô thường có tâm vô thường. Thân vô thường. Hoàn cảnh vô thường.

Thân vô thường: thân ta hồi trẻ xinh tươi, má đỏ môi hồng, đến già tóc bạc, da đồi mồi nhăn nheo, răng rụng, mắt mờ phải đeo kính mới đọc chữ được. Người già đi đâu cũng cầm theo bọc thuốc phòng khi đau ốm. Mỗi ngày qua đi thân già theo năm tháng.

Hoàn cảnh vô thường: vạn vật biến đổi không ngừng. Ai xa quê hương về thấy nhiều thay đổi. Nơi ngày xưa là vườn ao, ruộng lúa nay đã xây biệt thự, hồ bơi, sân golf. Ngay như ở Thủ Đức, ngã tư Gò Dưa giờ cũng nhiều thay đổi, đường xe chạy trên cao dưới thấp không khéo là đi lạc. Ở chùa Bửu Quang cũng vậy, trước kia bước vô cổng chùa là thấy có cái hàng rào bằng đá. Nay nhà chùa đã dỡ bỏ hàng rào cho không gian được thoáng mát, rộng rãi. Đó là ví dụ cho hoàn cảnh thay đổi, hoàn cảnh vô thường là vậy.

Tâm vô thường: tâm thường suy nghĩ lung tung, có khi tỉnh táo, có khi sai lầm, tâm mỗi mảy, tâm lo lắng, mất quân bình, cũng có khi tâm an vui, hoặc sân hận. Cho nên, người nào biết tu thì tâm có được an tĩnh một chút.

Pháp của Phật ta nhìn ở góc độ nào cũng thấy có pháp trong đó. Pháp tục đế và pháp chân đế.

Pháp Trong Ca dao

Ca dao Việt Nam có câu: *Chồng giận thì vợ bớt lời, Cơm sôi nhỏ lửa thì đời nào khê*. Như vậy, người chồng ở đây đang trong pháp tục đế, pháp sân hận. Còn người vợ thì dùng pháp kham nhẫn, pháp nhĩn nên bớt lời qua tiếng lại với chồng cho vui cửa, vui nhà. Cũng có câu ca dao: *Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*. Đó là dạy con cháu pháp báo hiếu khi thọ ơn nuôi nấng, dạy dỗ của cha mẹ. Hoặc có câu: *Người trồng cây hạnh người*

chơi, Ta trồng cây đức để đời mai sau. Đó là pháp bổ thí. Người trồng cây kiểng cho hoa cho trái để tạo cảnh quan đẹp mắt, nhưng người chết thì cây cũng héo vì không ai chăm sóc. Còn người tu thì trồng cây đức nghĩa là tạo phước đức ví như quý vị đến đây lạy Phật, tụng kinh, nghe pháp là đang trồng cây đức cho đời sau.

Người xưa thường khuyên: *Ai ơi hãy ráng làm lành, kiếp này không được để dành kiếp sau.* Đó là pháp thiện.

Người xưa dạy chúng ta 5 châm ngôn sống tốt:

1. Khỏe: có sức khỏe. Sức khỏe là số một vì có sức khỏe là có tất cả. Muốn khỏe phải ăn uống điều độ, giữ tâm mát mẻ, an vui. Một tinh thần minh mẫn trong một cơ thể tráng kiện. Đó là sức khỏe. Sức khỏe quý hơn vàng. Ngày nay, nhiều người có vàng bạc, kim cương chất đầy tủ nhưng phải thuê y tá đút cháo mỗi ngày trong bệnh viện vì đau ốm không ăn được. Cho nên quý vị hãy giữ gìn sức khỏe.

2. Hai tí: một tí thoải mái cộng với một tí nhiệt tình.

3. Ba không: không tuổi tác, không tật bệnh, không hận thù. Khi ta áp dụng không tuổi tác đúng nơi đúng chỗ ta sẽ hòa hợp với hoàn cảnh, với mọi người chung quanh. Không tật bệnh làm cho ta luôn vui tươi. Thân không bệnh thì tâm an ổn, lạc quan, mạnh mẽ. Không hận thù: không ghét, không giận để tâm an vui thì sẽ tránh được nhiều bệnh trong đó có bệnh nguy hiểm là "đường tăng". Bệnh này do ta ăn uống không tốt nhưng cũng do tâm ta ức chế nhiều quá, giận hờn, buồn phiền nhiều quá nên đường tăng vậy thôi.

4. Bốn có: có nhà ở, có bạn đời, có tri âm, có sự thông cảm. Bốn điều này giúp ta ổn định về tinh thần lẫn vật chất để sống hạnh phúc.

5. Năm phải: vận động (đi bộ, chạy xe, làm việc), cười (khi giao tiếp với người khác), biết nói chuyện (nói chuyện là một cách bộc lộ tư tưởng để tránh bị ức chế và đồng thời cũng biết lắng nghe. Nhiều người tự tử vì bị rơi vào trầm cảm, ức chế sống thụ động, ít chia sẻ với người khác), phải ôn hòa lịch sự (tránh sân si, tránh những hành động vô duyên) và phải biết xem mình là người bình thường (có người hoang tưởng nghĩ mình là người quan trọng).

Pháp của Phật hiện hữu trong khắp thế gian để giúp chúng ta sống tốt đẹp, an vui, hạnh phúc. Mỗi ngày chúng ta niệm ân đức Phật cho ta quyền lực, Niệm ân đức Pháp cho ta có trí tuệ sáng suốt giúp chuyển hóa cuộc đời ta trở nên nhẹ nhàng, trong sáng và an bình hơn. ■



Hoa Champa (Việt Nam gọi là Hoa Đại) - Quốc hoa của CHDCND Lào

(tiếp theo trang 35)

thì sẽ làm giảm hương vị độc đáo của chúng. Trong mỗi gia đình, đặc biệt là những người làm nghề kinh doanh, món lạp thường được các đầu bếp làm rất công phu, vì nếu món này trong ngày Tết mà không ngon thì họ thường ví năm mới làm ăn có nhiều điềm xui. Lạp thường được ăn với xôi nóng.

Cờ trang trí trong ngày hội

Theo nhiều chuyên gia văn hóa Lào, thì lạp được xem như là linh hồn của người Lào trong năm mới. Người ta có thể đem chúc nhau bằng món lạp. Gia đình nào nhận được nhiều món này thì hy vọng năm mới sẽ có nhiều lộc.

Buộc chỉ cổ tay

Ngày tết khách đến xông nhà thì được chủ nhà buộc vào cổ tay một vòng chỉ xanh hoặc đỏ, biểu tượng hạnh phúc và sức khỏe.

Các phong tục khác

Vào những ngày này mọi người thường biếu vải, biếu khăn cho người già. Hội đua thuyền được tổ chức trên sông. Ở các địa phương đều có đám rước, nhưng nổi tiếng nhất là đám rước Nangsangkhan ở cố đô Luang Prabang, với bảy cô gái đóng vai bảy người con của Kabinlaphom. Ban ngày người ta đến đền chùa cầu nguyện. Vào buổi tối, mọi người tập trung ở chùa để vui chơi, biểu diễn âm nhạc truyền thống (morlam) và múa lamvong. Nếu làng nào đặt tượng Phật trong hang núi thì lễ tắm Phật gọi là Song Namphaphou. Các nhà sư và dân làng ăn trưa ngay tại núi sau khi làm lễ.

Hoa

Hoa sử dụng trong những ngày này được xem là điềm may mắn, có hai loại hoa: hoa muông (bò cạp vàng, hoa hoàng hậu) được người dân cột vào xe và treo trên nhà để cầu may mắn. Còn hoa Champa được người dân kết thành chùm hay cài trên tóc để cầu mong điều phước lành. ■

Tâm gương nhiệm mẫu

HT. Thích Giác Toàn

Mùa Đản Sanh Điều Ngự

Ngàn Thương

Giở từng trang sách Đạo
“Hương sen” dưới ánh đèn
Có dáng Thầy thoảng hiện
Sống cuộc đời hoá duyên

Mùa đản sanh Điều Ngự
Ngôi “Pháp bảo” thơm hương
Tiếng kinh cầu chia sẻ
Trong Sinh - Diệt vô thường

Đàn em giờ khôn lớn
Đâu còn thuở đùa vui
Nhận ra nhau không dễ
Chỉ nhớ em nụ cười

Tất cả vào yên lặng
Vàng trắng lên đỉnh đầu
Người chấp tay kính lễ
Mười phương bồng nhiệm mẫu

“Hiếu và Thương” Từng bước
Nở sen từ xưa – sau....

Kính tặng chư tôn đức, quý đại biểu tham dự Hội nghị
Phật giáo Nam tông Khmer lần thứ 5 tại Trà Vinh

Chức Phật Pháp đượm non sông
Mừng Tăng già rạng sắc hồng quê hương
Hội tâm, hội tánh chung đường
Nghị sự thảo luận tìm phương độ trần
Đại đức đại trí cao nhân
Biểu tượng Phạm hạnh báo thân thiện lành
Phật từ chân tánh hóa thành
Giáo pháp môn đệ cao thanh an bình
Nam truyền Nguyên thủy viên sinh
Tông thông chánh lý hữu tình hoằng dương
Khơ nguồn hiếu hạnh hai đường
Me nguồn suối Pháp tịnh thường nhân gian
Định thiên tỏa sáng đạo vàng
Kỳ công trần thế minh quang bi từ
Lần lần chiếu diệu Kinh thư
Thứ lớp tuần tự chơn như kiết tường
Năm tháng chan chứa tình thương
Tại lòng bồng ngộ tâm gương nhiệm mẫu
Trà hương thần được thấm sâu
Vinh hạnh phước báu nổi cầu Thượng Tôn
Thành ba la mật linh sơn
Tự công đức... hiện thiên chơn đại từ
Viên tròn ý nguyện người tu
Mãn thắng Pháp chứng điều như quả lành
Phật bảo đời đời niệm danh
Pháp bảo mật nghĩa thường hành xiển dương
Hưng thời tươi nhuận mười phương
Long thiên bát bộ miền trường chứng tri.

Trà Vinh ngày 8/5/2012

Tình Huynh Nghĩa Đệ

Đinh Văn Sơn

Sư huynh thầy đã phong danh
Đệ huynh hợp mặt nên danh với đời
Bao năm thầy dạy những lời
Huynh đệ đùm bọc để đời mai sau
Giúp người hoạn nạn ốm đau
Thấy người thiếu đạo ta nào tiếc chi
Lời thầy chỉ dạy tiên tri
Khuyên người vấp ngã ta liền kéo lên
Mong sao huynh đệ đừng quên
Giúp cho Phật Pháp tiến lên sáng ngời
Tâm thành phật độ tuyệt vời
Thành tâm khẩn nguyện để đời tốt hơn
Từ bi công đức thành nhưn
Công phu đức độ khuyên lơn mọi người
Tâm mình thanh thản tươi cười
Những lời thầy dạy điểm mười cho ta
Sư huynh hiểu đạo thấy xa
Khuyên người hiểu đạo phong ba chẳng hờn
Tuổi huynh nay đã thất tuần
Cũng nhờ thầy độ thấy mừng cho huynh
Ngẫm đời nghĩ lại huynh ơi
Bôn ba lặn hụp cuối đời như không
Tuồng chừng bỏ xác trôi sông
Cũng nhờ trời Phật không mong chuyện này
Không thì huynh đệ cách xa
Ấm dương cách biệt phong ba cõi nào
Sống sao cho đáng anh hào
Đợi cho hết kiếp ta vào cảnh tiên
Thương huynh đệ nhắc vài câu
Nghĩa tình huynh đệ ơn sâu nào bằng
Đệ đây đau khổ quá nhiều
Những lời không tốt mỹ miều thế gian
Làm cho đau khổ gian nan
Tâm đệ xả hết không mang theo mình
Để cho tâm tánh nhẹ đi

Tìm ra chánh Pháp để đi đúng đường
Lời thầy dạy bảo thiên đường
Chúng ta mê muội sai đường đó thôi
Giống như khúc gỗ đang trôi
Không ai vớt được biết trôi đường nào
Đệ huynh như bóng bên mình
Chung vai sát cánh thành hình nay mai
Chúc huynh tâm nhẹ sương mai
Đến ngày khai mở Như Lai đón chào
Tâm huynh như cánh hoa đào
Gió bay thổi nhẹ lạc vào cảnh tiên.

Sóng tà

Tâm Uyên

Sóng xô cát dạt vào bờ
Nhưng tình của biển bao giờ cũng xanh
Chiều nay nghiêng cả cấm thành
Có người trông thấy một cảnh liễu buông

Cội già nứt một chồi non
Vườn xuân chim bướm hoa xoan mọc đầy
Cõi oàn chuyển hóa thơ ngây
Huỳnh sinh đã mấy lần phai sắc vàng

Hóa thân cuộc lữ điêu tàn
Em như cánh mỏng thi đàn như nhiên
Đá mòn lối sỏi còn in
Tìm trong bụi cát dấu em chưa nhòa

Từ trong tâm tức vỡ òa
Xoay lưng ngoảnh lại bóng tà tịch nhiên.

TÔN GIÁO

giúp giới trẻ ngăn chặn tội phạm

Theo: Pháp luân Online

Hiện nay tình trạng tha hóa đạo đức ở một số tầng lớp người trong xã hội. Oái ăm thay, theo thống kê của giới nghiên cứu tâm lý học và xã hội học, trên bình quân lứa tuổi thì thanh thiếu niên là lứa tuổi vướng vào tội phạm hiện nay cao nhất, đây là thực trạng đáng quan tâm hơn bao giờ hết.

Vì sao tầng lớp thanh thiếu niên, những mầm non mà lẽ ra các em vẫn còn đang hồn nhiên, ngây thơ trên ghế nhà trường, hãy còn đang trong sự giáo dưỡng của gia đình, dưới sự giám sát của thầy cô, cùng sự quan tâm đúng mực của ngành giáo dục, lại trở thành những kẻ phạm pháp?

Chúng ta hãy thử điểm lại những hiện trạng đã và đang xảy ra hàng ngày trong xã hội, gia đình và học đường, thì sẽ cảm nhận "Tội phạm do đâu, và cách ngăn chặn thế nào?" Nguyên nhân nào đưa đẩy con em chúng ta lún dần vào tội phạm xã hội? Biện pháp nào để ngăn chặn tội phạm? Đó là điều cần nên giải quyết, dù có nan giải hay mất thời gian lâu dài.

Những khiếm khuyết thực tại là nguyên nhân khiến thanh thiếu niên lún sâu vào con đường tội phạm.

1. Yếu tố giáo dục



Các em đọc kinh trong khóa tu mùa hè



và đi thiền hành

Phải chăng ngành giáo dục vì quá đề cập đến các môn học ngoại ngữ cùng những môn học kỹ năng mà không mấy chú trọng đến môn đạo đức học, hay môn giáo dục công dân. Ngoài ra, một số phụ huynh cũng chú trọng đến các môn ngoại ngữ, và chủ trương cho con em mình học các môn ngoại ngữ hay các môn tự nhiên như toán, lý, hóa mà không chú trọng đến các môn như địa lý, lịch sử, văn học... Thiết nghĩ, con em chúng ta là công dân Việt Nam, điều trước tiên nên trang bị cho con em mình kiến thức về quốc gia mình, như văn hóa, lịch sử, địa lý một cách kỹ càng. Nhưng đáng buồn thay, hiện nay các môn này dường như không còn được chú trọng cho mấy. Đây là vấn đề mà ngành giáo dục và nhà trường nên xem xét.

Chúng ta đều biết những tội trạng mà lớp trẻ gây ra hiện nay thật là đáng quan ngại. Hệ quả đã rõ, nhưng theo tôi, lỗi không phải hoàn toàn tại con em chúng ta, mà cần nhìn nhận từ nhiều góc độ và nguyên nhân sâu xa. Cụ thể, môi trường giáo dục là môi trường phong phú nhất khi con trẻ tiếp xúc để bước vào đời. Do vậy, môi trường này phải hoàn toàn trong sạch trên mặt "chất" lẫn mặt "thể". Thầy Cô giáo chỉ dạy các em học tập một cách máy móc như "một cộng một bằng hai hay hai nhân hai bằng bốn" mà không giúp các em suy tư về những vấn



Những khóa tu mùa hè là sân chơi tốt đẹp cho các em



Tập cho trẻ lòng nhân ái ngay từ nhỏ

đề khác có liên quan đến tâm sinh lý của chúng, thì không sớm muộn gì ngành giáo dục cũng sẽ như chiếc bong bóng có thể vỡ ra bất cứ lúc nào, đặc biệt là vấn đề đạo đức, một khi các em đã bị mất phương hướng, bước vào đời lại không có động lực lành mạnh, cộng thêm sự trác táng đua đòi của xã hội, tiếp thu văn hóa trụy lạc dẫn tới nảy sinh chiều hướng tiêu cực là điều đương nhiên có thể xảy ra. Nói thì vô kể, nhưng dù sao chúng ta cũng phải chung vai, cùng động não giải quyết, đây là vấn đề phải dài lâu và đầy thử thách, nhưng ta không làm thì hậu quả còn trầm trọng hơn.

2. Yếu tố đạo đức

Tuổi trẻ tuy các em nhanh nhạy nhưng khi cần lựa chọn đúng sai cho đời mình thì các em còn chậm, chưa đủ già dặn hay kinh nghiệm để chọn hướng đi chân chánh cho riêng mình...vì đa số các em chưa đủ thuần thực để cảm nhận và ý thức mình trên vai trò là công dân của xã hội.

Trên thực tế, việc chúng ta lo lắng và báo động là điều không hề thừa, trong xã hội hiện nay, với ngành giáo dục, đang tồn tại vẫn nạn đáng lo sợ là một số tầng lớp thanh thiếu niên con em chúng ta đang có nguy cơ tha hóa đạo đức, a dua theo những luồng văn hóa xấu, học đòi những thói nghịch ngợm thiếu tính nhân văn. Cụ thể: đánh bạn tập thể, hiếp dâm tập thể, thực hiện hành vi "tính dục đàn bà", lợi dụng lòng tin của bạn thân chiếm đoạt tài sản, hoặc cho đến "xâm hại" tiết hạnh của bạn mình; lại còn có một số học sinh, sinh viên không trực tiếp thực hiện những hành động đồi bại trên nhưng lại kích động bạn bè thực hiện để mình có dịp tận mắt chứng kiến những thứ vui vô văn hóa ấy, đồng thời đưa những video clip đáng kinh sợ ấy lên những trang mạng xã hội như youtube, Witters, facebook... hòng làm ô nhục danh tánh của người khác cho thoả mãn tâm lý đề tiện của mình.

3. Yếu tố gia đình

Nên chăng bố mẹ cần giáo dục con cái về ý thức đạo đức, và cha mẹ phải là tấm gương đạo đức cho con mình noi theo thì mới có thể dạy con cái đạo lý làm người, thế nào là "sống sạch" để con em mình lấy đó làm đẹp bản thân. Cha mẹ cần nên hiểu, con trẻ thường lấy gương cha mẹ mình để học hỏi, nếu cha mẹ có đầy đủ đạo đức, tác phong thì con em mình ít nhiều sẽ có được ảnh hưởng đạo đức tốt đẹp đó.

Trên thực tế, khảo sát học sinh trung học và sinh viên đại học tại một số trường trong nước, cụ thể là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là hai thành phố lớn của cả nước, kết quả khảo sát cho thấy, trong số không ít các em học sinh, sinh viên đã không mấy đồng tình về cách sống và sự giáo dục con cái của cha mẹ mình, cụ thể cha mẹ thiếu đi tính mô phạm của người gia trưởng, thiếu yếu tố tâm lý để dạy con, mà là dạy con theo quan niệm áp đặt, áp đặt con em theo quan điểm cổ hủ của mình, thiếu đi yếu tố tâm lý khi truyền đạt kinh nghiệm vào đời cho con (còn tiếp). ■

Bài học rút từ khoảng đời tu tập của **Thái tử Sĩ Đạt Ta**

BS. Nguyễn Tới Thiện

Xuyên qua quãng đời từ lúc sanh đến khi thành đạo, chúng ta đúc kết được rất nhiều bài học.

I- Trước hết là công trình thực hiện Bồ Tát Hạnh của Ngài cho thấy muốn đạt thành chánh quả phải có ba điều kiện:

- Hạnh nguyện giải thoát để tự giác, giác tha.
- Quyết tâm thực hiện chí nguyện này.
- Tròn đủ ba la mật.

a. Trên con đường thực hiện hạnh nguyện này, Ngài không bằng lòng với bất cứ những thành quả nào mà không đem lại sự giải thoát, vậy thì giải thoát mang ý nghĩa nào và giải thoát cái gì :

- Giải thoát khỏi những ràng buộc chấp thủ (tham)
- Giải thoát khỏi những đau khổ sâu não (sân)
- Giải thoát khỏi những quan kiến sai lầm (si)
- Giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Hai vị thầy đầu tiên bằng lòng với sự chứng đắc của mình: Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, là hai bậc thiền cao nhất nhì thời bấy giờ, không còn ai chứng đắc cao hơn. Nhưng với kinh nghiệm tu tập nhiều đời nhiều kiếp và với trí tuệ siêu việt Ngài hiểu biết rằng đây chưa phải là mục tiêu cuối cùng.

b- Sự quyết tâm thực hiện chí nguyện tự giác, giác tha, cho ta thấy được những đức hạnh của một vị Bồ Tát. Những đức hạnh này trong Phật giáo Bắc tông có 6 là lục độ: Bố thí, Trì giới, Tham thiền, Tinh tấn, Nhẫn nại và Trí tuệ. Trong Phật giáo Nam tông có thập độ: Bố thí, Trì giới, Từ bỏ, Tinh tấn, Nhẫn nại, Trí tuệ, Chân chánh, Quyết định, Từ bi, An xả.

Nhờ những đức hạnh này mà Bồ Tát đeo đuổi đến cùng chí nguyện cao cả của mình.

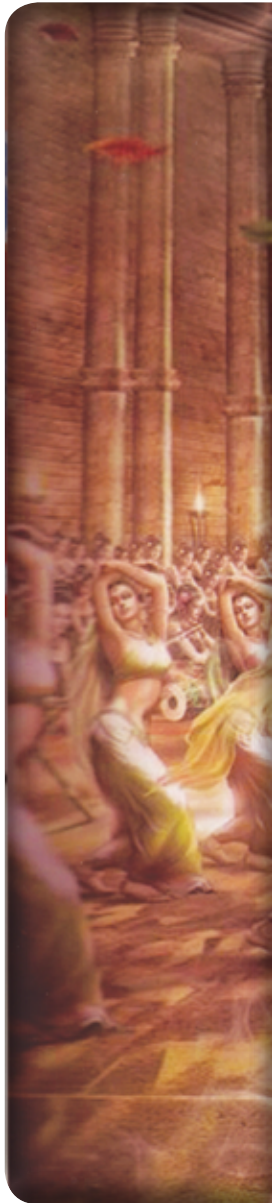
Đối với người bình thường như chúng ta, mình

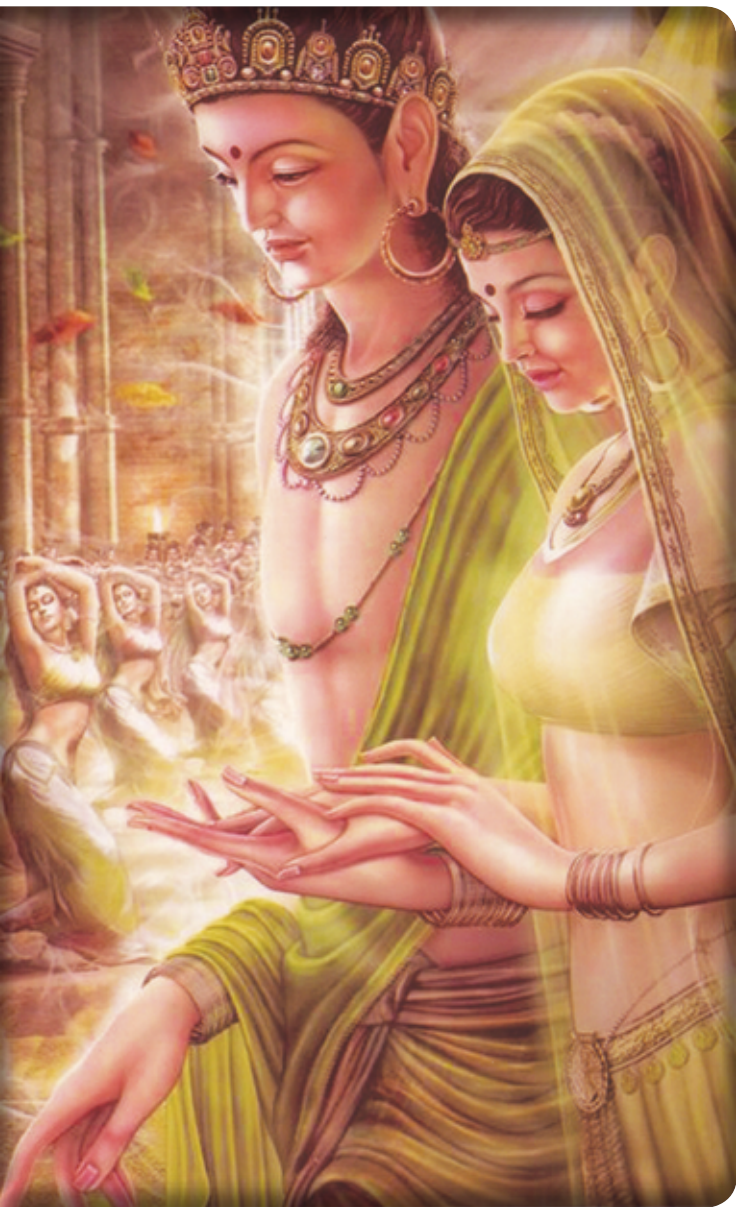
cũng phải tự hỏi tu là thế nào? Tu là sự dẫn thân trên con đường thực hiện một hạnh nguyện nào đó. Đối với một tu sĩ chúng ta chỉ cần hỏi chí nguyện của vị đó là gì và cách thực hiện chí nguyện đó như thế nào là chúng ta có thể hiểu đó là 1 bậc chân tu hay 1 kẻ giả tu. Thật ra, không có đến 84.000 pháp tu đâu. Người ta thường viện dẫn con số trên chỉ để nguy biện thôi. Bồ Tát chỉ cần thực hiện 6 hay 10 pháp trên là đủ để thành Phật rồi.

c. Thế nào là tròn đủ Ba la Mật? Ba la Mật tiếng Pāli gọi là Parami có nghĩa là sức mạnh của một con tâm trong sạch, có thể đưa con người đến chỗ giác ngộ. Một khi tâm ta không bị chi phối bởi Tham, Sân, Si nó sẽ tích tụ một năng lực, đến một lúc nào đó năng lực này sẽ bùng nổ làm cho dòng tâm thức chuyển tánh từ phàm sang thánh.

II. Bài học thứ nhì là Thiền Chi Tịnh thuộc Vô Sắc giới không đưa đến giải thoát.

Như ta đã thấy thái tử Sĩ Đạt Ta đã theo học với hai vị thầy Kalama và Ramaputta, đã chứng đắc mức tột đỉnh của thiền chi tịnh là Phi Tướng Phi Phi Tướng. Đã được hai vị thầy mời ở lại để cùng dạy dỗ tín đồ, vị thứ hai muốn nhường luôn cả ngôi vị trưởng môn, nhưng thái tử đã từ chối vì hiểu rằng môn thiền này không đưa đến giải thoát. Sau này khi dạy dỗ chư tăng và tín đồ, Phật đã đưa ra phương pháp do chính Ngài khám phá ra và vào thời buổi đó chưa ai biết đến môn thiền này. Đó là thiền Tứ Niệm Xứ hay còn gọi là Thiền Minh Sát,





Thái tử Sĩ Đạt Ta thành hôn với công chúa Da Du Đà La

thiền Tuệ Quán.

III- Bài học thứ ba là Sự khổ hạnh không đưa đến giải thoát mà chỉ có con đường trung đạo mới đưa đến sự giải thoát.

Đức Bồ Tát đã mất 5 năm trời theo đuổi con đường khổ hạnh, ép xác vì lúc bấy giờ phương pháp này rất thịnh hành ở Ấn Độ. Người ta nghĩ rằng khi hành hạ thân xác thì phần tâm thần sẽ phát tiết ra tinh anh và đưa đến sự giải thoát. Đức Bồ Tát đã suýt chết nhiều lần vì phương pháp này mà vẫn không thấy tiến bộ một tí nào về phương diện tâm linh và sau cùng Ngài phải từ bỏ nó.

Với kinh nghiệm bản thân Ngài đưa ra Con Đường

Trung đạo, chủ trương rằng không coi thường thân thể này, nuôi dưỡng nó vừa đủ để không làm hại đến tinh thần. Ngược lại, không cung phụng lợi dưỡng nó để làm trì trệ, mờ tối tâm linh. Phải có sự quân bình giữa thân và tâm. Không như chủ trương của các nhà Duy Vật thời bấy giờ (như phái Lokayata, Thuận thể luận) "Hãy sống hạnh phúc, bao lâu ta còn sống, cứ ăn uống thoả thích, cho dù ta có vợ nợ. Mọi sinh hoạt tâm linh chỉ là kết quả của những tác động hổ tương giữa tứ đại, không có linh hồn, không có thượng đế, thiện nghiệp và ác nghiệp không đưa lại quả báo về sau. Một khi thân xác được thiêu rụi trên dàn hoả, kẻ ấy không còn tái sinh nữa".

Cho nên, đối với Đức Phật không phải sự lợi dưỡng, cũng không phải sự hành xác, mà chỉ có con đường trung đạo mới đưa tới giải thoát.

IV- Đức Phật chứng đắc như thế nào?

Thật không dám nghĩ bàn tới sự chứng đắc của Đức Phật, chúng ta không đủ trình độ tâm linh lẫn tri thức để nói tới sự kiện này, nhưng chúng ta chỉ ghi nhận những gì Phật kể lại trong bài kinh Đại Saccaka, Trung bộ kinh 36.

Trong canh một (tức là từ 21 giờ đến 24 giờ) của đêm thành đạo, Ngài ngồi thiền gom tâm vào hơi thở vào, hơi thở ra và lần lược chứng đắc sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

Có sách nói rằng sau đó Ngài đắc lần lược thêm 4 loại thiền Vô Sắc Giới và thiền Diệt Thọ Tướng Định. Nhưng trong bài kinh trên không thấy nói đến. Chúng ta nên tin theo lời tự thuật của Đức Phật, vì không lẽ Đức Phật đã từ bỏ 2 vị thầy Kalama và Ramaputta vì lỗi thiền vô sắc giới mà Ngài nhận hiểu là vô ích, bây giờ Ngài lại đem ra áp dụng và lại chứng đắc. Ta thấy không ổn, không hợp lý.

Sau khi đắc tứ thiền, thân tâm Ngài ở trong trạng thái xả niệm thanh tịnh, có Xả và Định làm thiền chi, Ngài dùng chú niệm giác tỉnh để bước qua thiền quán, sau đó không biết Ngài ở trong trạng thái này bao lâu, nhưng khi Ngài hướng tâm hồi nhớ những kiếp sống quá khứ thì Ngài nhớ lại hơn hăng trăm ngàn kiếp quá khứ: đó là Túc Mạng Minh. Tới canh hai Ngài chứng đắc Thiên Nhãn Minh, sang canh ba Ngài chứng đắc Lậu Tận Minh, là năng lực trí tuệ thiêu đốt sạch sẽ mọi phiền não lậu hoặc đã tích trữ trong bao nhiêu kiếp luân hồi. Trong khi chứng đắc Ngài thấy rõ sự thật đúng như nó là như vậy: "Đây là khổ. Đây là nguyên nhân sanh đau khổ. Đây là sự chấm dứt đau khổ. Đây là con đường dẫn đến sự chấm dứt đau khổ". Đó là Tứ Diệu Đế.

Phải chăng điều kiện cần và đủ để chứng đắc

quả vị Phật là thấy rõ “Tứ Diệu Đế” và “Con đường Tám nhánh”.

Trong Tạng Kinh mô tả sự chứng đắc quả vị Thánh văn giác đều phải trải qua sự thấu rõ Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo.

V- Thế nào là quả vị Toàn Giác, Chánh Đẳng Giác, Chánh Biến Tri?

- Bậc Toàn Giác là bậc có 3 Ân đức:

1- Tịnh đức: là ân đức trong sạch hoàn toàn của Thân, Khẩu, Ý.

2- Bi đức: là ân đức bi mẫn, thương xót mọi người, mọi loài, không phân biệt người thân hay kẻ thù.

3- Tuệ đức: là trí tuệ xuyên thấu thời gian và không gian.

- Bậc Toàn giác là bậc có 8 cái Minh:

1 - Túc mạng minh: là tuệ giác nhớ được cách thức tái sinh và chi tiết của nhiều kiếp sống quá khứ.

2 - Thần thông minh: là trí tuệ biết các pháp thần thông, biến hoá.

3 - Thiên nhãn minh: là tuệ giác nhìn thấy tất cả chúng sanh trong tam giới.

4 - Thiên nhĩ minh: nghe được âm thanh, tiếng nói xa hoặc gần của Người, Trời hoặc Thú.

5 - Tha tâm minh: biết rõ tư tưởng, tâm hành của kẻ khác.

6 - Lậu tận minh: là trí tuệ thấu rõ và diệt tận tất cả phiền não lậu hoặc.

7 - Hóa tâm minh: biết rõ căn duyên cao thấp của mỗi chúng sanh để hoá độ.

8 - Minh sát minh: trí tuệ biết rõ chân tướng và nhân duyên của sự vật.

* Kết luận

Chúng ta có thể dùng cuộc đời Đức Phật như một bản đồ, một kim chỉ nam, những gì tìm được trong kinh sách mà không phù hợp với cuộc đời Đức Phật, hoặc không thể đặt được trong bối cảnh không gian, thời gian của thời ấy, chúng ta có thể nghi ngờ do ngoại đạo thêm thắt vào với một dụng ý nào đó hoặc do người đời sau đặt điều dựng đứng câu chuyện vì ngã mạn để làm tăng phần quan trọng của lời nói mình. Có tìm hiểu cuộc đời Đức Phật, chúng ta mới cảm thấy thương kính vô cùng một con người như tất cả chúng ta, đã sinh ra dưới một cội cây, đã tự lực giác ngộ dưới một cội cây và viên tịch dưới bóng một cội cây khác. Ngài không màng đến chùa cao, đền rộng. Bốn mươi lăm năm hoằng pháp là bốn mươi lăm năm nhiệt thành tích

cực để cứu độ, dẫn dắt chúng sinh ra khỏi vòng đau khổ luân hồi. Đêm chỉ nghỉ 4 tiếng, ngày không ngừng châu du thuyết giảng, đến giờ phút cuối mặc dù hơi tàn, sức kiệt, vẫn cố gắng cứu độ người đạo sĩ xa lạ cuối cùng. Thật là một tấm gương hy sinh đầy cảm động. ■

Tư liệu tham khảo:

- 1- Đức Phật và Phật Pháp, Nàrada Maha Thera, Phạm Kim Khánh, Phúc Tuệ Tịnh Môn, 1971
- 2- Hành hương xứ Phật, Phạm Kim Khánh.
- 3- Dẫn lối về nguồn, Trà Giang Tứ, NXB Tôn giáo, 2000
- 4- Trên đường hoằng pháp của Phật Tổ Gotama, Trùng Quang, Phật Bảo Tự, 1997
- 5- Sự tích Đức Phật Thích Ca, Trần Hữu Danh, NXB Tổng Hợp TP HCM, 2007
- 6- Đức Phật và 45 năm Hoằng Pháp Độ Sinh, TK. Chánh Minh, NXB Tôn giáo năm 2009
- 7- Lịch Sử Đức Phật Tổ Cổ Đàm, Maha Thong Kham Medhi Vong, THPG TP. HCM, 1996
- 8- Le Bouddha historique, Hans Wolfgang Schumann, Sully, 1999
- 9- Recherches sur la biographie du Buddha, André Bareau, Presse de l'EFEQ, 1995
- 10- En suivant Bouddha, André Bareau, Philippe Lebaud, 2000
- 11- Histoire du Bouddhisme Indien, Etienne LAMOTTE, Institut Orientaliste Louvain-la-Neuve? 1976
- 12- Đại Kinh Saccaka, Mahāsaccaka sutta, Trung Bộ Kinh 36.



Thái tử từ giả vợ đẹp con thơ để ra đi tìm đường giác ngộ



Phật giáo Tích Lan

Duy Nhất (dịch)

Tích Lan (Sri Lanka) là một xứ sở Phật giáo lâu đời nhất, Phật giáo Theravada là một tôn giáo lớn tại đảo quốc này từ thế kỷ thứ II trong triều đại vua Devanampiya Tissa đã được vị tu sĩ Mahinda, con trai của vua Ashoka, bên Ấn Độ sang truyền giáo. Sau đó, Ni Sư Sanghamitta, con gái của vua Asoka, được biết rằng đã mang một nhánh cây Bồ Đề trích từ cây Bồ Đề nguyên thủy tại Bồ Đề Đạo Tràng và đã được trồng tại Anuradhapura. Bắt đầu từ đó cho đến ngày hôm nay, Phật giáo tại Tích Lan đã từng và vẫn còn một lòng kính trọng cây Bồ Đề mà ở dưới bóng cây đó Đức Phật đã Giác Ngộ.

Những vị tu sĩ Tích Lan đã đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá đạo pháp cho cả hai tông phái Nguyên Thủy và Đại Thừa khắp suốt Đông Nam Châu Á. Tại Tích Lan, vào thế kỷ thứ I trước

CN trong triều đại của vua Vatta Gamini thì những Tăng sĩ Phật giáo nhóm họp tại Aloka Vihara và Tam Tạng được viết ra, ba tạng của giáo lý, được viết bằng tiếng Pali cho lần đầu tiên. Những vị ni người Tích Lan đã mở đầu Tăng đoàn của ni vào Trung Hoa năm 433 AD. Vào thế kỷ thứ XVI người Bồ Đào Nha xâm chiếm nước Tích Lan và tàn ác ngược đãi Phật giáo như những người Hòa Lan tiếp theo sau đó.

Vào đầu thế kỷ thứ XIX khi người Anh khổng chế được vùng này thì Phật giáo đã suy sụp trầm trọng, tình thế đó đã khuyến khích các hội truyền giáo người Anh tràn ngập hải đảo này. Nhưng ngược lại với tất cả những dự đoán, cộng đồng tu sĩ và dân chúng đã mang đến những cải tổ quan trọng từ năm 1860 trở đi, một phong trào đã phát khởi song

song với sự tăng gia của chủ nghĩa dân tộc.

Từ đó, Phật giáo đã hưng thịnh và những Tăng Sĩ Tích Lan cùng với những cư sĩ Tích Lan tha phương đã lổi lạc trong việc truyền bá Phật giáo Nguyên Thủy tại châu Á, phương Tây và ngay cả vùng châu Phi.

Một số công trình kiến trúc kỳ diệu của Phật giáo thế giới thuộc về xứ Tích Lan, và nghệ thuật điêu khắc của nơi này liên hệ mật thiết với nghệ thuật cổ xưa của thung lũng Krishna và thời đại kế tiếp của Pallava và vua Chola, do bởi mối quan hệ mật thiết đó là sự tồn tại giữa miền Nam Ấn Độ và Tích Lan

Dựa theo sách lịch sử của Tích Lan, Ngài Mahavamsa, một người con trai của vua Ashoka, tức là Đại Đức Mahinda, đã giám sát công trình xây cất tu viện gần Anuradhapura. Đồng thời, Ngài đã cho người về Ấn Độ để thỉnh xá lợi. Điều này, sử học nói rằng, bao gồm bát khất thực của Đức Phật và xương đòn bên phải của Đức Phật. Sau đó, thì xá lợi tóc, và trong thế kỷ thứ IV trước Công Nguyên, xá lợi răng của Đức Phật được thỉnh đến Tích Lan.

Tại Kandy vào thế kỷ thứ XVI, Xá lợi răng được thờ tại đây nơi mà hàng ngày có nghi lễ tôn kính xá lợi răng của Đức Phật tại chùa của Xá Lợi Răng..

Một ngôi tháp đã được xây lên để thờ cúng xá lợi. Cao 300 feet, tên là Ruwanwelisaya hay còn gọi là, "Ngôi Tháp Vĩ Đại - Great Stupa" là một ngôi tháp quan trọng được kính trọng nhất tại Anuradhapura trung tâm miền bắc của nước Tích Lan: đã được sửa chữa lại, với một mái vòm vĩ đại, bao quanh cột trụ cũ thì vẫn được nhìn thấy bây giờ tại công viên vĩ đại của Anuradhapura. Trong những lần lễ hội lớn thì rất đông người tham dự có đến hàng ngàn người mộ đạo trong từng nhóm gia đình, họ cảm trại rất vui vẻ chung quanh thánh tích này và những nghi lễ dâng cúng tại cây Bồ Đề. Có một công trình kiến trúc quan trọng khác gần Mihintale, nơi thời vị Tăng Sĩ đầu tiên Mahinda của vua Devanampiya Tissa. Thánh tích cũ thì ở thủ đô Polonnaruwa (vào thế kỷ thứ IX trước Công Nguyên trở đi), cho thấy ảnh hưởng tế lễ của đạo Hindu và Phật giáo Đại thừa chưa được sâu rộng.■



Những tượng Phật được khắc trực tiếp trên vách núi

Quá trình phục hoạt Giáo đoàn Tỳ kheo Ni ở Tích Lan(*)

Hema Goonatilake
Việt dịch: Trần Như Mai

Vài hàng về tác giả: Hema Goonatilake đã nhận học vị Tiến sĩ tại khoa Á Phi Học thuộc viện Đại học Luân Đôn năm 1974. Bà là giáo sư tại Đại học Kelaniya của Sri Lanka cho đến năm 1989. Sau đó, bà phục vụ như một chuyên gia về phát triển và giới tính cho tổ chức UNDP và UNIFEM ở New York và UNDP ở Cam Bốt, và là một cố vấn của viện Phật học Cam Bốt. Bà là sáng lập viên của hội Tiếng Nói Phụ Nữ, một hội bảo vệ nữ quyền đầu tiên của Tích Lan, và là đồng sáng lập viên của Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ ở Tích Lan.

Tượng Di mẫu Gotami vị Thánh Ni đầu tiên trong Phật giáo

Bài tham luận này ghi lại từ đầu quá trình phản đối và đấu tranh để cuối cùng việc thọ đại giới Tỳ kheo ni đã được phục hoạt ở Tích Lan vào năm 1998 sau gần một ngàn năm. Bài này cũng mô tả những động lực thúc đẩy Ni đoàn dần dần được quần chúng ở Tích Lan chấp nhận đến nỗi là ở một vài vùng nông thôn, Tỳ kheo ni còn được ưa chuộng hơn chư tăng. Bài này cũng mô tả những bước đầu tiên đưa đến việc thọ đại giới với cấp bậc cao hơn trong tông phái Nguyên Thủy ở các quốc gia khác. Bước mở đầu và phục hoạt Giáo đoàn Tỳ kheo ni ở Tích Lan.

Vào năm 250 trước công nguyên, Hoàng tử Mahinda, con trai vua A Dục mở đầu việc thiết lập tăng đoàn ở Tích Lan, và chỉ sáu tháng sau em gái Hoàng tử Mahinda là công chúa Sanghamittarama đã đến Tích Lan với một nhánh cây bồ đề để khai trương ni đoàn ở đây. Ni đoàn đã phát triển cho đến năm 1017 sau Công nguyên, rồi ni đoàn bị tan rã sau cuộc xâm lăng Chola. Tăng đoàn được phục hoạt hai lần, nhưng ni đoàn thì không. Trong lúc không có ni đoàn thì một phong trào tu nữ thọ

mười giới được hình thành. Một thiếu nữ Tích Lan sinh trưởng trong một gia đình Thiên chúa giáo giàu có tên là Catherine de Alwis đã quyết tâm theo Phật giáo, và vì cô không được thọ giới sư nữ, nên cô đã lên đường đi Miến Điện năm 1894. Sau ba năm huấn luyện, cô trở thành tu nữ mười giới, để phân biệt với tỳ kheo ni thọ 311 giới. Cô trở về Tích Lan năm 1905 và thành lập Ni chúng Sudharmadhara Samiti ở Kandy để cổ động cho phong trào tu nữ mười giới. Một ngôi chùa của tu nữ được thành lập năm 1907. Việc này đánh dấu bước khởi đầu của phong trào sư nữ ở Tích Lan. Việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni ở Tích Lan đã là một đề tài tranh luận hơn một trăm năm. Tu nữ Dharmapala, một nhà lãnh đạo Phật giáo có ảnh hưởng ở Tích Lan, đã cổ động việc phục hoạt Ni đoàn vào năm 1891. Từ những năm 1930 trở đi, đề tài này đã được tranh luận trên báo chí và giữa các nhà sư và các học giả. Nhiều tu nữ đã tham gia cuộc tranh luận. Gần đây hơn, vào năm 1980, ba vị dân biểu Quốc hội (tất cả đều là phái nam) đề nghị việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni như là một trong những đề án được đệ trình Quốc hội để ủng hộ Phật giáo. Việc này đã tạo ra một sự phản đối

ồn ào giữa tăng chúng và cư sĩ và cuối cùng dự luật đã bị bãi bỏ. Mặc dù vậy, chính quyền đã đáp ứng nhu cầu của các tu nữ bằng nhiều cách. Vào năm 1983, Ủy ban Phật giáo thuộc bộ Văn hóa đã khởi đầu một chương trình ở các cơ sở tăng chúng cấp quận nhằm cung cấp những phương tiện giáo dục cho các tu-nữ-mười-giới để chuẩn bị cho họ dự những kỳ thi Phật học, một phương tiện mà trước đây chỉ có tăng chúng được hưởng. Đến năm 1995, có 15 tổ chức điều hành các lớp học dành cho tu nữ. Các tu nữ được cấp thẻ căn cước như là bước đầu đi đến việc công nhận họ. Các tổ chức tu nữ được thành lập ở cấp quận và một liên đoàn được tạo ra để liên kết các tổ chức ấy lại với nhau. Ủy ban điều hành của liên đoàn này bắt đầu họp mặt hằng tháng ở Colombo để thảo luận và quyết định về những sinh hoạt ở cấp quận. Các tu nữ đã đạt được những tiến bộ chậm chạp nhưng vững chắc để cải thiện tình trạng của họ. Nhiều tu nữ đã chụp lấy cơ hội này để thành lập mạng lưới liên kết và tự tổ chức lại với nhau. Họ đã gia tăng lòng tự tin và tự trọng nhờ nhận được sự bảo trợ của chính quyền. Sự bất mãn mạnh mẽ đối với việc thống trị của tăng chúng đã khuyến khích những tu nữ trẻ tự trang bị cho họ bằng học vấn cao hơn và kỷ luật cùng sức mạnh lớn hơn. Việc tu nữ bị gạt ra ngoài lề các cấp bậc trong Giáo hội đã khiến những vị tu nữ ấy mạnh dạn hơn và cho họ tinh thần can đảm để thách thức tăng chúng. Những lập luận ủng hộ và chống đối việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni.

Ở Tích Lan ngày nay, có cả những người chống đối lẫn những người ủng hộ việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni. Những người chống đối lập luận rằng dòng truyền thừa Tỳ kheo ni đã đứt đoạn và Ni đoàn đã không còn tồn tại ở bất cứ quốc gia nào theo Phật giáo Nguyên thủy. Tích Lan là nước duy nhất đã từng có giáo đoàn Tỳ kheo ni, và giáo đoàn này chưa bao giờ được thiết lập ở Thái Lan, Miến Điện, Campuchia hay Lào. Truyền thống Nguyên thủy vẫn duy trì luật lệ là phụ nữ trước tiên phải được Ni đoàn truyền giới, và việc truyền giới này sau đó phải được tăng đoàn xác nhận. Ngày nay giáo đoàn Tỳ kheo ni chỉ tồn tại trong các nước và khu vực theo truyền thống đại thừa như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, và Việt Nam. Những người chống đối lập luận rằng, nếu giáo đoàn Tỳ kheo ni do một nước theo truyền thống đại thừa công nhận, thì đó là thuộc tông phái đại thừa, chứ không phải thuộc truyền thống Nguyên thủy. Họ còn tranh luận thêm rằng, thậm chí người ta có thể đạt đến Niết bàn mà không cần phải trở thành Tỳ kheo ni.



Nữ tu của các hệ phái Phật giáo Thế giới

Những người ủng hộ việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni lập luận rằng, nếu không có ni đoàn thì sẽ thiếu sót một thành viên quan trọng của Tứ chúng Tăng già gồm có tăng, ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ. Thiết lập lại ni đoàn sẽ phù hợp với nguyên tắc bình đẳng mà Đức Phật đã ban cho phụ nữ. Nếu giáo đoàn Tỳ kheo ni được tái lập, thì huấn thị đặc biệt của Đức Phật đòi hỏi chư tăng phải tham dự việc truyền đại giới cho chư ni có thể được thực hiện. Những người ủng hộ lập luận rằng chư ni người Trung Quốc đã được các Tỳ kheo ni người Tích Lan truyền đại giới vào năm 433 trước Công nguyên ở Nam Kinh và vì vậy, bây giờ họ có thể truyền đại giới cho ni chúng Tích Lan.

Những người cổ xúy cho việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni lưu ý mọi người đến việc phục hoạt tăng đoàn trong những thế kỷ trước. Trước đây, khi tăng đoàn bị thất truyền ở Tích Lan, sau đó tăng đoàn được phục hoạt ở Miến Điện vào thế kỷ thứ XI, và được phục hoạt ở Thái Lan vào thế kỷ thứ XVIII. Dựa trên những tấm gương này, nếu áp dụng cùng một điều lệ, thì giáo đoàn Tỳ kheo ni đang hiện hữu ở Trung Quốc có thể được mời để phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni ở Tích Lan. Cũng chính việc truyền thừa đại giới này do các Tỳ kheo ni Tích Lan đưa vào Trung Quốc rồi sau đó được truyền vào Hàn Quốc, Đài Loan và Việt Nam. Người ta nói rằng những người chống đối việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni bao gồm cả những vị pháp chủ của ba giáo hội thuộc tăng đoàn và những vị cao tăng của Tích Lan. Tuy nhiên, chỉ có một vài vị tăng thỉnh thoảng đưa ra thông báo cho quần chúng nói rằng yêu cầu phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni không thể được chấp thuận trong truyền thống Giới luật Nguyên Thủy. Lập luận của họ dựa trên việc khẳng định rằng Tỳ kheo ni Trung Quốc tu tập theo giới luật đại thừa vì vậy, họ chỉ có thể truyền đại giới thuộc truyền

thống đại thừa mà thôi. Vượt qua nỗi sợ hãi truyền thống đại thừa. Một cách giúp các vị sư vượt qua nỗi lo âu về truyền thống Đại thừa là chứng minh sự giống nhau trong giới luật giữa truyền thống Nguyên thủy và Đại thừa. Một cuộc nghiên cứu so sánh Giới luật Tỳ kheo ni Nguyên thủy và Giới luật Tỳ kheo ni thuộc Pháp Tạng Bộ hiện đang được Tỳ kheo ni Trung Quốc áp dụng, cho thấy rằng các điều luật căn bản là giống nhau và giới luật Tỳ kheo ni Pháp Tạng Bộ thật ra là một chi bộ của truyền thống Nguyên thủy. Điểm khác biệt duy nhất là giới luật Tỳ kheo ni Pháp Tạng Bộ có thêm 25 giới. Những lo âu mà các vị sư Tích Lan đã biểu lộ liên quan đến truyền thống đại thừa cho thấy rằng có nhu cầu cần nghiên cứu thêm về ni chúng Đại thừa đương đại.

Vào tháng 8 năm 1984, tôi đã đi du hành đến Trung Quốc, Đài Loan, Nam Hàn, Nhật Bản, Hồng Kông để có kinh nghiệm trực tiếp về phong trào ni giới hiện đại. Trong chuyến đi này, tôi đã kết hợp các bài giảng với việc quan sát của một người tham dự trực tiếp trong vai trò một ni cô tập sự trong những ni viện ở Hoa Lục, Đài Loan và Hàn Quốc. Ở Đài Loan, tôi thấy rằng các tỳ kheo ni được tổ chức rất tốt và rất được quần chúng ủng hộ. Tại tu viện Phật Quang Sơn nơi tôi cư ngụ trong thời gian ở Đài Loan, tôi đã viết một thư kêu gọi gửi đến các trung tâm điều hành của Phật Quang Sơn để xin họ tổ chức một buổi lễ phục hoạt việc thọ đại giới

cho ni chúng Tích Lan. Trở ngại duy nhất là chính quyền Tích Lan không có quan hệ ngoại giao với Đài Loan. Vì lý do này, sự bảo trợ của chính quyền Tích Lan là điều khó có thể xảy ra. Tình hình tại Hoa Lục vào năm 1984 lại hoàn toàn khác hẳn. Ở Hoa Lục, các chùa chiền và ni viện Phật giáo đang được phục hoạt với những khoản tài trợ của chính phủ sau thời gian bị gián đoạn trước đây. Việc xuất bản kinh sách Phật giáo được tiếp tục trở lại và các trường đào tạo tăng ni được tái thiết lập. Tôi là người khách ngoại quốc đầu tiên được vào cư ngụ tại các ni viện ở Bắc kinh, Nam kinh và Thượng Hải, những nơi này đã được mở cửa hoạt động sau cuộc Cách mạng Văn hóa. Tôi đã gặp một vài vị tỳ kheo ni cao niên, họ vẫn tiếp tục tu tập giới luật ngay cả sau khi họ bị trục xuất về miền quê. Trong lúc thảo luận với Hội Phật giáo Trung Quốc, tôi đã nêu vấn đề có khả năng các Tỳ kheo ni ở Hoa Lục sẽ truyền đại giới cho ni chúng Tích Lan. Mặc dù việc này có thể được chính quyền ủng hộ, người dân Hoa Lục vẫn chưa được tổ chức hoàn chỉnh để có thể dàn dựng một sự kiện như vậy. Vào lúc kết thúc chuyến du hành, tôi đã nộp một đề nghị đến Ban Phật giáo thuộc Bộ Văn hóa Tích Lan mô tả việc truyền thừa không bị gián đoạn của giáo đoàn Tỳ kheo ni Trung Quốc và việc họ đã tuân thủ nghiêm mật giới luật Tỳ kheo ni, cả ở Trung Quốc lẫn Đài Loan, và cổ động tái lập việc thọ đại giới ở Tích Lan với sự hỗ trợ từ truyền thống Trung Quốc. Tôi đã phiên dịch cuốn Tiểu sử Ni giới Phật giáo sang tiếng Tích Lan (Sinhalese), cuốn sách này được viết ở Trung Quốc vào thế kỷ thứ VI sau Công nguyên. Cuốn sách này mô tả những Tỳ kheo ni người Tích Lan đến Trung Quốc để thiết lập đại giới, những vị này đã thực hiện hai cuộc hải trình đến vùng đất mà ngày nay là Nam Kinh vào những năm 428 và 433 sau Công nguyên. Việc phiên dịch cuốn sách này, trong đó mô tả việc giữ gìn giới luật rất nghiêm mật của ni giới Trung Quốc cổ đại, đã đánh tan những quan niệm sai lầm về giới luật Tỳ kheo ni Trung Quốc trước đây do các tu nữ mười giới ở Tích Lan áp dụng, cùng với những tín đồ và chư tăng. Sau đó, vào năm 1985, Bộ trưởng Văn hoá và Tôn giáo Tích Lan đã dẫn một phái đoàn đến Hoa Lục để tìm hiểu khả năng phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni ở Tích Lan. Sau khi ông Bộ trưởng trở về, tôi được yêu cầu soạn thảo một bản ghi nhớ viết lại tất cả những luận điểm ủng hộ việc phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni với sự hỗ trợ từ Trung Quốc. Thật không may là một số tổ chức Phật giáo đã thông qua nghị quyết chống lại cuộc vận động phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni và vì vậy, cuộc vận động của ông Bộ trưởng đã bị dẹp bỏ. Phong trào phục hoạt giáo đoàn Tỳ kheo ni đạt đến cao điểm (còn tiếp). ■

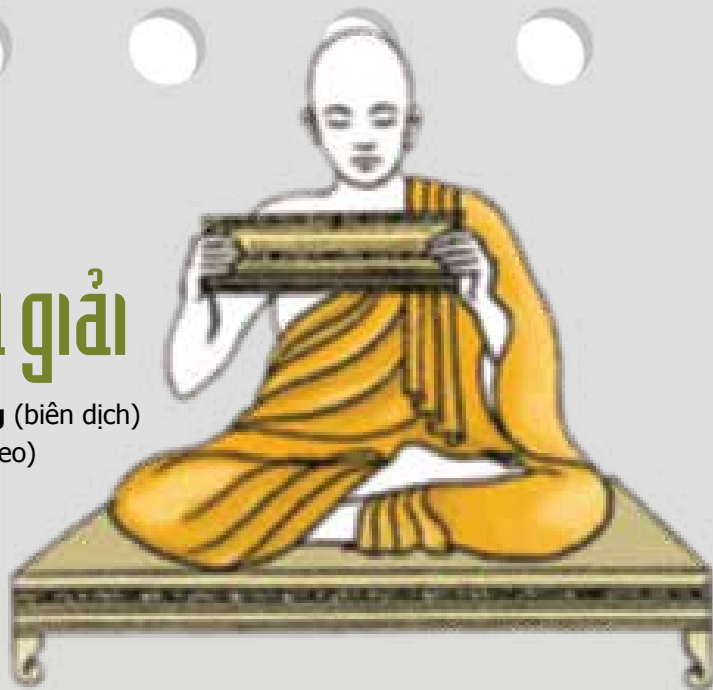


Lễ truyền thọ giới Tỳ kheo ni tại tu viện Aranya Bodhi, Bắc Mỹ

Phật Giáo

và Truyền thống Chú giải

Nguyễn Cửu Long (biên dịch)
(tiếp theo)



Có bằng chứng về những khác biệt nơi tư liệu chú giải vào lúc ban đầu. Chúng ta biết được từ những câu ghi khắc trên bia của nhà vua Asoka vào thế kỷ thứ III trước CN. Cho hay đã có một khác biệt ngôn ngữ trong cách xử lý các nhóm phụ âm. Ở phương Đông, các ngôn ngữ bản địa thường có khuynh hướng giải quyết các nhóm phụ âm bằng cách ghi chèn thêm một nguyên âm làm âm chêm (svābhakti). Ở phương Tây, những nhóm phụ âm như vậy được đơn giản hoá bằng cách đồng hóa (assimilation). Thành thạo chúng ta thấy rằng một từ được thấy trong Kinh Pāli cho thấy có sự khác biệt ở từng vùng, trong khi đó cách giải thích của từ lại được duy trì trong các tập chú giải cho thấy có một dạng từ cùng gốc từ một ngôn ngữ bản địa khác. Thí dụ như chúng ta thấy trong Pháp cú kinh (Dhammapada⁽¹⁾) đoạn văn này *vissam dhammam samādāya*, thường được dịch là “sau khi đã chấp nhận toàn bộ khoản luật”, thừa nhận rằng từ *vissa* xuất phát từ tiếng Phạn là *visva* có nghĩa là “tất cả”⁽²⁾. Tuy nhiên, tập chú giải lại giải thích điều này là “*vissa*” có nghĩa là chấp nhận chánh pháp là điều không trơn tru (*visama*) hay một *dhamma* có nghĩa là mùi lạ, liên quan đến những hoạt động thể lý⁽³⁾, v.v...” lại có một cách giải thích khác nữa, giải thích bằng “hay” (*vā*) cho thấy rằng vị chú giải lại không chắc chắn về ý nghĩa của từ, tuy nhiên truyền thống *aṭṭhakathā* Sinhale mà ngài đang theo đuổi đã duy trì một dạng ngôn ngữ bản địa khác.

Một phiên bản tiếng Phạn về đoạn kệ lại ghi *vesma-dharma*⁽⁴⁾ và cũng rất có thể phiên bản tiếng *Gāndhārī*⁽⁵⁾ cũng có ghi là *vesma*-. Chính vì thế ý nghĩa là “[cuộc sống] trong gia đình”⁽⁶⁾. Trong phiên bản tiếng Pāli *vissa* thay chỗ cho *vessa*, trong đó -ss- là kết quả của cách đồng hóa từ -śm->-ss-. Cách giải thích thứ nhất trong tập chú giải cho thấy có sự phát triển khác

nữa của một nguyên âm, âm chêm được chèn vào. Có nghĩa là *veśma* > **viśma* > **visma* > *visama*, mà vị chú giải coi đó như là từ tương đương của từ tiếng Phạn *viśama* có nghĩa là “không bằng phẳng”. Lại có một phiên bản tiếng Phạn khác của cùng một đoạn kệ thực sự đã coi *viśama*⁽⁷⁾ rõ ràng là một từ biểu lộ rõ là từ gốc của một từ dài hơn xuất xứ cùng một truyền thống đã được duy trì trong cách giải thích ở tiếng Pāli từ *visama*. Chúng ta có thể đoán chừng đoạn kinh này đã được thốt lên ít nhất cũng hai lần, một ở vị trí mà nhóm phụ âm đã được đồng hóa, và một lần nữa ở nơi chúng đã được giải quyết. Chính vì thế những cách giải thích bằng nhiều ngôn ngữ bản địa khác nhau đã phải có trước khi Kinh Pāli được du nhập vào đảo quốc Sri Lanka, và các cách giải thích này còn chứng tỏ cho thấy cách khác biệt ngôn ngữ bản địa đã tồn tại từ một thời điểm rất sớm, rất có thể vào thời Đức Phật.

Những cách giải thích khác lại tùy thuộc vào các dạng phi Pāli, và phi Prakrit Sinhale cũng phải đã tồn tại sớm hơn việc du nhập kinh Pāli vào đảo quốc Sri Lanka. Thí dụ như việc giải thích từ *coḷa*⁽⁸⁾ “ràng buộc tội đĩnh” bằng từ *cora* có nghĩa là “kẻ trộm” lại phải tùy thuộc vào một nguồn tư liệu giống như tiếng *Māgadhi*, lại lẫn lộn (l) và r. Cũng giống như vậy *abhihāsana*⁽⁹⁾ “chiếu sáng” được giải thích là *tosana* “hân hoan vui vẻ”⁽¹⁰⁾ nhưng đây quả thực là cách giải thích từ *abhihāsana*⁽¹¹⁾, và chúng tỏ rằng cách giải thích phải đã được thực hiện nơi một ngôn ngữ bản địa, trong đó cả hai *abhihāna* và *abhihāsana* hình như là *abhihāsana*.

1. *Dhp* 266.

2. *Ta* cũng thấy trong tự điển PED, sv. *vissa*¹

3. *vissa* ti, *visama*, *vissa-gaṅgham*. *Va kāya-kammādikam dhammam samādāya*, *Dhp-a* I III, 393, 2-4.

4. *Udāna*-v 32, 18.

5. *GDhp* 67

6. *Brough*, 1962, tr. 266.

7. *Mvu*, III, 422, 13*

8. *Th* 170

9. *Th* 613

10. *abhihāsana* ti *tosana* *appaṭisāra-hetutāya cittassādhippamodanato*, *Tha* II 260, 2-3

11. *abhihāsana* < **abhihāsana* < *abhihārṣaṇa*.

Cuốn tự điển Critical Pāli Dictionary⁽¹²⁾ ám chỉ đến các dạng danh cách số ít với –e trong hai đoạn chú giải⁽¹³⁾ và tuyên bố rằng các từ xuất phát từ (sīhala>atthakathā bởi lẽ tiếng Sinhale nguyên thủy, giống như tiếng Magadhī, chính là một –e ngôn ngữ bản địa. Hai đoạn này hình như giống nhau hoàn toàn, và hình như không giống vậy. Từ toàn bộ cả trăm dạng từ Prakrit Sinhale đã thấy trong các tập chú giải tiếng Sinhale, ngài Trưởng lão Buddhaghosa không những chỉ quên “dịch” sang tiếng Pāli lần đầu tiên ngài đưa ra cách giải thích, nhưng cũng nhắc lại sai lầm một lần thứ hai. Chính vì thế chúng ta có thể suy ra rằng Ngài Trưởng lão Buddhaghosa đã cố ý trích đoạn với dạng –e (gán cho Atthakathā một lần thứ hai). Rất có thể vì đoạn này được dành cho một quyền lực mạnh đến như vậy trong tập chú giải Sinhale đến nỗi ngài Buddhaghosa buộc phải trích đoạn nguyên văn. Chúng ta nên lưu ý rằng có vài điều rất giống như đoạn này đã xuất hiện trong Kathāvatthu⁽¹⁴⁾ và có bằng chứng⁽¹⁵⁾ để tin rằng đây chính là một đoạn văn bình thường xuất hiện trong truyền thống Phật giáo cổ xưa tại vương quốc Magadha. Chính vì thế kết luận rằng các dạng này không phải là tàn dư của Sīhala-atthakathā đâu.

Childers lại có ý kiến cho rằng⁽¹⁶⁾ các tập chú giải Malinda đem sang Sri Lanka đều viết bằng tiếng Pāli. Nếu Childers có lý, chúng ta có thể thừa nhận đã có một sự tiến bộ từ tiếng Pāli sang tiếng Prakrit Sinhale và rồi trở lại với tiếng Pāli. Trong khi điều này là không thể, lại khởi lên một câu hỏi tại sao

12. CPD, sv avitakka

13. *ese eke ekatthe same samabhāge tajiāge tañ ñve vā ti, Mp I 71m 13; ese eke ekatthe same sabhāge tajiāte tañ ñevā ti, II 273, 16-17*

14. *ese se ekatthe same samabhāge tajiāte ti, Kv 16, 2-21 và tiếp theo.*

15. Xin đọc Norman, 1979A, tr. 279-87 (tr. 281) (CP II tr. 59-70 [tr. 61]).

16. Childers 1875, tr. x.

tiếng Pāli của kinh điển lại quan trọng đến như vậy, trong khi đó tiếng Pāli nơi các tập chú giải lại có thể được dịch lại. Điều này cũng khởi lên một câu hỏi về nguyên thủy (bản chất) của tiếng Pāli. Nếu đây là một ngôn ngữ của Kinh Pāli thuộc ngôn ngữ Phật giáo Nguyên Thủy, thời không chắc vào thời nhà vua Asoka, khi Mahinda đến Sri Lanka, ngôn ngữ của Kinh Pāli đó đã phải là một thứ tiếng Prakrit phương Tây với một số lượng Phạn hóa nhất định được đưa vào ngôn ngữ đó. Tôi nghĩ rằng qui trình Phạn hóa đã diễn ra trễ hơn, rất có thể ngôn ngữ của phái Mahāyāna khởi lên. Hình như rất có thể các tập chú giải đã tượng trưng cho một khối tư liệu hỗn tạp, nơi rất nhiều ngôn ngữ bản địa khác nhau, và rất có thể bao gồm cả những bài bình luận về cách giải thích khác xa với Kinh Pāli đã thiết lập tại Sri Lanka.

Trong bài diễn thuyết thứ năm về Phật giáo và Chữ viết, tôi đã trích một đoạn trong Dīpavaṃsa khẳng định rằng trước triều đại của nhà vua Vattagāmini Abhaya, Tam Tạng (tipitaka) và tập chú giải (atthakathā) đã được giữ lại theo truyền khẩu, nhưng dưới triều đại ngài cai trị thời các Kinh này đã viết thành văn bản. Chúng ta có khuynh hướng tập trung chú ý đến thực tế chính là Tam Tạng (tipitaka) đã được viết thành bản văn, mà không nghĩ đến các tập chú giải, bởi lẽ đối với chúng ta, từ “Chú Giải” ám chỉ đến các tác phẩm được biên soạn, đặc biệt là do ngài Trưởng lão Buddhaghosa và Dhammapāla vào thế kỷ thứ V và thứ VI sau CN. Tuy nhiên, việc tham khảo trong Dīpavaṃsa phải là bất luận tư liệu chú giải nào ta có thể tiếp cận được đều ở thế kỷ thứ I trước CN và tư liệu đó sau này đã được truyền lại bằng truyền khẩu liên quan đến các bản văn mang tính chất giáo điều.

Thực sự là tư liệu chú giải đã mang tính chất khác hẳn nhau, rất có thể nên có một cố gắng để áp đặt một tính thống nhất trên đó và cũng để tìm kiếm các tư liệu đó được dễ hiểu hơn với các tỳ khưu người Sinhale bằng cách dịch sang một thứ tiếng địa phương. Bởi lẽ được chuyển dịch sang một thứ ngôn ngữ địa phương, thế nên rất dễ dàng được thêm thắt những chi tiết sự việc đã có một truyền thống chú giải liên tục tại Sri Lanka. Tự bản chất của nó đã được chứng tỏ do thực tế là Trưởng lão Buddhaghosa đã trích đoạn (từ các tập chú giải tiếng Sinhale ngài đang sử dụng) các tên những cá nhân vị Trưởng lão người Sinhale có quan điểm mà Trưởng lão đang chấp nhận hay từ chối (còn tiếp).■



10 lợi ích sức khỏe bất ngờ của trái xoài

Huyền Trang (sưu tầm)

Ăn xoài thường xuyên là cách để giúp cơ thể bạn chống lại nhiều căn bệnh đáng sợ như ung thư, tiểu đường, bệnh tim...

Xoài là loại trái cây phổ biến nhất thế giới vì hương vị độc đáo và giá trị dinh dưỡng tuyệt vời của nó. Một cốc xoài có thể cung cấp 25% lượng vitamin C cơ thể cần mỗi ngày, 2/3 vitamin A và một lượng lớn vitamin B6, vitamin E, pectin, photpho, kali và magie.

1. Ngăn chặn ung thư

Các hợp chất phenolic được tìm thấy trong xoài như quercetin, isoquercitrin, astragalin, fisetin và methylgallat đã được chứng minh là có đặc tính chống oxy hóa và chống ung thư. Xoài cũng là loại trái cây có hàm lượng pectin cao. Các cuộc nghiên cứu đã chỉ ra rằng, pectin có tác dụng giúp cơ thể chống lại ung thư đường tiêu hóa.

2. Hỗ trợ tiêu hóa

Xoài là loại trái cây rất hữu ích trong việc điều trị các bệnh về tiêu hóa. Trong xoài có chứa các enzyme giúp phá vỡ protein, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hấp thụ vào cơ thể, chất xơ có trong xoài cũng giúp ích rất nhiều trong việc hỗ trợ hệ tiêu hóa làm việc.

3. Ngăn ngừa bệnh tim

Xoài là loại trái cây tuyệt vời cung cấp vitamin A, E và selen cho cơ thể và giúp chống lại bệnh tim. Xoài cũng rất giàu vitamin B6, đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa bệnh tim bằng cách giảm mức độ homocysteine. Homocysteine là một axit amin trong máu gây tổn thương mạch máu.

4. Giảm LDL cholesterol

Hàm lượng pectin và vitamin C cao có trong xoài giúp làm giảm mức LDL cholesterol trong cơ thể, đặc biệt là LDL cholesterol xấu.

5. Làm giảm huyết áp

Xoài có hàm lượng kali cao, vì vậy, mà nó có thể điều chỉnh huyết áp. Do đó, ăn xoài thường xuyên

là cách để bạn giảm huyết áp mà không phải lo lắng đến tác dụng phụ.

6. Cải thiện trí nhớ

Xoài có chứa axit glutamine, một loại chất được biết đến với tác dụng cải thiện trí nhớ và giữ cho các tế bào não hoạt động. Ăn xoài thường xuyên là cách để chiến đấu với căn bệnh giảm trí nhớ khi có tuổi.

7. Giảm nguy cơ mắc bệnh tiểu đường

Lá xoài có tác dụng làm bình thường hóa nồng độ insulin trong máu. Đun sôi lá xoài trong nước khoảng 15 phút, để nó qua đêm và uống nước này vào sáng hôm sau. Điều này sẽ làm giảm lượng đường trong máu.

8. Tăng cường sức khỏe của đôi mắt

Xoài có nhiều vitamin A, một chất chống oxy hóa mạnh mẽ giúp tăng cường sức khỏe của đôi mắt và bảo vệ mắt chống lại sự thoái hóa điểm vàng liên quan đến tuổi tác. Tăng cường sức khỏe đôi mắt bằng xoài

9. Mang lại nhiều lợi ích cho làn da

Xoài là loại trái cây tốt cho làn da, bởi chúng có hàm lượng vitamin A cao. Chúng kích thích quá trình tuần hoàn máu ở màng nhầy và da, từ đó làm giảm tắc nghẽn lỗ chân lông, một hiện tượng khiến làn da bị tổn hại.

10. Xử lý tình trạng thiếu máu

Xoài có nhiều chất sắt, vì vậy mà chúng có thể giúp cơ thể khắc phục tình trạng thiếu máu, đặc biệt là thiếu máu do thiếu sắt. Vitamin C có trong xoài giúp tăng cường hấp thụ sắt. Vì vậy mà xoài là loại trái rất có lợi đối với phụ nữ mang thai và những người bị thiếu máu. ■

Tôi là người tu hành cần tư vấn pháp lý bảo vệ tài sản cho một Phật tử là chị M trong trường hợp sau đây: Suốt mấy tháng nay, chị Vũ Thị M ngụ tại Phường 18, Tân Bình, đang sống trong đau khổ. Bởi hy vọng để dành tài sản cho 2 con trai tiêu tan, khi phát giác anh chồng cũ là H. A. T của chị ngang nhiên dẫn người khác vào nhà chung sống. Theo lời chị M., nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn của chị M và anh T chính vì thói trăng hoa của anh T, do anh T công tác ở một cơ quan văn hóa của nhà nước được đi đây đi đó nhiều, nên anh T luôn có điều kiện giao lưu tình cảm với nhiều phụ nữ khác. Hơn 20 năm chung sống, không biết bao lần chị M phải rơi nước mắt vì đi bắt ghen chồng. Nhiều lần anh T thách thức ly hôn, nhưng vì muốn các con có cha nên chị M cố nín giữ gia đình. Năm 2009 thấy nỗi khổ của chị nên 2 con đề nghị ba mẹ ly hôn để giải phóng cho cả 2 người, phần tình cảm đã hết do nhiều lần khuyên chồng không thành, chị M đồng ý ra tòa ly hôn. Sau khi ly hôn, chị M bỏ đi sang quận 12 làm công nhân ở một khu công nghiệp. Căn nhà trên chính là món tài sản chung do 2 vợ chồng tạo lập trong quá trình hôn nhân (nhà mua hóa giá của Nhà nước), nên khi ly hôn cách đây 2 năm, chị vẫn đinh ninh như lời anh nói là sẽ để lại căn nhà cho 2 con trai, chị không yêu cầu chia tài sản, chị nói: "Thấy ông ấy một thân một mình, hai đứa con trai đều chưa có vợ nên tôi muốn giữ lại căn nhà cho 3 người có chốn đi về, cha con có nhau. Nào ngờ ông ta thấy tôi dễ dãi như vậy, đã không bỏ thói trăng hoa, dẫn hết người này đến người khác về nhà ở, làm 2 con trai xấu hổ, bỏ lên nơi làm việc ở luôn, không về". Chính vì vậy, nên Tết vừa qua, chị M đã quay về căn nhà làm睹 với anh T... Cảm thấy "mất mặt" trước người bạn gái mới, anh T đã gây gỗ và đánh chị M. Nhưng thay vì bỏ đi nơi khác cho an toàn tính mạng, thì chị M vẫn ở lại căn nhà này để làm cho anh T tức bỏ đi. Không ngờ hiệu quả ngược, anh T vẫn tiếp tục đưa bạn bè về nhà chơi, vợ chồng lại gây và đánh nhau, hậu quả là chị M, bầm hết mặt mũi nên chạy đi tìm Hội Phụ nữ phường và quận 12 ... can thiệp! Chị M cho biết chị rất cần được bảo vệ, muốn được hướng dẫn để đòi lại căn nhà, một phần chia cho các con có tài sản, phần chị cũng cần chút tiền để dưỡng già.

Vậy xin luật sư cho biết căn cứ Luật nào, Điều mấy thì chị M có thể kiện đòi chia tài sản này không? Chị M cần những bằng chứng nào chứng minh việc bị chồng cũ là anh T hành hung, vì chị M không khai báo như vậy, UBND Phường 18 có thể lập biên bản xử lý anh T không? Mong luật sư tư vấn giúp chị M và để cho mọi người cùng hiểu.

Tăng sinh Trung cấp Phật học TP. HCM

Luật bảo vệ tài sản

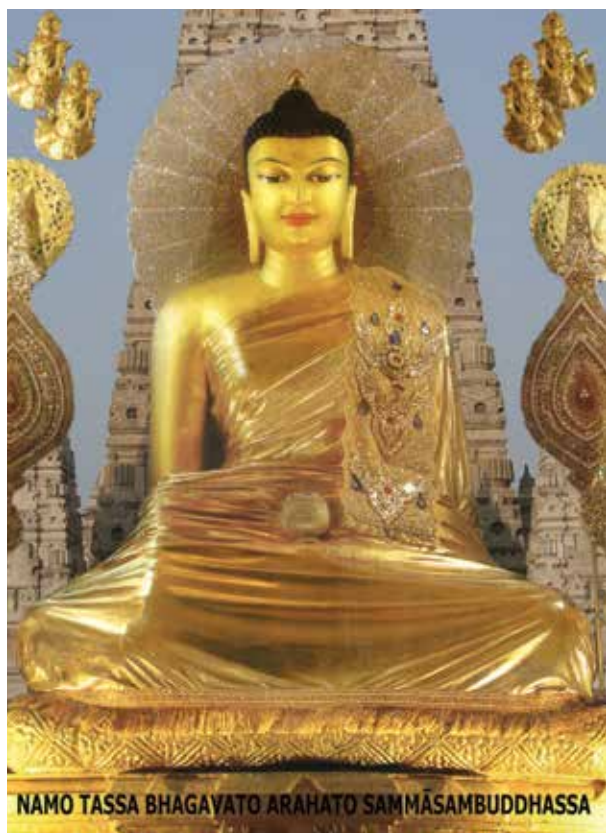
Luật Sư Mai: Để tư vấn chia sẻ với hoàn cảnh cô M về mặt khía cạnh pháp lý, tôi có một số ý kiến để đảm bảo quyền và lợi ích quy định theo nội dung trên:

1- Thông thường khi ly hôn Tòa án giải quyết ba vấn đề: Tình cảm, con chung, tài sản chung, do năm 2009 cô M ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nên đã xảy ra tranh chấp bất lợi cho phụ nữ, vì ông T quản lý tài sản chung mà còn có hành vi bạo hành đối với cô M. Cách giải quyết là cô M làm đơn gửi Tòa án yêu cầu chia tài sản sau ly hôn. Đây là tài sản chung của vợ chồng, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 27 Bộ Luật Tố tụng Dân sự, chị M là nguyên đơn khởi kiện nên đóng tiền tạm ứng án phí cho Nhà nước (chứng cứ: Giấy nộp tiền hóa giá nhà do Nhà nước cấp, giấy chứng nhận quyền sở hữu của vợ chồng; hộ khẩu, CMND; bản án ly hôn....)

2- Hành vi ông chồng (cũ) đánh chị M là vi phạm pháp luật. Chị M bị chồng đánh là xâm hại về tinh thần và thể xác con người. Do từ trước chị không trình báo cơ quan thẩm quyền can thiệp giải quyết là bị thiệt thòi, nay ông chồng vẫn tiếp tục đánh nữa. Vậy chị M có quyền tự bảo vệ mình hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ. Bằng việc chị M phải viết đơn trình bày rõ sự việc bị đánh với cơ quan thẩm quyền, nơi gửi đơn tại UBND Phường 18, cơ quan Công an địa phương là nơi bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân trong Phường, chắc chắn sẽ lên tiếng bảo vệ cho chị và có thể gửi cho cơ quan tổ chức đơn vị công tác của ông T chồng (cũ). Chị cứng rắn, mạnh dạn, đừng vì sĩ diện mà không dám tố cáo ông T có hành vi hành hung trước cơ quan chức năng. Nhằm ngăn chặn hành vi bạo hành của ông T tiếp tục xảy ra nữa. Nếu hành vi đánh chị M gây hậu quả đến sức khỏe, sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử phạt hành chính theo mức phạt tiền.

Rất mong chị M mạnh dạn, tự tin, tự bảo vệ mình hoặc yêu cầu cơ quan thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản cho mình. Chúc chị M sớm ổn định thành công trong cuộc sống. ■

Phật Giáo đã được giải thưởng “TÔN GIÁO TỐT NHẤT THẾ GIỚI”



NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDHASSA

Tượng Phật thờ tại Bồ Đề Đạo Tràng - Ấn Độ

Giải thưởng đặc biệt này đã được bầu chọn trên bàn tròn quốc tế với hơn 200 nhà lãnh đạo tôn giáo. Điều thú vị cần lưu ý là nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo đã chọn Phật giáo thay vì tôn giáo của họ, mặc dầu Phật tử chỉ là một thiểu số rất nhỏ trong số các thành viên ICARUS. Dưới đây là những ý kiến của bốn thành viên có quyền biểu quyết:

Jonna Hult, Giám đốc Nghiên cứu của ICARUS nói: Tôi không bắt ngờ khi Phật giáo đã thắng giải thưởng “Tôn giáo Tốt nhất Thế giới”, bởi vì thật sự Phật giáo không chủ trương chiến tranh.

Chúng ta hầu như không tìm thấy một Phật tử đã từng ở trong quân đội. Những người này đều thực hành những gì họ nói, đến độ chúng ta không thể làm được bằng các truyền thống tâm linh khác.

Một linh mục Công giáo, Cha Ted O’Shaughnessy, đã nói từ Belfast: “Tôi rất yêu thương Giáo hội Công

Theo: mingkok.buddhistdoor.com
Giác Minh Luật (dịch)

Liên minh Quốc tế Tiến bộ Tôn giáo và Tâm linh đặt ở Geneva, Thụy Sĩ (ICARUS) năm nay đã ban giải thưởng “Tôn giáo Tốt nhất Thế giới” cho Cộng Đồng Phật Giáo.

giáo. Nhưng điều luôn làm phiền tôi là chúng ta luôn rao giảng tình yêu trong Kinh Thánh, nhưng lại cho đó là ý Chúa mỗi khi nói đến việc giết hại con người. Vì lý do đó, tôi đã phải bỏ phiếu cho Phật giáo.”

Giáo sĩ Đạo Hồi Tal Bin Wassad, nói từ Pakistan qua một thông dịch của ông: “Trong khi tôi là một người Hồi giáo mộ đạo, tôi có thể thấy sự giận dữ và máu đổ được đưa vào trong tôn giáo thay vì chỉ nên ở mức độ cá nhân. Người Phật tử đã thấy rõ điều đó.” Bin Wassad, một thành viên ICARUS bỏ phiếu của cộng đồng Hồi giáo lại tiếp tục nói: “Trong thực tế, một số bạn tốt nhất của tôi lại theo Phật giáo”.

Và Rabbi Shmuel Wasserstein đến từ Jerusalem. “Tất nhiên, tôi yêu đạo Do Thái, và tôi nghĩ đó là tôn giáo lớn nhất trên thế giới. Nhưng nói thật, tôi đã thực hành Thiền Định mỗi ngày trước khi minyan (việc cầu nguyện hàng ngày của người Do Thái) từ năm 1993. Vì vậy, tôi hiểu được nó”.

Tuy nhiên, có một trở ngại: ICARUS không thể tìm thấy bất cứ ai để ban tặng giải thưởng này. Tất cả các Phật tử mà họ gọi đến lại luôn nói rằng họ không cần giải thưởng.

Khi được hỏi lý do tại sao cộng đồng Phật giáo Miến Điện từ chối giải thưởng, Sư Bhante Ghurata Hanta trả lời từ Miến Điện: “Chúng tôi rất biết ơn được quý vị công nhận, nhưng chúng ta nên ban giải thưởng này cho toàn nhân loại, bởi vì Phật tính có sẵn trong mỗi chúng ta”. Ông Groehlichen nói: “Chúng tôi sẽ tiếp tục kêu gọi cho đến khi chúng tôi tìm thấy một Phật tử bằng lòng nhận giải thưởng này. Chúng tôi sẽ cho ông biết khi nào chúng tôi làm được điều đó”.

Hội thảo

“Giáo dục và Giáo dục Phật giáo Việt Nam: Định hướng và Phát triển”

Hội thảo khoa học với chủ đề “Giáo dục và giáo dục Phật giáo Việt Nam: định hướng và phát triển” được Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức ngày 9/5, tại Hà Nội với sự góp mặt của hàng trăm nhà giáo dục Phật học, các chuyên gia, nhà nghiên cứu về giáo dục, nhà giáo... trên toàn quốc.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã cùng chia sẻ các vấn đề quan tâm về giáo dục và giáo dục Phật giáo trong mối quan hệ với sự phát triển xã hội và Giáo hội, đào tạo nhân cách, định hướng nghề nghiệp, xây dựng tương lai của nhiều thế hệ. Những nguyên lý, triết lý giáo dục, giáo dục Phật giáo và giáo dục quốc dân, tính đặc thù của giáo dục Phật giáo cũng như những định hướng, mô hình và phương pháp giáo dục Phật giáo đã cùng được đề xuất tại Hội thảo. Nhiều ý kiến cho rằng dù thời đại lịch sử và không gian văn hóa của mỗi quốc gia, của mỗi dân tộc có khác nhau nhưng việc giáo dục, đào tạo và tuyển chọn tăng tài luôn được coi là Phật sự hàng đầu của Giáo hội Phật giáo. Kể từ ngày thành lập GHPGVN, Giáo dục Tăng Ni luôn được coi là Phật sự trọng đại trong mọi hoạt động của Giáo hội. Ban giáo dục Tăng Ni Trung ương đã định hướng và hỗ trợ phát triển giáo dục Phật giáo cho hàng chục nghìn Tăng Ni sinh tại 4 Học viện Phật giáo Việt Nam, 9 lớp Cao đẳng Phật học, 33 Trường Trung cấp Phật học và gần 100 lớp Sơ cấp Phật học trên toàn quốc. Hàng vạn Tăng Ni ra trường đã trở thành tu sĩ có trình độ Phật học và thể học vững vàng, đóng góp tích cực và có hiệu quả trong Phật sự hoằng pháp, góp phần phát triển đất nước và Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn hội nhập và toàn cầu hóa. ■



Đại Lễ Phật Đản tại Tổ đình Vĩnh Nghiêm

Chơn Minh - Tấn Phát



HT. Thích Trí Quảng đón nhận lẵng hoa do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao tặng

Sáng ngày 5/5/2012 tại Tổ đình Vĩnh Nghiêm, Đại lễ mừng Phật đản sanh đã được Thành hội Phật giáo TP. HCM tổ chức trọng thể với sự tham dự của chư Tôn Giáo phẩm đại diện VP2, và các Ban viện TW thuộc GHPGVN và Thành hội PGVN tại TP. HCM, quý chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, quý Ni trưởng, Ni sư và chư Đại đức Tăng Ni đại diện các Tổ đình, Tự viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật Đường trên địa bàn thành phố. Đại diện chính quyền và các ban ngành thành phố như HĐND; UBND; UBND TP. HCM; Ban Dân vận Thành ủy; Ban Tôn giáo TP. HCM, Tổng Lãnh sự quán Ấn Độ, đại diện các tôn giáo bạn trong thành phố, cùng đông đảo thiện nam, tín nữ trên địa bàn thành phố.

Khởi đầu buổi lễ Chư Tăng, Ni, quan khách và Phật tử làm lễ niệm hương trang trọng trước lễ đài. HT. Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Trưởng ban Trị sự THPG TP. HCM kiêm Trưởng ban Tổ chức đọc diễn văn khai mạc, nêu ý nghĩa ngày lễ Phật Đản. Trong buổi lễ Chư Tôn giáo phẩm cũng được đón nhận những lẵng hoa tươi thắm do các Đại biểu, khách mời cung dâng. Các đoàn sinh trong GDPT và các cháu thiếu nhi cùng tham gia múa hát chào mừng Phật Đản sanh. Đại biểu tham dự đã phát biểu ý kiến. Cuối buổi lễ chư tôn Thiên đức cùng tham gia thả chim bồ câu, thả nhiều bong bóng đủ màu sắc để cầu nguyện Hòa bình cho đất nước, cầu nguyện hướng đến Đại hội GHPGVN lần thứ 7 sẽ được tổ chức vào cuối năm 2012 được thành công tốt đẹp. ■

Tổ đình Bửu Quang tổ chức đại lễ Phật đản - Tam hợp Vesak Phật lịch 2556

Hoa Cúc

Sáng ngày 14 tháng 4 âm lịch, Tổ đình Bửu Quang, tọa lạc 171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM long trọng tổ chức Đại lễ Phật đản - Vesak Phật lịch 2556. Đến tham dự có Hòa thượng Thích Thiện Tâm - Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy, đồng tham dự có gần 1000 chư tăng, Tu nữ, và sự hiện diện của khoảng 4000 Phật tử.

Trong buổi lễ, Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh giảng pháp đến chư Phật tử. Đại đức Tiến sĩ Thiện Minh Trụ trì - Trưởng Ban tổ chức phát biểu khai mạc Đại lễ. Hòa thượng Tiến sĩ Thiện Tâm Trưởng ban Quản trị Tổ đình Bửu Quang khai kinh chúc phúc đến gia đình thí chủ, và chủ trì phái đoàn 1000 Chư tăng ni trì bình khất thực theo nghi thức Phật giáo nguyên thủy.

Gia đình bà Lưu Thị Ngọc Ảnh (phu nhân ông Tổng Giám đốc Suối Tiên), gia đình Châu Tâm, gia đình Tuyết Hiệu và chư Phật tử Tổ đình Bửu Quang thành tâm cúng dường. Đặc biệt, trong buổi lễ Chư tăng Ni và Phật tử dùng cơm trưa tự chọn (buffet). Buổi lễ kết lúc 12 giờ trưa cùng ngày trong niềm hoan hỷ của đại chúng. Buổi tối, từ 18 giờ đến 6 giờ sáng ngày rằm tháng tư là đêm Đâu đà, thức suốt đêm không ngủ, ngăn oai nghi năm để cúng dường và tưởng nhớ đến đức Phật Thích Ca, vì lòng từ bi bao la đối với chúng sanh. Trong đêm đầu đà, có nhiều tiết mục hay cho Phật tử học đạo, như giảng

pháp, chiêm bái xá lợi, hành thiền, tụng kinh, đối vui Phật Pháp v.v... ■



Ươm tình Hữu nghị

Nguyễn Chiến Thắng

Thường vụ TW Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia
Cựu Đại sứ Việt Nam tại Campuchia

(Vietpeace) Hưởng ứng năm Hữu nghị Việt Nam - Campuchia và góp phần thiết thực kỷ niệm 45 năm ngày thiết lập Quan hệ Ngoại giao hai nước Việt Nam - Campuchia, tháng 2 năm 2012, Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia đã phát động phong trào các cựu chuyên gia, cựu quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia, cán bộ Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia nhận đỡ đầu lưu học sinh Campuchia đang học tập và nghiên cứu ở Việt Nam.

Đây là một sáng kiến có ý nghĩa lớn của Hội. Thông qua các hoạt động giao lưu trong gia đình người nhận đỡ đầu, các hoạt động tìm hiểu phong tục tập quán của Việt Nam và tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt của các em học sinh Campuchia, phong trào nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia, động viên các em học sinh Campuchia phấn đấu học tập tốt, góp phần củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa hai dân tộc.

Sau khi phát động, phong trào đã được hưởng ứng tích cực. Ở miền Bắc đã có 14 bậc cha mẹ gồm các cựu quân tình nguyện, cựu chuyên gia hoặc những cán bộ từng có thời gian công tác ở Campuchia, và một số cán bộ Trung ương Hội đã nhận đỡ đầu 49 em sinh viên Campuchia. Các bậc cha mẹ đã đón các em về nhà giới thiệu với người thân, cùng sinh hoạt trong không khí gia đình ấm cúng, động viên giúp đỡ các em bằng những việc làm thiết thực. Nhiều em đã xúc động nói: "Từ nay các em có thêm một gia đình ở Việt Nam, có thêm những người thân ở Việt Nam, bớt đi nỗi nhớ nhà của một lưu học sinh". Nhân ngày tết cổ truyền của Campuchia, ngày 8/4/2012, Trung ương Hội đã phối hợp với Ủy ban nhân dân, Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị và Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức cuộc gặp mặt giao lưu giữa các em được nhận đỡ đầu với các cựu chuyên gia và cựu quân tình nguyện tỉnh Vĩnh Phúc. Tất cả 49 em cùng với các cha mẹ đỡ đầu đã từ Hà Nội lên Vĩnh Phúc, được các chú các bác ở tỉnh đón tiếp tận tình, chu đáo, được tham gia liên hoan văn nghệ và được nhận quà nhân ngày tết cổ truyền, được nghe giới thiệu về tình hình kinh tế xã hội và thăm một thắng cảnh của tỉnh. Cuộc giao lưu thật xúc động và rất thiết thực đã tạo điều kiện cho các em hiểu biết thêm về lịch sử quan hệ hữu nghị giữa hai nước, trau dồi thêm tình cảm yêu mến về đất nước và con người Việt Nam.

Tại miền Nam, Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia Thành phố Hồ Chí Minh cũng vừa phát động phong trào này. Ngày 29/4/2012, Hội đã phối hợp với Ban đại diện lưu học sinh Campuchia tại thành phố đến viếng chùa



Phổ Minh và giao lưu với các Phật tử nhân kỷ niệm Phật đản sinh. Trụ trì chùa Phổ Minh, TS. Hòa thượng Thích Thiện Tâm – Ủy viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phó ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Thành phố và cũng là Phó Chủ tịch Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia, Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam – Campuchia Thành phố đã nói chuyện thân mật với các em sinh viên học tại các trường Thành phố (gồm trường Đại học Y Dược, Kinh tế, Hồng Bàng). Sau đó, các sinh viên Campuchia đã dự lễ cúng Phật và dùng bữa trưa với Hòa thượng cùng các Phật tử tại chùa trong không khí trang nghiêm và hòa đồng thân mật. Hưởng ứng phong trào đỡ đầu các em học sinh Campuchia tại thành phố Hồ Chí Minh. Hòa thượng Thích Thiện Tâm đã nhận giúp đỡ 100 em sinh viên Campuchia đang học tập tại thành phố trong năm 2012.

Hiện có nhiều cá nhân, nhiều chi hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia đang chuẩn bị nhận đỡ đầu các em sinh viên Campuchia. Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia đã có kế hoạch sơ kết, rút kinh nghiệm để nhân rộng phong trào này. Tuy mới là những kết quả bước đầu, những hoạt động đỡ đầu nêu trên đã thực sự là nơi giao lưu gửi gắm tình cảm của các em sinh viên Campuchia trong thời gian học tập và nghiên cứu tại Việt Nam, thực sự là vườn ươm và chăm sóc cho tình hữu nghị bền lâu giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia.

Việc làm này của Trung ương Hội đã được đồng chí Vũ Mão Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia báo cáo với Ngài Hun Sen, Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia nhân chuyến đi thăm chính thức Vương Quốc Campuchia của đoàn Đại biểu Cấp cao Trung ương Hội. Thủ tướng Hun Sen rất hoan nghênh và đánh giá cao sáng kiến của Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia. ■

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 19

01	Thích Ca Phật Đài	150 quyển
02	GĐ Minh Quân - Chu Kim Ngọc	20 quyển
03	GĐ Như Minh - Diệu Phát	10 quyển
04	GĐ BS Phạm Lê An	25 quyển
05	GĐ Lâm Thị Cẩm Lan	10 quyển
06	GĐ Út Ái Ngọc	05 quyển
07	GĐ PT Nguyên Hương Tân	10 quyển
08	PT Lâm Khánh Vân	05 quyển
09	PT Lâm Khả Vân	05 quyển
10	PT Mai Cẩm Vân	05 quyển
11	PT Lâm Thị Tường Vân	05 quyển
12	PT Lâm Bảo Quỳnh Như	05 quyển
13	PT Lâm Bảo Nghi	05 quyển
14	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
15	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
16	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
17	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
18	GĐ Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	100 quyển
19	Nguyễn Thị Định - Pd. Nguyên Hạnh	50 quyển
20	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	50 quyển
21	TN Diệu Liên	05 quyển
22	GĐ Mười Trang	10 quyển
23	Cô Mai	10 quyển
24	Thái Sen (GĐ cô 5 Nị)	20 quyển
25	Hồ Thị Mỹ Duyên	05 quyển
26	Chú Hội - Cô Lại	20 quyển
27	GĐ Trí Thọ	25 quyển
28	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
29	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển

30	TN Quang Ngử (Trần Thị Liên)	05 quyển
31	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
32	Võ Thị Định	03 quyển
33	TN. Phước Sơn	01 quyển
34	Phạm Thị Dung - Sơn Kiều	02 quyển
35	TN. Diệu Tấn	02 quyển
36	TN. Pháp Truyền - Quang Tuệ	04 quyển
37	Cô Linh - Suối Tiên	20 quyển
38	Diệu Hội - Việt Hưng	03 quyển
39	Ngọc Lan - Anh Thư	02 quyển
40	Thiện Hiếu - Cô Hạnh	02 quyển
41	TN. Đức Tâm	01 quyển
42	Bùi Thị Diễm Thúy	05 quyển
43	Hồng Hoa - Mai Khanh	05 quyển
44	Thu Hà - Mai Thị Xuân	10 quyển
45	Vô danh	01 quyển
46	Trịnh Thị Mỹ Duyên	05 quyển
47	Thuận Toàn - Kim Chi	02 quyển
48	Thanh Tuấn - Lê Thị Xuân	02 quyển
49	Minh Quân - Thanh Dũng	02 quyển
50	Huỳnh Trung Nam	05 quyển
51	Đỗ Thị Hiếu – Đỗ Thị Tâm	08 quyển
52	Lê Thị Nương – Đỗ Thị Phụng	02 quyển
53	Phạm Thị Anh Thư - Huệ Vỹ	05 quyển
54	Nguyễn Minh Đức - Cô Tươi	05 quyển
55	Cô Hoàng	03 quyển
56	Đoàn Thị Thảo	03 quyển
57	Ngọc Trâm - Mai Kìa	02 quyển
58	Cô Mộc Đào - Hà Thị Liên	05 quyển
59	Nguyễn Thị Kim Hồng	10 quyển

giá: 20.000 đồng